

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Thời gian: 08^h30 ngày 19 tháng 04 năm 2023

Địa điểm: Tầng 4, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI	THỜI GIAN
I	Đón tiếp và tiến hành thủ tục kiểm tra tư cách đại biểu	08h30 - 09h00
II	Nghi thức Đại hội	09h00 - 09h15
1	Khai mạc và giới thiệu Đại biểu tham dự Đại hội.	
2	Phát biểu khai mạc của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.	
3	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Đại biểu tham dự Đại hội.	
4	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.	
5	Giới thiệu và biểu quyết thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm phiếu.	
6	Chủ tọa giới thiệu thành phần Ban Thư ký.	
7	Thông qua nội dung Đại hội.	
III	Nội dung Đại hội	09h15 - 10h00
1	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công Ty.	
2	Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023.	
3	Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023.	
4	Trình bày các nội dung trình Đại hội: - Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; - Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2023; - Thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023; - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; - Các nội dung khác.	
IV	Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại hội	10h00 - 10h30
V	Bầu cử	10h30 - 10h45
1	Thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.	
2	Bỏ phiếu bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.	
VI	Giải lao và kiểm phiếu	10h45 - 11h00
VII	Công bố kết quả kiểm phiếu	11h00 - 11h15
VIII	Tổng kết Đại hội	11h15 - 11h30
1	Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	
2	Tuyên bố bế mạc Đại hội.	

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: TMH-ĐHĐCĐTN/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2023

**THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi: Quý Cổ Đông

Hội Đồng Quản Trị của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“**Công Ty**”) trân trọng kính mời cổ đông đến tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 với thông tin cụ thể như sau:

- Thời gian và địa điểm họp:** 08^h30 ngày 19 tháng 04 năm 2023 tại Tầng 4, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.
- Chương trình họp:** Đính kèm Thư mời họp và được đăng tải trên website của Công Ty.
- Tài liệu họp:** Được đăng tải trên website của Công Ty.
- Đăng ký dự họp:** Để việc đón tiếp, tổ chức được chu đáo, cổ đông vui lòng đăng ký dự họp với Ban Tổ chức Đại hội theo thông tin liên hệ dưới đây trước 17^h00 ngày 18 tháng 04 năm 2023.

Cổ đông, đại diện của cổ đông khi đến tham dự họp vui lòng mang theo bản gốc của (i) Thư mời họp; (ii) Giấy ủy quyền tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 trong trường hợp cá nhân đến tham dự họp là đại diện ủy quyền của cổ đông (tham khảo *Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023* được đăng tải trên website của Công Ty); và (iii) CMND/CCCD/Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân tương đương của cá nhân đến tham dự họp.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

ĐỖ ANH TÚ

Thông tin liên hệ: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (028) 39118014 - Số nội bộ: 232 (Chị Tâm)
Fax: (028) 39118015
Website: <https://www.tpbs.com.vn/>

Vui lòng sử dụng mã này tại địa điểm họp

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ / ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi: **BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 -
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG (“Công Ty”)**

Tên cổ đông:	MSCD:
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN:	
Ngày cấp:	Nơi cấp:
Địa chỉ:	Điện thoại:
Người đại diện theo pháp luật (cổ đông là tổ chức):	
Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu:	cổ phần Công Ty (Mã CK: ORS)

Căn cứ Thư mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 của Công Ty, tôi/chúng tôi xác nhận việc tham dự họp như sau: (Vui lòng đánh dấu X vào ô lựa chọn tương ứng)

<input type="checkbox"/> Trực tiếp tham dự	<input type="checkbox"/> toàn bộ cổ phần.	
	<input type="checkbox"/> một phần, cụ thể là:	cổ phần.
<input type="checkbox"/> Ủy quyền cho người khác^(*)	<input type="checkbox"/> toàn bộ cổ phần.	
	<input type="checkbox"/> một phần, cụ thể là:	cổ phần.
Tên người được ủy quyền:		
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:		
Ngày cấp:	Nơi cấp:	
Địa chỉ:	Điện thoại:	
<input type="checkbox"/> Ủy quyền cho Ông Đỗ Anh Tú - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị^(*)	<input type="checkbox"/> toàn bộ cổ phần.	
	<input type="checkbox"/> một phần, cụ thể là:	cổ phần.

(*)Nội dung ủy quyền: Thay mặt và đại diện cổ đông thực hiện tất cả quyền, nghĩa vụ của cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 của Công Ty, bao gồm nhưng không giới hạn việc tham dự họp, thảo luận, phát biểu ý kiến và thực hiện biểu quyết, bầu cử.

Thời gian ủy quyền: Kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 của Công Ty, bao gồm các lần triệu tập lại (nếu có).

Cổ đông hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm 2023

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: QCTC/ĐHĐCĐTN/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

QUY CHẾ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Điều Lệ**");

Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**") được tổ chức và tiến hành theo các quy định sau đây:

Điều 1. Cổ đông tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đối tượng được quyền tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 ("**Đại hội**"): Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty có quyền tham dự Đại hội (theo Danh sách người sở hữu chứng khoán có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do VSD chốt tại ngày 14 tháng 03 năm 2023) hoặc người được cổ đông có quyền tham dự Đại hội ủy quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền của cổ đông ("**Đại biểu**") khi tham dự Đại hội phải có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi tại Thư mời họp và làm thủ tục đăng ký dự họp với Ban Tổ chức Đại hội.
3. Đại biểu dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp với Ban Tổ chức Đại hội, được tham dự và tham gia biểu quyết các nội dung còn lại cần biểu quyết theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những vấn đề đã được biểu quyết không bị ảnh hưởng.
4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa và Ban Tổ chức Đại hội; ứng xử văn minh, lịch sự và giữ gìn trật tự tại Đại hội; không hút thuốc lá trong phòng tổ chức Đại hội; không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội; điện thoại phải được tắt hoặc để chế độ rung.
5. Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa.

Điều 2. Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa của Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch bao gồm 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị là thành viên Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa của Đại hội. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và/hoặc Ban Kiểm Soát và/hoặc Tổng Giám Đốc là các thành viên còn lại của Đoàn Chủ tịch.

2. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, biểu quyết theo đa số.
3. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các nội dung của Đại hội theo chương trình Đại hội đã được thông qua tại Đại hội, phản ánh được mong muốn của đa số Đại biểu tham dự Đại hội.
 - b. Hướng dẫn Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung trong chương trình Đại hội.
 - c. Trình dự thảo, tổng hợp những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại biểu yêu cầu thuộc phạm vi nội dung chương trình Đại hội.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 3. Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội

1. Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu bao gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban và 02 (hai) thành viên, do Chủ tọa phân công và được giới thiệu tại Đại hội. Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu:
 - a. Thực hiện việc kiểm tra tư cách và tình hình Đại biểu đến dự họp.
 - b. Trưởng ban Kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo tình hình Đại biểu dự họp và kết quả kiểm tra tư cách Đại biểu với Đại hội.
 - c. Thực hiện nhiệm vụ liên quan khác theo yêu cầu của Đoàn Chủ tịch.

Điều 4. Ban Kiểm phiếu của Đại hội

1. Ban Kiểm phiếu bao gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban và 02 (hai) thành viên, do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - a. Xác định chính xác kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử tại Đại hội.
 - b. Tổng hợp và thông báo kết quả kiểm phiếu tại Đại hội theo sự phân công của Chủ tọa.
 - c. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc ý kiến, khiếu nại về kết quả kiểm phiếu (nếu có).

Điều 5. Thực hiện nhiệm vụ liên quan khác theo yêu cầu của Đoàn Chủ tịch. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội.

- b. Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký.
 - c. Ban Thư ký sẽ sắp xếp (các) Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển cho Đoàn Chủ tịch.
 - d. Đại biểu khi cần phát biểu hoặc thảo luận thì giơ tay, chỉ khi Chủ tọa mời mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 03 (ba) phút, nội dung phát biểu cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của Đại biểu:
- a. Trên cơ sở Phiếu thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc người do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp, trả lời ý kiến của Đại biểu.
 - b. Trường hợp do giới hạn về thời gian, các ý kiến chưa được giải đáp trực tiếp tại Đại hội thì sẽ được giải đáp bằng văn bản hoặc email gửi đến Đại biểu sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 6. Biểu quyết thông qua các vấn đề lấy ý kiến tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
- Các vấn đề, nội dung trong chương trình Đại hội sẽ được thảo luận công khai và biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu kín hoặc bằng các phương thức khác theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội.
2. Thẻ biểu quyết:
- a. Thẻ biểu quyết được Ban Tổ chức Đại hội in và gửi trực tiếp cho Đại biểu tại Đại hội.
 - b. Mỗi Đại biểu chỉ có 01 (một) thẻ biểu quyết. Trên thẻ biểu quyết có ghi rõ tên Đại biểu, mã số thẻ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết của Đại biểu đó.
3. Cách thức biểu quyết:
- a. Đại biểu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” vào phương án lựa chọn tương ứng: “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” cho từng vấn đề biểu quyết ghi trên thẻ biểu quyết.
 - b. Đại biểu bỏ thẻ biểu quyết vào thùng phiếu kín hoặc bằng phương thức khác theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội.
4. Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Thẻ biểu quyết không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát ra.
 - b. Thẻ biểu quyết không có chữ ký của Đại biểu.
 - c. Thẻ biểu quyết bị rách, gach, tẩy xóa.
 - d. Thẻ biểu quyết nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong.
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Thẻ biểu quyết không hợp lệ thì được xem không biểu quyết và không được tính vào kết quả biểu quyết.

5. Trường hợp có vấn đề biểu quyết mà Đại biểu không lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một vấn đề biểu quyết thì được xem là Đại biểu biểu quyết “Không có ý kiến” đối với vấn đề biểu quyết đó.
6. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, đề cử, giới thiệu, bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát tại Đại hội (nếu có) được thực hiện theo Quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội phù hợp với Điều Lệ, quy định nội bộ của Công Ty và quy định của pháp luật.

Điều 7. Biên bản họp, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông

Biên bản họp và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Đại biểu tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm cụ thể, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định hình thức xử lý theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
2. Quy chế này gồm 09 (chín) Điều và có hiệu lực thi hành ngay khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại Đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐỖ ANH TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NĂM 2023**

(Tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 19 tháng 04 năm 2023)

MỤC LỤC

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022	1
I. Tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2022.....	1
1. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2022	1
2. Thị trường chứng khoán năm 2022.....	1
3. Thuận lợi và khó khăn của Công Ty năm 2022	2
II. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty năm 2022	3
1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022	3
2. Tình hình tài chính năm 2022	5
III. Nội dung khác.....	6
1. Các hoạt động kinh doanh chính của Công Ty năm 2022	6
2. Các nền tảng hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công Ty năm 2022.....	8
PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023	10
I. Dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2023	10
1. Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô năm 2023	10
2. Dự báo tình hình thị trường chứng khoán năm 2023	11
3. Dự báo thuận lợi và khó khăn của Công Ty năm 2023	12
II. Kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công Ty năm 2023.....	12
1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023.....	12
2. Một số giải pháp hoạt động kinh doanh năm 2023	13

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Số: BC01-HĐQT/ĐHĐCĐTN2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023**

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ Quy chế Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty năm 2022;

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua “**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023**” với các nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

I. Tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2022

1. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2022

Việt Nam bước vào năm 2022 với nhiều kỳ vọng trên nhiều phương diện; thị trường chứng khoán bùng nổ và VN-Index tiến đến đỉnh mới ở mức 1.524,7 điểm; dịch bệnh đã được kiểm soát và hoạt động giao thương đã mở cửa với thế giới. Tuy nhiên, tình hình tích cực nêu trên không duy trì được lâu khi xuất hiện nhiều biến động bất ngờ về kinh tế - chính trị cả trong và ngoài nước.

Chiến tranh Nga - Ukraina bùng nổ, tình hình lạm phát tăng mạnh đã buộc các ngân hàng trung ương mạnh tay tăng lãi suất cao nhất từ trước đến nay, tiềm ẩn nhiều nguy cơ về suy thoái kinh tế thế giới. Tình hình trong nước cũng đầy biến động khi một loạt các vụ việc sai phạm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán bị phát hiện trong năm vừa qua đã làm lộ diện các lỗ hổng pháp lý và nhiều kiểu biến tướng của các kênh huy động vốn, Nghị định 65/2022/NĐ-CP¹ được ban hành đã thắt chặt việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, lãi suất huy động tiền gửi tăng mạnh, vấn đề thanh khoản hệ thống ngân hàng, tín dụng cho ngành bất động sản đã bị kiểm soát chặt chẽ đối với cả chủ đầu tư và nhà đầu tư bất động sản.

Tăng trưởng tín dụng giảm từ 16,5% trong tháng 10/2022 (so với cùng kỳ) xuống 15,0% trong tháng 11/2022 (so với cùng kỳ) do điều kiện huy động tài chính trong

¹ Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

nước bị thắt chặt sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) nâng các mức lãi suất chính sách điều hành trong tháng 09/2022 và tháng 10/2022. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm bình quân ở mức cao 5,7% trong tháng 11/2022. Vào đầu tháng 12/2022, NHNN công bố nâng trần tăng trưởng tín dụng thêm 1,5%-2%.

Điểm sáng trong bức tranh kinh tế năm vừa qua đó là GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022; giá trị xuất nhập khẩu đạt mức cao kỷ lục 730 tỷ USD, dòng vốn đầu tư nước ngoài FDI thực hiện năm 2022 ước tính đạt 22,40 tỷ USD, tăng 13,45% so với năm 2021.

2. Thị trường chứng khoán năm 2022

Thị trường chứng khoán bước vào năm 2022 với cảm xúc tràn đầy năng lượng và phấn khởi trước đà hồi phục của nền kinh tế Việt Nam cũng như sự tăng trưởng mạnh mẽ chưa từng có của thị trường chứng khoán năm 2021. Nhà đầu tư vô cùng hào hứng với sự thăng hoa của thị trường cổ phiếu khi chỉ số VN-Index lập đỉnh 1.530 điểm cuối Quý I/2022, mặc dù sau đó rơi vào trạng thái sợ hãi trong những nhịp giảm điểm sâu 20-30% hoặc giây phút tưởng chừng như nghẹt thở khi VN-Index về mức 873 điểm. Các đợt sụt giảm mạnh này đã khiến hơn 90% cổ phiếu ghi nhận giảm giá, trong đó nhiều mã giảm đến 60-70% giá trị và liên tục xác lập mức đáy mới của năm.

Thanh khoản sụt giảm là vấn đề chính của thị trường chứng khoán, nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ lo ngại về rủi ro của thị trường trái phiếu doanh nghiệp sau giai đoạn tăng nóng trước đó. Sau các vụ việc sai phạm diễn ra ở một số tập đoàn lớn và nhiều doanh nghiệp, cá nhân có liên quan bị xử lý hình sự, áp lực đáo hạn trái phiếu trước hạn gia tăng, tác động tiêu cực đến các tổ chức tài chính, các tổ chức phát hành trái phiếu và cả dòng tiền trên thị trường chứng khoán.

Bên cạnh đó, khi các hoạt động kinh tế trở lại bình thường, dòng tiền trở lại cho sản xuất kinh doanh tăng mạnh cũng đã góp phần làm suy yếu thanh khoản thị trường chứng khoán. Đồng thời, dòng tiền cho vay giao dịch ký quỹ (margin) đã giảm mạnh về quanh vùng 90.000 tỷ đồng, tương đương giảm gần 110.000 tỷ đồng so với mức đỉnh tại Quý I/2022; hệ quả là giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân trên Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) giảm về dưới mức 10 nghìn tỷ đồng/phiên trong tháng 10-11/2022 và 14 nghìn tỷ đồng/phiên trong tháng 12/2022 so với mức trung bình hơn 25 nghìn tỷ đồng/phiên trong giai đoạn từ tháng 09/2021-03/2022.

Tình hình nêu trên đã có nhiều tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư, thể hiện qua thống kê số tài khoản giao dịch chứng khoán mở mới lao dốc mạnh từ vùng đỉnh hơn 400.000 tài khoản/tháng trong giai đoạn tháng 05-06/2022 về mức dưới 100.000 tài khoản/tháng trong giai đoạn tháng 10-12/2022.

3. Thuận lợi và khó khăn của Công Ty năm 2022

a. Thuận lợi

Mặc dù những bất ổn về kinh tế - chính trị cả trong và ngoài nước trong năm 2022, nhưng Công Ty đã sớm nhận diện vấn đề, chủ động và linh hoạt thay đổi kế hoạch hoạt động kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế tại từng thời điểm.

Thừa hưởng từ hệ sinh thái Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”), ngay từ đầu Công Ty đã định hướng tập trung phát triển công nghệ, tối ưu việc phục vụ khách hàng trên nền tảng công nghệ. Trong năm 2022, Công Ty tự hào đón nhận giải thưởng

“Công ty chứng khoán chuyển đổi số sáng tạo nhất Việt Nam” do Global Business Outlook Awards bình chọn, được vinh danh **“Giải pháp sản phẩm dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam năm 2022”** do Asian Banking and Finance Awards trao tặng.

b. Khó khăn

Hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp từng mang lại doanh thu ấn tượng cho Công Ty trong năm 2021 bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi thị trường trái phiếu doanh nghiệp trầm lắng trong năm 2022, xuất phát từ tâm lý hoang mang, lo lắng của nhà đầu tư sau khi xảy ra một số vụ việc vi phạm liên quan đến trái phiếu.

Ngoài ra, trong các mảng hoạt động kinh doanh khác, mức độ cạnh tranh trên thị trường Việt Nam hiện nay khá gay gắt. Hoạt động môi giới chứng khoán của Công Ty dù đã được đẩy mạnh, đầu tư hơn nhiều so với các năm trước, nhưng với những diễn biến bất lợi của thị trường chứng khoán trong năm 2022, Công Ty cũng chưa thể phát triển như kỳ vọng và bắt kịp với các công ty chứng khoán lớn khác về quy mô hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ.

Do tình hình tài chính và thị trường chứng khoán không thuận lợi trong năm 2022, kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công Ty từ 2.000 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng đã được tạm hoãn. Công Ty đối mặt với một số khó khăn nhất định trong quá trình triển khai các hoạt động kinh doanh so với kế hoạch đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong năm 2022.

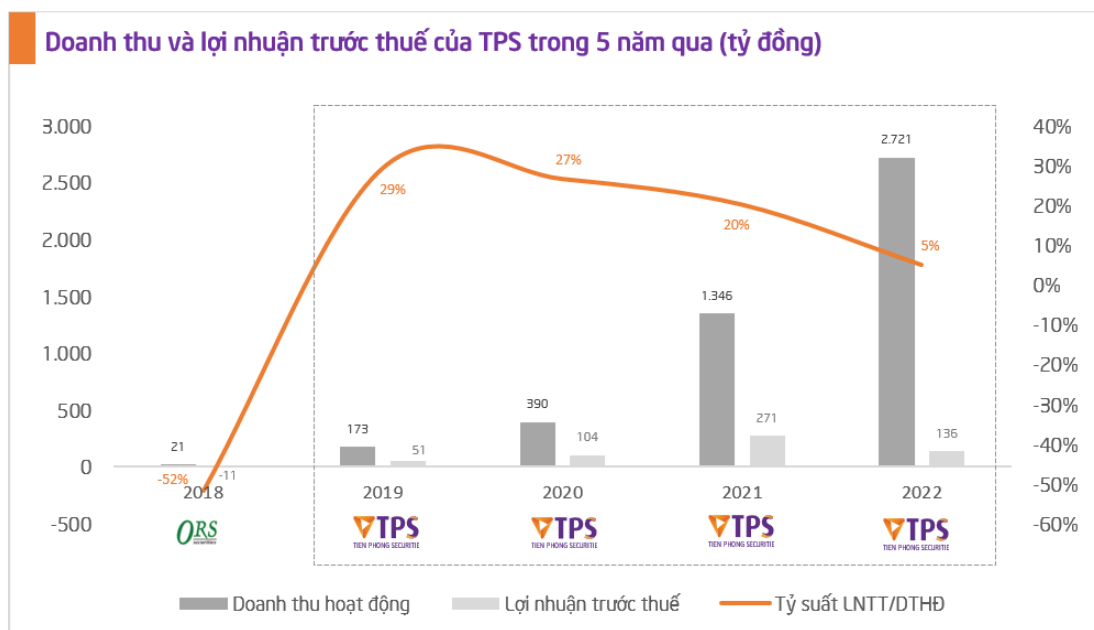
II. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty năm 2022

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	+/- năm 2022 so với năm 2021
1	Doanh thu	400.462	1.359.596	2.732.979	101,01%
2	Chi phí	296.752	1.088.248	2.556.785	134,95%
3	Lợi nhuận trước thuế	103.710	271.347	176.194	-35,07%
4	Lợi nhuận sau thuế	89.266	210.684	135.675	-35,60%

(Nguồn: Báo cáo tài chính TPS)



Năm 2022 với nhiều khó khăn, thách thức nhưng Công Ty vẫn ghi nhận mức doanh thu kỷ lục gần 2.733 tỷ đồng, tăng hơn 101% so với năm 2021. Nguồn thu của Công Ty cũng đa dạng hơn với cơ cấu doanh thu có được từ đầy đủ các mảng hoạt động kinh doanh cơ bản của một công ty chứng khoán.

Trong năm 2022, doanh thu tư vấn tài chính đạt gần 603 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,4% và doanh thu môi giới chứng khoán đạt 74 tỷ đồng, giảm hơn 11% so với năm trước đó.

Đối với hoạt động tự doanh, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) ghi nhận mức 1.069 tỷ đồng, tăng mạnh 200% so với năm trước; tuy nhiên, lỗ tài sản tài chính ghi nhận qua lãi/lỗ (FVTPL) tăng mạnh hơn, lên đến 1.384 tỷ đồng; theo đó, hoạt động tự doanh ghi nhận lỗ 303 tỷ đồng sau khi đã bù trừ với khoản lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM). Nguyên nhân là do thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh dẫn đến hoạt động tự doanh của Công Ty đã không đạt được hiệu quả như kỳ vọng.

Hoạt động tăng trưởng ấn tượng nhất của Công Ty trong năm 2022 là hoạt động lưu ký chứng khoán, ghi nhận doanh thu lên đến gần 655 tỷ đồng, tăng 260% so với năm 2021. Tiếp đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ cũng ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, đạt mức doanh thu là 172 tỷ đồng, tăng gần 118% so với năm 2021.

Chi phí hoạt động tăng 162% vì hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch ký quỹ được đẩy mạnh trong năm 2022, do đó các chi phí hoạt động liên quan đến các hoạt động này tăng mạnh. Chi phí tài chính phát sinh hơn 345 tỷ đồng, tăng 93% so với năm trước do Công Ty phát hành trái phiếu thêm 1.000 tỷ đồng, tăng tổng dư nợ trái phiếu lên 3.000 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, tạo tiền đề phát triển kinh doanh cũng như phục vụ các mục tiêu phát triển trung, dài hạn của Công Ty. Bên cạnh đó, chi phí quản lý cũng tăng 36% trong năm 2022, chủ yếu là chi phí văn phòng làm việc và nhân sự.

Tổng kết, mặc dù doanh thu đạt kỷ lục nhưng hoạt động tự doanh ghi nhận lỗ cùng với chi phí tăng đã dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công Ty trong năm 2022 chỉ đạt gần 136 tỷ đồng, giảm gần 36% so với năm 2021.

Nhìn chung, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công Ty chưa hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã đề ra là 500 tỷ đồng, tuy nhiên vẫn được đánh giá tích cực, nhất là trong bối cảnh toàn bộ nền kinh tế phải đương đầu với hàng loạt khó khăn, thách thức.

2. Tình hình tài chính năm 2022

a. Cơ cấu doanh thu hoạt động

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
		Doanh thu	Tỷ lệ	Doanh thu	Tỷ lệ
1	Doanh thu hoạt động tự doanh (*)	356.981	26,5%	1.085.488	39,9%
2	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	8.329	0,6%	73.903	2,7%
3	Doanh thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	12.867	0,5%
4	Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	17.526	1,3%	92.285	3,4%
5	Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	181.745	13,5%	654.559	24,1%
6	Doanh thu hoạt động dịch vụ cho vay và phải thu	79.108	5,9%	172.409	6,3%
7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính (**)	623.773	46,3%	602.706	22,2%
8	Doanh thu khác	3.603	0,3%	26.574	1,0%
	Tổng doanh thu hoạt động	1.346.028	100%	2.720.792	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính TPS)

(*) Hoạt động tự doanh bao gồm các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM).

(**) Hoạt động tư vấn tài chính bao gồm hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư (tư vấn phát hành chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán).

b. Cơ cấu chi phí hoạt động

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
		Chi phí	Tỷ lệ	Chi phí	Tỷ lệ
1	Chi phí hoạt động tự doanh	293.442	37,6%	1.388.506	67,9%
2	Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	75.834	9,7%	92.812	4,5%
3	Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	160.477	20,5%	383.676	18,8%

4	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	251.338	32,2%	180.236	8,8%
5	Tổng chi phí hoạt động	781.091	100,0%	2.045.230	100,0%

(Nguồn: Báo cáo tài chính TPS)

c. Tình hình tài chính chung

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	+/- năm 2022 so với năm 2021
Cân đối kế toán					
1	Tổng tài sản	2.198.564	4.764.070	6.706.709	40,78%
2	Vốn chủ sở hữu	960.516	2.172.077	2.307.752	6,25%
Chỉ số tài chính					
3	Hệ số thanh toán hiện hành	9,13	7,99	4,74	-
4	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1,29	1,19	1,91	-
5	Tổng nợ/Tổng tài sản	0,56	0,54	0,66	-
6	ROE	9,3%	9,7%	5,9%	-
7	ROA	4,1%	4,4%	2,0%	-
8	EPS (đồng)	1.590	1.447	678	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính TPS)

Năm 2022 ghi nhận mức kỷ lục về giá trị tài sản, đạt 6.708 tỷ đồng, tăng gần 41% so với thời điểm đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 99% tổng tài sản với giá trị 6.626 tỷ đồng. Các khoản mục chính trong cơ cấu tài sản là các khoản tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là 1.798 tỷ đồng, các khoản phải thu là 2.623 tỷ đồng, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (margin) là 990 tỷ đồng và các khoản phải thu các dịch vụ do công ty chứng khoán cung cấp là 1.173 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu ghi nhận mức 2.308 tỷ đồng, tăng hơn 6% so với thời điểm đầu năm. Công Ty còn gần 290 tỷ đồng lợi nhuận chưa phân phối khi kết thúc năm 2022, gấp 1,9 lần so với thời điểm đầu năm.

Các hệ số tài chính có phần giảm sút so với năm 2020 và năm 2021, nhưng vẫn ở mức an toàn. Công Ty chủ động tăng nợ vay để phục vụ các mục tiêu phát triển trung, dài hạn của Công Ty.

III. Nội dung khác

1. Các hoạt động kinh doanh chính của Công Ty năm 2022

a. Hoạt động tư vấn tài chính

Mặc dù doanh thu hoạt động tư vấn tài chính giảm nhẹ so với năm 2021 đạt gần 603 tỷ đồng, tương đương với giảm 3,4%. Tuy nhiên do chi phí hoạt động tư vấn giảm

manh hơn 28% so với năm trước nên lợi nhuận gộp của hoạt động tư vấn tài chính tăng 13,4% đạt 422 tỷ đồng trong năm 2022.

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	+/- năm 2022 so với năm 2021
1	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	306.470	623.773	602.706	-3,4%
2	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	155.913	251.338	180.236	-28,3%
3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động tư vấn tài chính	150.557	372.435	422.470	13,4%

Năm 2022, thị trường trái phiếu doanh nghiệp cả nước rơi vào tình trạng trầm lắng do các cuộc thanh tra của Chính phủ nhằm vào hoạt động huy động vốn trái phiếu và các tin đồn liên quan đến sức khỏe tài chính của doanh nghiệp đã gây nên nỗi lo và ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư, sức mua của thị trường. Do đó, hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu của Công Ty cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Tổng giá trị mệnh giá trái phiếu do Công Ty tư vấn phát hành từ mức 42.910 tỷ đồng trong năm 2021 đã giảm xuống mức 15.814 tỷ đồng trong năm 2022, tương đương với giảm 63,1%.

b. Dịch vụ chứng khoán

Hoạt động môi giới chứng khoán

Tiền thân của Công Ty là công ty chứng khoán đã bị thua lỗ nhiều năm, thương hiệu giảm mạnh, không đầu tư hệ thống, công nghệ lỗi thời, thiếu các tiện ích cơ bản, đội ngũ nhân sự không có... Vì vậy, thời gian đầu của giai đoạn tái cấu trúc, Công Ty chưa thể phục vụ tốt khách hàng cá nhân, mà tập trung cho khách hàng tổ chức là chính. Song song đó, Công Ty tích lũy kinh nghiệm, cải thiện mọi mặt và phát triển nguồn lực (vốn, bộ máy nhân sự, phát triển hệ thống, đầu tư công nghệ...). Năm 2021, Công Ty đã sẵn sàng để phục vụ và đáp ứng nhu cầu đa dạng cho khách hàng cá nhân, nhờ vậy số lượng tài khoản tại Công Ty tăng trưởng nhanh chóng gần 113%, lên mức 22.842 tài khoản và đến năm 2022 tăng tiếp 77% lên 40.389 tài khoản, với tổng giá trị giao dịch được ghi nhận trong năm 2022 là 59.484 tỷ đồng, tăng 2,4% so với năm 2021 nhờ dịch vụ tốt và chính sách sản phẩm, dịch vụ đa dạng, việc ứng dụng chuyển đổi số tiếp tục được tăng tốc.

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	+/- năm 2022 so với năm 2021
1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	18.715	83.291	73.903	-11,3%
2	Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	11.870	75.834	92.812	22,4%
3	Lợi nhuận gộp hoạt động môi giới chứng khoán	6.845	7.457	-18.909	-353,6%

4	Số lượng tài khoản	10.734	22.842	40.398	76,9%
5	Giá trị giao dịch	8.739.000	58.061.963	59.484.322	2,4%

Do thị trường chứng khoán lao dốc cả về điểm số lẫn thanh khoản nên mặc dù số lượng tài khoản mở mới tăng mạnh, nhưng giá trị giao dịch trong năm 2022 cũng chỉ gần tương đương năm 2021, dẫn đến doanh thu hoạt động môi giới chỉ đạt gần 74 tỷ đồng, giảm 11% so với năm 2021.

Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ

Kết thúc năm 2022, quy mô dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ đạt gần 990 tỷ đồng, giảm gần 46% so với con số đầu năm là 1.826 tỷ đồng; tuy nhiên lãi cho vay và các khoản phải thu lũy kế cả năm 2022 ghi nhận sự tăng trưởng tích cực với hơn 172 tỷ đồng, tăng 118% so với năm 2021.

Do tình hình thị trường chứng khoán trong năm 2022 khá bất ổn và giảm mạnh, do vậy Công Ty chủ động giảm dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ, tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách quản trị rủi ro của Công Ty, lựa chọn cổ phiếu tốt, tiềm năng trong danh mục cổ phiếu được chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ theo công bố của Sở Giao Dịch Chứng Khoán; nhờ vậy, Công Ty không phát sinh khoản nợ xấu nào trong năm 2022.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng nhất trong năm 2022 là hoạt động lưu ký chứng khoán, đóng góp hơn 24% tổng doanh thu hoạt động của Công Ty, với doanh thu lên đến 654 tỷ đồng, tăng 260% so với năm 2021, mang lại mức lợi nhuận gộp lên đến 271 tỷ đồng. Doanh thu phí đại lý lưu ký của các trái phiếu đã phát hành trong giai đoạn tăng trưởng mạnh năm 2020 và năm 2021 là nguồn thu chính dẫn đến doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán đạt kỷ lục trong năm 2022.

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	+/- năm 2022 so với năm 2021
1	Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	26.669	181.746	654.559	260%
2	Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	31.067	160.477	383.676	139%
3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động lưu ký chứng khoán	(4.398)	21.269	270.882	1174%

Hoạt động tự doanh

Dù chỉ mới được cấp phép hoạt động tự doanh trở lại từ tháng 3/2020, hoạt động tự doanh của Công Ty đã chứng kiến sự thay đổi mạnh mẽ. Hoạt động tự doanh tăng mạnh về doanh thu, tuy nhiên do tình hình thị trường chứng khoán kém khả quan nên không mang lại hiệu quả vượt trội như năm 2021. Cụ thể trong năm 2022, doanh thu hoạt động tự doanh đạt 1.086 tỷ đồng, bao gồm các tài sản tài chính ghi nhận thông

qua lãi lỗ (FVTPL) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), sau khi trừ chi phí thì biên lợi nhuận gộp của hoạt động tự doanh bị âm 303 tỷ đồng.

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	+/- năm 2022 so với năm 2021
1	Doanh thu hoạt động tự doanh	(1.734)	(49.326)	(880.781)	-
2	Chi phí hoạt động tự doanh	144	309	4.188	1255%
3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động tự doanh	(1.878)	(49.635)	(884.969)	-

2. Các nền tảng hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công Ty năm 2022

a. Hoạt động nhân sự

Trong năm 2022, đội ngũ nhân sự có sự tăng trưởng mạnh và chuyên môn hóa sâu ở tất cả các hoạt động kinh doanh đã giúp Công Ty từng bước kiện toàn bộ máy và chất lượng nhân sự. Công Ty đã hoàn thiện chuẩn chỉnh hệ thống chính sách, quy chế, quy trình nội bộ, bảo đảm đáp ứng các mục tiêu hoạt động và phát triển ổn định, bền vững của Công Ty cũng như đáp ứng được kế hoạch trung, dài hạn của Công Ty.

Tính đến thời điểm cuối năm 2022, quy mô nhân sự của Công Ty đã lên đến hơn 328 người so với con số chưa đầy 100 người khi bắt đầu tái cơ cấu Công Ty năm 2019. Ngoài nhân sự làm việc tại trụ sở chính và chi nhánh Hà Nội, Công Ty còn xây dựng mạng lưới cộng tác viên, đối tác phát triển thị trường tại gần như khắp các tỉnh thành lớn tại Việt Nam như Đà Nẵng, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nam Định, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Nghệ An, Hải Dương, Quảng Bình...

Công Ty tiếp tục duy trì bộ máy cơ cấu tổ chức tinh gọn, ưu tiên việc tuyển dụng nhân sự chất lượng để phát triển đa dạng các hoạt động kinh doanh. Công Ty chủ trương phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu, có kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong từng hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, Công Ty cũng tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng các kỹ năng nghiệp vụ cho nhân sự, mở rộng các chính sách hỗ trợ chi phí cho nhân sự tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ, quản trị và các chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

Công Ty luôn đề cao giá trị của nguồn nhân lực, xem nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất. Do vậy, Công Ty xây dựng cơ chế lương, thưởng, phúc lợi theo hiệu suất để nâng cao năng suất lao động, thu hút nhân tài chất lượng cao phù hợp với định hướng phát triển của Công Ty; các chính sách nhân sự của Công Ty được xây dựng nhằm quan tâm toàn diện đến người lao động, khuyến khích người lao động phát huy tính sáng tạo và thế mạnh của mỗi cá nhân.

b. Sản phẩm, dịch vụ và công nghệ

Việc tái cấu trúc và đầu tư công nghệ ở Công Ty bắt đầu từ năm 2020, thời điểm đó Công Ty xác định mục tiêu đầu tiên đó là cần phải nâng cấp hệ thống giao dịch và đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin. Đến nay, về cơ bản quá trình tái cấu trúc hệ thống giao dịch, đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin giai đoạn đầu đã thành

công. Cùng với sự phát triển về công nghệ thì sản phẩm, dịch vụ của Công Ty ngày càng đa dạng và phong phú, tạo tiền đề phát triển các hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Công Ty đã triển khai thành công hoạt động chuyển đổi số và tạo những dấu ấn sáng tạo nhất trong hệ sinh thái số từ trải nghiệm tối ưu của khách hàng trong việc mở tài khoản thông qua định danh khách hàng trực tuyến eKYC mọi lúc mọi nơi, giao dịch chứng khoán thực hiện nhanh chóng, an toàn trên tất cả các ứng dụng, tiện ích TPS Mobile, Pro Web-trade, hệ thống chăm sóc khách hàng trực tuyến với công nghệ định danh thoại (voice-brandname)...., cung cấp dịch vụ “ *nạp tiền nhanh chóng chỉ trong vòng 5s*”. Với chiến lược tập trung phát triển công nghệ phù hợp với xu hướng số hoá trong giai đoạn hiện nay đã giúp cho Công Ty ổn định, vượt qua khó khăn và tạo tiền đề để tiếp tục phát triển bền vững. Trong năm 2022, Công Ty đã khá thành công trong chiến lược phát triển hướng đến mục tiêu là công ty chứng khoán hàng đầu về công nghệ số, góp phần tạo ra lợi thế người đi đầu, bước đệm quan trọng để mở rộng thị phần hoạt động môi giới chứng khoán trong những năm tới.

Bên cạnh đó, Trung tâm Phân tích của Công Ty hoạt động xuyên suốt, không ngừng mở rộng phạm vi nghiên cứu, phân tích để cung cấp cho nhà đầu tư cái nhìn tổng quát nhất về thị trường, truyền đạt được các vấn đề “nóng hổi”, các khuyến nghị kịp thời giúp nhà đầu tư có những quyết định đầu tư phù hợp. Các sản phẩm của Trung tâm Phân tích là các bản tin, báo cáo chuyên sâu về nền kinh tế vĩ mô, ngành, doanh nghiệp, cổ phiếu... Các sản phẩm phân tích đã nhận được phản hồi tích cực từ các nhà đầu tư, một số tạp chí tài chính uy tín cũng đã trích dẫn một số nội dung phân tích của Trung tâm Phân tích để đăng tải trên các trang chính của tạp chí, thông qua đó giúp cho thương hiệu Công Ty ngày càng được nhận diện tốt hơn trên thị trường.

c. Hoạt động nguồn vốn, tài chính và kế toán

Nguồn vốn lưu động phục vụ đầu tư, kinh doanh cũng như chi phí hoạt động của Công Ty được quản lý sát sao, góp phần nâng cao hiệu suất sử dụng vốn của Công Ty. Các báo cáo tài chính định kỳ (quý, bán niên, năm) được thực hiện kiểm toán, soát xét và công bố theo quy định của pháp luật hiện hành.

d. Hoạt động pháp chế và kiểm soát nội bộ

Phòng Pháp chế chuyên trách thực hiện tham vấn pháp lý nhanh chóng, kịp thời cho hoạt động của Công Ty. Công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro được chú trọng, nhân sự kiểm soát nội bộ được tăng cường để bảo đảm công tác kiểm tra, kiểm soát được thực hiện thường xuyên.

Công Ty đã và đang không ngừng rà soát, xây dựng hệ thống chính sách, quy chế, quy trình nội bộ, bảo đảm hoạt động của Công Ty tuân thủ quy định của pháp luật, đáp ứng các mục tiêu hoạt động và phát triển ổn định, bền vững của Công Ty.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

I. Dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2023

1. Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô năm 2023

Năm 2023, mặc dù vẫn còn nhiều yếu tố trong và ngoài nước gây bất lợi cho tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, vẫn nhiều tiềm năng có thể giúp tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm tới, kỳ vọng mức tăng trưởng GDP năm 2023 sẽ vượt mục tiêu Quốc

Hội đề ra là 6,5%. Ba trụ cột giúp GDP có thể tăng trưởng cao trong năm 2023 là ngành xuất khẩu, ngành chế biến, chế tạo và ngành du lịch, dịch vụ.

- Ngành xuất khẩu: Tăng mạnh nhờ sự phục hồi của các thị trường xuất khẩu khi FED giảm tốc tăng lãi suất.
- Ngành chế biến, chế tạo: Đăng ký mới và giải ngân FDI trong ngành này vẫn tăng trưởng tốt trong năm 2022.
- Ngành du lịch, dịch vụ: Nhiều quốc gia nới lỏng hạn chế sau đại dịch Covid-19 và nhiều đường bay mới được hình thành, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch và các dịch vụ liên quan.

2. Dự báo tình hình thị trường chứng khoán năm 2023

Tình hình thị trường chứng khoán hiện nay được dự báo là đã qua giai đoạn khó khăn nhất, mặc dù sẽ vẫn còn nhiều yếu tố bất lợi. Các nhóm vấn đề sẽ có ảnh hưởng lớn và dẫn dắt thị trường chứng khoán trong năm 2023 bao gồm:

- Chính sách phục hồi kinh tế của Chính phủ, chính sách tài khóa mở rộng với gói kích thích đầu tư công sẽ là khung sườn hỗ trợ cho kế hoạch phục hồi và tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2023-2025.
- Trung Quốc mở cửa sẽ hỗ trợ phần nào trong việc thúc tăng đẩy tăng trưởng kinh tế.
- Khỏi ngoại là bệ đỡ, là nhân tố hỗ trợ quan trọng cho thị trường chứng khoán trong năm 2023.
- 6,8 triệu tài khoản cá nhân trong nước là động lực phát triển thị trường giai đoạn tiếp theo, riêng trong đó 4,1 triệu tài khoản chứng khoán được mở mới trong giai đoạn năm 2021-2022. Tổng số lượng tài khoản mở mới giai đoạn năm 2021-2022 tương đương gấp 2,5 lần số lượng tài khoản chứng khoán tích lũy trong vòng hơn 20 năm 2000-2020.
- Nghị định 08/2023/NĐ-CP² sửa đổi, bổ sung Nghị định 65/2022/NĐ-CP được kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc phát hành trái phiếu, hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cũng như để cơ cấu lại nợ, giảm áp lực trái phiếu đáo hạn đạt đỉnh trong vòng hai năm tới.
- Trong tháng 2/2023, Chính phủ đã yêu cầu NHNN chỉ đạo các tổ chức tín dụng giảm mặt bằng lãi suất cho vay, tăng khả năng tiếp cận vốn của người dân, doanh nghiệp, bảo đảm lãi suất hợp lý, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu kiểm soát lạm phát; cần có các giải pháp tín dụng phù hợp, góp phần tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản và các thị trường liên quan khác; cần điều hành tỷ giá phù hợp, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng. Đồng thời, ngày 15/03/2023, NHNN điều chỉnh giảm 1 điểm % một số loại lãi suất điều hành và giảm 0,5 điểm % lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với khách hàng vay, đây là bước đi quan trọng, định hướng cho xu hướng giảm lãi

² Nghị định 08/2023/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

suất của thị trường trong thời gian tới, qua đó định hướng các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay, đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Ngoài ra, cùng với việc cơ cấu, tổ chức lại các Sở Giao Dịch Chứng Khoán để thống nhất thị trường giao dịch chứng khoán, bảo đảm thị trường hoạt động hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch đáp ứng mục tiêu đưa thị trường chứng khoán trở thành kênh dẫn vốn trung, dài hạn chủ yếu; công ty kỳ vọng thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục phát triển trong năm 2023.

3. Dự báo thuận lợi và khó khăn của Công Ty năm 2023

Thuận lợi

Đội ngũ nhân sự chất lượng, có sự chuyên môn hóa sâu ở tất cả các nghiệp vụ, hệ thống chính sách, quản trị rủi ro ngày càng được kiện toàn đáp ứng được mục tiêu phát triển ổn định, bền vững của Công Ty.

Chuyển đổi số và hệ sinh thái TPBank tiếp tục là nền tảng vững chắc, là bước đệm quan trọng để Công Ty mở rộng thị phần môi giới chứng khoán trong những năm tới cũng như tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu về thị phần tư vấn phát hành trái phiếu khi thị trường hồi phục.

Khó khăn

Tiền thân là một công ty chứng khoán từng bị kiểm soát đặc biệt, thương hiệu giảm sút, Công Ty chưa thể ngay lập tức phát triển quy mô hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ bắt kịp với các công ty chứng khoán lớn khác.

Với tình hình hiện nay, mức độ cạnh tranh trên thị trường chứng khoán sẽ ngày càng gay gắt trong tất cả các mảng hoạt động kinh doanh.

Tâm lý hoang mang, lo lắng của nhà đầu tư sau khi xảy ra một số vụ việc vi phạm liên quan đến trái phiếu vẫn chưa được giải tỏa. Trong ngắn hạn, hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu sẽ gặp nhiều khó khăn để có thể khôi phục lại như năm 2021.

II. Kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công Ty năm 2023

1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023

a. Kế hoạch chung năm 2023

- Tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng nhằm nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn của Công Ty để thực hiện các nghiệp vụ tự doanh, tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán và/hoặc các nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của Công Ty, thực hiện các hoạt động đầu tư và/hoặc cơ cấu nợ của Công Ty.
- Phát hành 2.000 tỷ đồng trái phiếu để bổ sung nguồn vốn trung, dài hạn đáp ứng các nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh như tự doanh, bảo lãnh phát hành, chào bán chứng quyền có bảo đảm và/hoặc cơ cấu nợ của Công Ty.
- Đa dạng hóa doanh thu trên cơ sở hoạt động an toàn và hiệu quả, đặt lợi ích khách hàng và cổ đông là trọng tâm, phát triển bền vững dựa trên ba trụ chính là hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư, hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động tự doanh.

- Mở rộng hoạt động kinh doanh, cung cấp thêm cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ tài chính mới để qua đó tăng nguồn thu cho Công Ty. Trong năm 2023, Công Ty có kế hoạch chào bán chứng quyền có bảo đảm.
- Với mục tiêu xuyên suốt là đưa Công Ty trở thành một trong những công ty chứng khoán có hệ thống giao dịch tốt hàng đầu thị trường, Công Ty tiếp tục triển khai đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Tăng cường nhận diện thương hiệu Công Ty thông qua các hoạt động marketing, tư vấn, phân tích và các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, bảo đảm sự an toàn trong sản phẩm, hoạt động của Công Ty, từ đó an toàn cho chính khách hàng của Công Ty.

b. Kế hoạch chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2023

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	+/- năm 2023 so với năm 2022
1	Doanh thu	2.732.979.169.408	2.831.000.000.000	3,59%
2	Chi phí	2.556.785.463.602	2.601.000.000.000	1,73%
3	Lợi nhuận trước thuế	176.193.705.806	230.000.000.000	30,54%
4	Lợi nhuận sau thuế	135.674.849.362	184.000.000.000	35,62%
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	135.674.849.362	184.000.000.000	35,62%
6	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% LNST)	-	-	-
7	Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (5% LNST)	-	-	-
8	Lợi nhuận giữ lại sau trích các quỹ, dự phòng	135.674.849.362	184.000.000.000	35,62%

2. Một số giải pháp hoạt động kinh doanh năm 2023

a. Giải pháp hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã trải qua một giai đoạn trầm lắng ảnh hưởng bởi tâm lý của nhà đầu tư sau khi xảy ra một số vụ việc vi phạm liên quan đến trái phiếu. Chính sách thắt chặt tiền tệ cũng như việc thanh lọc, lành mạnh hóa thị trường của Chính phủ thông qua việc ban hành Nghị định 65/2022/NĐ-CP cũng ảnh hưởng đến thanh khoản của một số tổ chức phát hành trong thời gian gần đây.

Nghị định 65/2022/NĐ-CP đã đưa ra những điều kiện chặt chẽ hơn về hồ sơ chào bán trái phiếu, mục đích sử dụng vốn, công bố thông tin, giám sát phát hành trái phiếu,... Với các quy định mới của Nghị định 65/2022/NĐ-CP, các doanh nghiệp chưa thỏa điều kiện sẽ gặp nhiều hạn chế trong việc huy động vốn trên thị trường trái phiếu, tuy nhiên đây cũng là cơ hội để sàng lọc các yếu tố không tốt, giúp nhà đầu tư thuận lợi

hơn trong việc lựa chọn trái phiếu chất lượng được phát hành bởi các doanh nghiệp có tiềm lực tốt, kinh doanh hiệu quả, minh bạch hồ sơ phát hành. Về dài hạn, Nghị định 65/2022/NĐ-CP với quy định mới dần đi vào thực tiễn, tâm lý thị trường dần ổn định sau khi các vụ việc vi phạm được xử lý, thị trường trái phiếu doanh nghiệp được kỳ vọng sẽ tiếp tục trở thành một kênh dẫn vốn quan trọng cho nền kinh tế, một thị trường tiềm năng, minh bạch và bền vững hơn cho nhà đầu tư. Bên cạnh đó, để tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong năm 2023 và 2024, vào tháng 03/2023, Nghị định 08/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 65/2022/NĐ-CP đã được ban hành. Một số thay đổi lớn bao gồm: Tổ chức phát hành có thể thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu về việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác, được kéo dài kỳ hạn trái phiếu tối đa không quá 02 năm. Đáng chú ý, Nghị định 08/2023/NĐ-CP hoãn hiệu lực thi hành một số quy định của Nghị định 65/2022/NĐ-CP về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành và yêu cầu kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu đến 31/12/2023. Những thay đổi này kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc phát hành trái phiếu, hỗ trợ doanh nghiệp giảm áp lực trái phiếu đáo hạn đạt đỉnh trong vòng hai năm tới.

Với nhận định trên, song hành cùng với mục tiêu phát triển bền vững, luôn đặt quyền lợi của khách hàng và cổ đông lên trên hết, trong năm 2023, Công Ty sẽ hỗ trợ, đồng hành cùng với các tổ chức phát hành trong việc thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức phát hành liên quan đến trái phiếu. Đến khi thị trường trái phiếu doanh nghiệp phục hồi, cùng với nền tảng sẵn có, Công Ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tư vấn phát hành và phân phối trái phiếu, chú trọng trái phiếu niêm yết, duy trì vị thế là một đơn vị hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư lớn tại thị trường Việt Nam. Lựa chọn tổ chức phát hành có tên tuổi, uy tín, theo các chuẩn mực của 5Cs (Cashflow, Capital, Conditions, Collateral, Corporate Governance) để cung cấp các dịch vụ liên quan đến trái phiếu là mục tiêu chiến lược của Công Ty trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, Công Ty tiếp tục chú trọng mở rộng các mảng hoạt động kinh doanh đang có tiềm lực khai thác lớn như tư vấn niêm yết, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp (thoái vốn, thu xếp vốn, mua bán - sáp nhập), tư vấn mua bán nợ, các nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán... nhằm nâng cao thương hiệu và vị thế của Công Ty trên thị trường.

Mở rộng và đa dạng hóa các kênh bán hàng, phát triển đội ngũ bán lẻ trái phiếu doanh nghiệp, khai thác toàn diện tệp khách hàng thông qua lợi thế sẵn có là mạng lưới chi nhánh trải dài trên cả nước của TPBank.

b. Giải pháp hoạt động môi giới chứng khoán

Trong năm 2023, Công Ty tiếp tục đẩy mạnh quảng cáo, truyền thông để lan tỏa thương hiệu Công Ty, đưa thương hiệu Công Ty đến gần hơn với các nhà đầu tư/khách hàng; cung cấp các sản phẩm phân tích có chiều sâu, phù hợp nhu cầu của nhà đầu tư, nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn đầu tư để gia tăng giá trị và hiệu quả đầu tư cho khách hàng; triển khai các chương trình ưu đãi để thu hút khách hàng mới; đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai các sản phẩm mới có tính ưu việt, đa dạng phù hợp cho từng đối tượng để thu hút lượng khách hàng mới, duy trì khách hàng cũ, gia tăng giá trị giao dịch và dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ.

Tiếp tục cải tiến ứng dụng giao dịch trực tuyến TPS Mobile hiện tại, giao diện đẹp hơn, dễ thao tác hơn nhằm mang đến trải nghiệm và hiệu quả cho khách hàng.

Phát triển, đào tạo đội ngũ môi giới và tư vấn đầu tư có chất lượng:

- Chuẩn hóa chất lượng đội ngũ môi giới hiện tại, đánh giá và sàng lọc nhân sự chặt chẽ theo kỳ rà soát. Tuyển dụng thêm các môi giới mới có chất lượng phục vụ khách hàng VIP.
- Chú trọng hoạt động đào tạo, xây dựng các chương trình đào tạo chuẩn cho đội ngũ môi giới.
- Đẩy mạnh phát triển mạng lưới đối tác phát triển thị trường (cộng tác viên), bao gồm các tỉnh thành lớn.

Xây dựng và quản lý chặt chẽ danh mục cho vay giao dịch ký quỹ, giám sát và thực hiện nghiêm ngặt các quy định xử lý tài sản, quản trị rủi ro, bảo đảm không phát sinh nợ xấu cho Công Ty.

c. **Giải pháp sản phẩm, dịch vụ, công nghệ**

Tiếp tục chú trọng phát triển công nghệ số trong các sản phẩm, dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho Công Ty tiếp cận được nguồn dữ liệu khách hàng dồi dào, giảm chi phí hoạt động, thấu hiểu hơn về thị hiếu của từng nhóm khách hàng và chăm sóc khách hàng chu đáo hơn. Đây là lợi thế rất quan trọng để Công Ty cải thiện hiệu quả hoạt động và nâng tầm vị thế trong thời gian tới.

Chi tiết các giải pháp cụ thể trong năm 2023 như sau:

Dịch vụ mở tài khoản

Triển khai các chương trình thúc đẩy mở tài khoản chứng khoán và gia tăng giá trị giao dịch trên tài khoản.

Cung cấp các dịch vụ mở tài khoản thông qua hệ thống eKYC và eContract.

Dịch vụ khách hàng

Triển khai chương trình chính sách khách hàng ưu tiên nhằm thu hút các khách hàng lớn.

Dịch vụ liên kết TPBank

Xây dựng cơ chế liên kết tài khoản chứng khoán mở tại TPS và tài khoản ngân hàng mở tại TPBank.

Nộp/rút tiền vào tài khoản chứng khoán mở tại TPS tại các quầy giao dịch, địa điểm giao dịch của TPBank.

Tiếp tục nâng cấp và tích hợp sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng ứng dụng TPS Mobile và TPBank Mobile.

Hệ thống các phần mềm, hạ tầng công nghệ

Phần mềm quản trị trái phiếu: Quản lý và phát triển hoàn thiện phần mềm quản trị vận hành nghiệp vụ, giao dịch trái phiếu.

Hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến: Nâng cấp năng lực xử lý của hệ thống FO, BO Core TTL; duy trì ổn định vận hành hệ thống, sẵn sàng kết nối với hệ thống KRX.

TPS Mobile, Pro-Webtrading: Tiếp tục phát triển và nâng cấp tính năng theo yêu cầu nghiệp vụ; ưu tiên hướng đến việc tích hợp đa sản phẩm, dịch vụ.

Hạ tầng công nghệ thông tin: Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tập trung vào bảo đảm tính an toàn và bảo mật thông tin (hệ thống sao lưu, khôi phục dữ liệu, hệ thống tường lửa, hệ thống chống tấn công mạng, hệ thống SAN, chuyển đổi một số dịch vụ lên nền tảng cloud).

d. Giải pháp về vận hành

Nâng cao chất lượng tuyển dụng nhân sự để từ đó nâng cao chất lượng nhân sự. Chuyên môn hóa đội ngũ nhân sự bằng cách tự đào tạo kỹ năng mềm để xử lý tình huống.

Hướng đến tự động hóa vận hành trên cơ sở hỗ trợ của hệ thống, giảm thiểu sai sót.

Hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ, tinh gọn bộ máy tổ chức giúp cho quá trình vận hành an toàn, hiệu quả.

Truyền thông, nâng cao nhận diện thương hiệu Công Ty. Tiếp tục đẩy mạnh digital marketing nhằm tăng lượng khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công Ty và tăng độ nhận diện hình ảnh, thương hiệu của Công Ty. Xây dựng các nội dung mới, nổi bật thông qua phương thức digital marketing để tiếp cận gần hơn với khách hàng, đăng tải các nội dung phân tích thị trường mang tính kịp thời, chính xác.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát toàn bộ các hạng mục chi phí hoạt động, giảm thiểu các chi phí bất hợp lý.

Ngoài ra trước bối cảnh nhiều khó khăn sắp tới, Công Ty sẽ tăng cường đội ngũ quản trị rủi ro, tăng cường giám sát thị trường, đánh giá thường xuyên các rủi ro để có sự điều chỉnh kịp thời.

Năm 2022, mặc dù Công Ty chưa hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 thông qua, nhưng tổng thể hoạt động kinh doanh đã đạt được những thành tựu nhất định trên thị trường chứng khoán Việt Nam, doanh thu Công Ty đã tăng trưởng vượt bậc hơn 101% so với năm trước và tăng trưởng hầu hết các mảng hoạt động kinh doanh. Điều này cho thấy Công Ty đã dần chứng minh vị thế trên thị trường. Bước sang năm 2023, toàn thể cán bộ, nhân viên Công Ty tiếp tục nỗ lực xây dựng Công Ty phát triển ổn định, hiệu quả và bền vững nhằm tạo ra và bảo vệ tốt nhất lợi ích của cổ đông.

Trên đây là toàn bộ nội dung “**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023**”.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

**TUQ. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

BÙI THỊ THANH TRÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2023**

(Tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 19 tháng 04 năm 2023)

MỤC LỤC

I.	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022	1
1.	Kết quả hoạt động của Công Ty năm 2022.....	1
2.	Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Công Ty năm 2022.....	3
II.	BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022	4
III.	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022	5
1.	Hoạt động chung năm 2022	5
2.	Thù lao của Hội Đồng Quản Trị	5
3.	Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	6
4.	Tổng kết các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị và các nghị quyết/quyết định Hội Đồng Quản Trị	6
5.	Hoạt động của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị	8
6.	Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị.....	9
7.	Hoạt động của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	9
8.	Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2022.....	9
IV.	BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY KHÁC NĂM 2022	9
V.	ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023	9

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Số: BC02-HĐQT/ĐHĐCĐTN2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2023**

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ Quy chế Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Căn cứ kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2022;

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua “**Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023**” với các nội dung cụ thể như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022

1. Kết quả hoạt động của Công Ty năm 2022

a. Kết quả hoạt động kinh doanh

Về doanh thu, Công Ty ghi nhận doanh thu kỷ lục gần 2.733 tỷ đồng trong năm 2022, tăng hơn 101% so với năm 2021. Cụ thể:

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	+/- năm 2022 so với năm 2021
1	Doanh thu	1.359.596	2.732.979	101,01%
2	Chi phí	1.088.248	2.556.785	134,95%
3	Lợi nhuận trước thuế	271.347	176.194	-35,07%
4	Lợi nhuận sau thuế	210.684	135.675	-35,60%

(Nguồn: Báo cáo tài chính TPS)

Trong đó, doanh thu hoạt động ghi nhận kỷ lục gần 2.721 tỷ đồng trong năm 2022, tăng hơn 102% so với 2021. Cụ thể:

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
		Doanh thu	Tỷ lệ	Doanh thu	Tỷ lệ

1	Doanh thu hoạt động tự doanh ^(*)	356.981	26,5%	1.085.488	39,9%
2	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	8.329	0,6%	73.903	2,7%
3	Doanh thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	12.867	0,5%
4	Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	17.526	1,3%	92.285	3,4%
5	Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	181.745	13,5%	654.559	24,1%
6	Doanh thu hoạt động dịch vụ cho vay và phải thu	79.108	5,9%	172.409	6,3%
7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính ^(**)	623.773	46,3%	602.706	22,2%
8	Doanh thu khác	3.603	0,3%	26.574	1,0%
	Tổng doanh thu hoạt động	1.346.028	100%	2.720.792	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính TPS)

^(*) Hoạt động tự doanh bao gồm các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM).

^(**) Hoạt động tư vấn tài chính bao gồm hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư (tư vấn phát hành chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán).

Nổi bật là doanh thu hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư đạt khoảng 708 tỷ đồng, tăng 10,4% so với năm 2021; doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán tăng trưởng ấn tượng, đạt khoảng 655 tỷ đồng, tăng 3,6 lần so với năm 2021; doanh thu hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (margin) cũng ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu tích cực khi đạt 172 tỷ đồng, tăng gần 118% so với năm 2021. Hoạt động môi giới chứng khoán và tự doanh chịu ảnh hưởng bất lợi từ tình hình chung của thị trường chứng khoán, theo đó doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán ghi nhận đạt 73 tỷ đồng, giảm 11,3% yoy; và lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận 1.085 tỷ đồng thấp hơn lãi từ tài sản tài chính là 1.388 tỷ đồng, dẫn đến việc hoạt động tự doanh ghi nhận lợi nhuận âm 303 tỷ đồng.

Về chi phí hoạt động, tổng chi phí ghi nhận ở mức 2.045 tỷ đồng, tăng 162% so với năm 2021, chủ yếu là do chi phí hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch ký quỹ tăng mạnh trong năm 2021. Bên cạnh đó, chi phí quản lý cũng tăng 36% do Công Ty mở rộng là do chi phí văn phòng làm việc và nhân sự. Chi phí tài chính phát sinh hơn 345 tỷ đồng, tăng 93% so với năm 2021 là do Công Ty phát hành thêm 1.000 tỷ đồng trái phiếu, tăng tổng dự nợ trái phiếu lên 3.000 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, tạo tiền đề phát triển kinh doanh cũng như phục vụ các mục tiêu phát triển trung, dài hạn của Công Ty.

Như vậy, mặc dù tổng doanh thu đạt kỷ lục nhưng hoạt động tự doanh bị lỗ cùng với chi phí tăng khiến lợi nhuận trước thuế của Công Ty chỉ đạt 176 tỷ đồng, giảm 35% so với năm 2021, hoàn thành 35% kế hoạch kinh doanh đề ra.

b. Tình hình tài chính

Tổng giá trị tài sản đạt 6.707 tỷ đồng, tăng gần 41% so với thời điểm đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 99% tổng tài sản với giá trị 6.626 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu ghi nhận mức 2.308 tỷ đồng, tăng hơn 6% so với thời điểm đầu năm. Năm 2022, Công Ty có gần 290 tỷ đồng lợi nhuận chưa phân phối, gấp 1,9 lần so với đầu năm.

Các hệ số tài chính có phần giảm sút so với năm 2021 và năm 2022 trước đó nhưng vẫn ở mức an toàn. Công Ty chủ động tăng nợ vay để phục vụ các mục tiêu phát triển trung, dài hạn của Công Ty.

(ĐVT: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	+/- năm 2022 so với năm 2021
Cân đối kế toán				
1	Tổng tài sản	4.764	6.707	40,78%
2	Vốn chủ sở hữu	2.172	2.308	6,25%
Chỉ số tài chính				
3	Hệ số thanh toán hiện hành	7,99	4,74	
4	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1,19	1,91	
5	Tổng nợ/Tổng tài sản	0,54	0,66	
6	ROE	9,7%	5,9%	
7	ROA	4,4%	2,0%	
8	EPS (đồng)	1.447	678	

(Nguồn: Báo cáo tài chính TPS)

2. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Công Ty năm 2022

Năm 2022 được xem là một năm đầy sóng gió với thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính nói chung. Chỉ số VNIndex biến động mạnh khi xác lập đỉnh 1.530 điểm vào cuối Quý I/2022 sau đó rơi về mức 873 điểm vào tháng 11/2022. Kết thúc năm 2022, VN-Index đạt mức 1.007 điểm, giảm 32,8% so với cuối năm 2021. Thanh khoản sàn HSX giảm 11,3% so với năm trước đưa khối lượng giao dịch bình quân phiên về mức 653,96 triệu cổ phiếu. Giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 17.004 tỷ đồng, giảm 21,24%. Vốn hóa cả ba sàn giảm 33% so với cuối năm 2021, đạt 5,2 triệu tỷ đồng.

Áp lực lạm phát toàn cầu, biến động tỷ giá, căng thẳng chính trị Nga - Ukraina, chính sách thắt chặt tiền tệ đẩy lãi suất gia tăng và một số vụ việc vi phạm trên thị trường chứng khoán, đặc biệt là thị trường trái phiếu, đã gây ra tác động tâm lý, ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường trên diện rộng.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp chứng kiến sự ảm đạm khi giá trị phát hành trái phiếu chỉ đạt khoảng 255.000 tỷ đồng, giảm 62% so với cùng kỳ. Trong đó, phát hành trái phiếu ra công chúng giảm 61%, còn phát hành riêng lẻ giảm tới 63%. Tổng giá trị trái phiếu được các doanh nghiệp mua lại đạt gần 200.000 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm 2021.

Mặc dù chịu ảnh hưởng từ nhiều khó khăn và thách thức chung của thị trường khiến Công Ty không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đề ra. Tuy nhiên, trong năm 2022, Công Ty vẫn tiếp

tục duy trì hoạt động ổn định và có lợi nhuận. Công Ty đã chủ động linh hoạt thay đổi, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của từng thời điểm.

Công Ty từng bước kiện toàn bộ máy và chất lượng nhân sự, hoàn thiện chuẩn chỉnh cơ cấu tổ chức, hệ thống chính sách, quy chế, quy trình nội bộ, bảo đảm đáp ứng các mục tiêu hoạt động và phát triển ổn định, bền vững của Công Ty cũng như đáp ứng được kế hoạch trung, dài hạn của Công Ty. Công Ty tiếp tục duy trì bộ máy cơ cấu tổ chức tinh gọn, đẩy mạnh việc tuyển dụng nhân sự chất lượng, phát triển đa dạng các nghiệp vụ kinh doanh.

II. BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022

Công Ty về cơ bản đã thực hiện các nội dung, hạng mục công việc trọng yếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong năm 2022. Dù vậy, còn tồn tại một số nội dung, hạng mục công việc đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2022 mà Công Ty chỉ thực hiện được một phần hoặc chưa thực hiện bao gồm:

- 1. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:** Công Ty đã thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 với kết quả thực tế như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ thực hiện / kế hoạch
Doanh thu	1.981	2.733	138%
Chi phí	1.481	2.557	173%
Lợi nhuận trước thuế	500	176	35%
Lợi nhuận sau thuế	400	136	34%

- 2. Kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu với tổng giá trị mệnh giá phát hành dự kiến là 3.000 tỷ đồng:** Công Ty đã thực hiện phát hành trái phiếu theo phương thức phát hành riêng lẻ với tổng giá trị mệnh giá phát hành thành công là 1.000 tỷ đồng, trong tổng hạn mức 3.000 tỷ đồng đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua. Cụ thể như sau:

Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Tổng giá trị phát hành thành công	Văn bản tham chiếu
ORSH2227001	24/05/2022	500 tỷ đồng	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 07/2022/NQ-HĐQT ngày 19/05/2022.
ORSH2227002	28/06/2022	500 tỷ đồng	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 11/2022/NQ-HĐQT ngày 23/06/2022.

- 3. Kế hoạch phát hành/chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ:** Đại Hội Đồng Cổ Đông đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công Ty từ 2.000 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng trong năm 2022 thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phần riêng lẻ.

Trong năm 2022, Công Ty triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công Ty từ 2.000 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 02/2022/NQ-HĐQT ngày 18/03/2022 và Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 31/03/2022. Tuy nhiên, vì lý do tình hình thị trường tài chính, chứng khoán diễn biến bất lợi tại thời điểm dự kiến phát hành, kế hoạch phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nêu trên đã được tạm hoãn triển khai theo Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 18/04/2022.

Theo đó, Công Ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ trong năm 2022.

4. **Kế hoạch chào bán chứng quyền có bảo đảm:** Chưa thực hiện trong năm 2022.
5. **Kế hoạch kinh doanh chứng khoán phái sinh:** Chưa thực hiện trong năm 2022.

III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Hoạt động chung năm 2022

Năm 2022, Hội Đồng Quản Trị tiếp tục chú trọng công tác quản trị rủi ro, chuẩn hóa quy trình và tăng cường thực hiện việc giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc, người quản lý Công Ty nhằm bảo đảm hoạt động của Công Ty được an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy chế nội bộ có liên quan của Công Ty. Hội Đồng Quản Trị đã quyết định và triển khai thực hiện các hạng mục công việc quan trọng trong năm 2022 như sau:

- a. Ban hành Chính sách Quản trị Rủi ro năm 2022;
- b. Tổ chức thành công Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2022;
- c. Hoàn thiện thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán;
- d. Thực hiện lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng văn bản thông qua phương án lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;
- e. Lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;
- f. Điều chỉnh kế hoạch không tiếp tục thành lập Chi nhánh Đà Nẵng;
- g. Điều chỉnh kế hoạch tạm hoãn phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng;
- h. Miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức danh người quản lý Công Ty bao gồm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Người đại diện theo pháp luật, Kế Toán Trưởng của Công Ty.

2. Thù lao của Hội Đồng Quản Trị

Đối tượng nhận thù lao	Năm 2022		Năm 2023
	Kế hoạch (VND)	Thực tế (VND)	Kế hoạch (VND)
Hội Đồng Quản Trị	740.000.000	600.000.000	600.000.000

Chi tiết thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị trong năm 2022:

- (i) Ông Đỗ Anh Tú - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị: 40.000.000 VND;

- (ii) Bà Trương Thị Hoàng Lan - Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị: 40.000.000 VND;
- (iii) Ông Trần Sơn Hải - Thành viên Hội Đồng Quản Trị: 520.000.000 VND.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Trong năm 2022, Công Ty phát sinh 03 (ba) giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, cụ thể như sau:

STT	Đối tượng giao dịch với Công Ty	Nội dung giao dịch	Văn bản tham chiếu
1	Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”)	Cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu cho Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”) với tổng giá trị mệnh giá tối đa là 30.000 tỷ đồng.	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 04/2022/NQ-HĐQT ngày 06/04/2022.
2	Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”)	Chỉ định Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”) làm Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm đối với trái phiếu doanh nghiệp do Công Ty làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 17/2022/NQ-HĐQT ngày 03/11/2022.
3	Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”)	Phương án sử dụng tín dụng tại Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”).	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 19/2022/NQ-HĐQT ngày 14/11/2022.

Các giao dịch nêu trên được Hội Đồng Quản Trị thông qua theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều Lệ; được báo cáo và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty niên yết năm 2022 của Công Ty.

4. Tổng kết các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị và các nghị quyết/quyết định Hội Đồng Quản Trị

- a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị hoạt động tuân thủ quy định về quản trị Công ty theo Điều Lệ, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật khác có liên quan. Năm 2022, Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức 21 (hai mươi một) cuộc họp với tỷ lệ tham dự họp của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị cụ thể như sau:

STT	Họ và tên thành viên Hội Đồng Quản Trị	Thời gian đảm nhận chức danh trong Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026	Chức danh trong Hội Đồng Quản Trị	Số cuộc họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
-----	--	---	-----------------------------------	---------------------	-------------------

1	Ông Đỗ Anh Tú	Từ ngày 15/03/2021 đến nay	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	21	100%
2	Bà Trương Thị Hoàng Lan	Từ ngày 15/03/2021 đến ngày 26/07/2022	Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị	21	100%
		Từ ngày 26/07/2022 đến nay	Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị		
3	Ông Trần Sơn Hải	Từ ngày 15/03/2021 đến ngày 26/07/2022	Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	21	100%
		Từ ngày 26/07/2022 đến nay	Thành viên Hội Đồng Quản Trị		

- b. Nội dung các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị và nghị quyết/quyết định Hội Đồng Quản Trị đã được ban hành năm 2022 cụ thể như sau:

STT	Số, ngày ban hành nghị quyết/quyết định Hội Đồng Quản Trị		Nội dung nghị quyết/quyết định Hội Đồng Quản Trị
1	01/2022/NQ-HĐQT	10/02/2022	Cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán cho khách hàng.
2	01/2022/QĐ-HĐQT	10/02/2022	Tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022.
3	02/2022/NQ-HĐQT	18/03/2022	Triển khai phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công Ty lên 4.000 tỷ đồng.
4	03/2022/NQ-HĐQT	31/03/2022	Bổ sung chi tiết liên quan đến việc triển khai phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công Ty lên 4.000 tỷ đồng.
5	04/2022/NQ-HĐQT	06/04/2022	Cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu cho Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”) với tổng giá trị mệnh giá tối đa là 30.000 tỷ đồng.
6	06/2022/NQ-HĐQT	18/04/2022	Tạm hoãn triển khai phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công Ty lên 4.000 tỷ.
7	02/2022/QĐ-HĐQT	05/05/2022	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về phương án lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
8	03/2022/QĐ-HĐQT	18/05/2022	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty.
9	07/2022/NQ-HĐQT	19/05/2022	Phương án Phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 1 năm 2022 với tổng mệnh giá phát hành tối đa 1.000 tỷ đồng.

10	08/2022/NQ-HĐQT	15/06/2022	Phương án vay vốn hạn mức tại Ngân Hàng TNHH Indovina năm 2022.
11	09/2022/NQ-HĐQT	15/06/2022	Thành lập Chi nhánh Đà Nẵng.
12	04/2022/QĐ-HĐQT	15/06/2022	Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
13	05/2022/QĐ-HĐQT	21/06/2022	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng.
14	10/2022/NQ-HĐQT	23/06/2022	Chào bán chứng quyền có bảo đảm của Công Ty.
15	11/2022/NQ-HĐQT	23/06/2022	Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 2 năm 2022 với tổng mệnh giá phát hành tối đa 500 tỷ đồng.
16	12/2022/NQ-HĐQT	26/07/2022	Thay đổi cơ cấu các chức danh thuộc Hội Đồng Quản Trị của Công Ty.
17	06/2022/QĐ-HĐQT	26/07/2022	Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc và Người đại diện pháp luật của Công Ty đối với Ông Trần Sơn Hải.
18	07/2022/QĐ-HĐQT	26/07/2022	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc và Người đại diện theo pháp luật của Công Ty đối với Bà Bùi Thị Thanh Trà.
19	13/2022/NQ-HĐQT	30/09/2022	Đầu tư mua cổ phần của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Dịch Vụ Helios.
20	08/2022/QĐ-HĐQT	30/09/2022	Miễn nhiệm Kế Toán Trưởng của Công Ty đối với Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa.
21	09/2022/QĐ-HĐQT	30/09/2022	Bổ nhiệm Kế Toán Trưởng của Công Ty đối với Bà Nguyễn Thanh Tuyên.
22	14/2022/NQ-HĐQT	07/10/2022	Thay đổi cơ cấu tổ chức của Công Ty.
23	15/2022/NQ-HĐQT	10/10/2022	Đầu tư mua mới hệ thống lõi core quản lý vận hành trái phiếu doanh nghiệp.
24	16/2022/NQ-HĐQT	14/10/2022	Phân bổ thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị.
25	17/2022/NQ-HĐQT	03/11/2022	Chỉ định Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”) làm Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm đối với trái phiếu doanh nghiệp do Công Ty làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
26	18/2022/NQ-HĐQT	04/11/2022	Không tiếp tục triển khai việc thành lập Chi nhánh Đà Nẵng.
27	19/2022/NQ-HĐQT	14/11/2022	Phương án sử dụng tín dụng tại Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”).

5. Hoạt động của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2022, Hội Đồng Quản Trị có 03 thành viên trong đó có 01 thành viên độc lập. Toàn bộ các thành viên Hội Đồng Quản Trị đã tham gia tích cực vào việc định hướng chiến

lược và điều hành hoạt động của Công Ty. Hội Đồng Quản Trị đã giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Sự tách biệt vai trò của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc thể hiện sự độc lập và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc nhằm bảo đảm sự phân chia quyền hạn trong việc ra quyết định, tăng trách nhiệm và nâng cao tính độc lập trong hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

Hội Đồng Quản Trị duy trì hoạt động phù hợp với quy định tại Điều Lệ và quy định của pháp luật, bảo đảm yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả.

6. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị

Không có.

7. Hoạt động của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm chỉ đạo chung các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều Lệ cũng như theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Định hướng và chỉ đạo chính sách, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.
- Triệu tập, chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.
- Tổ chức việc thông qua các nghị quyết/quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết/quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- Chủ tọa cuộc họp các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.

8. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2022

Hội Đồng Quản Trị đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết/quyết định của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc. Quá trình thực thi hoạt động của Công Ty được diễn ra theo cơ chế phân quyền rõ ràng, luôn được phân tích, đánh giá rủi ro một cách kịp thời nhằm bảo đảm sự ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật cũng như đạt được kế hoạch do Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên đã đề ra.

IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY KHÁC NĂM 2022

Qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ cũng như báo cáo theo yêu cầu, Hội Đồng Quản Trị đánh giá Tổng Giám Đốc và những người quản lý của Công Ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều Lệ và các nghị quyết/quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị.

V. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Dựa trên kết quả kinh doanh năm 2022 và chiến lược phát triển của Công Ty, Hội Đồng Quản Trị tiếp tục xây dựng những trọng tâm cần thực hiện trong năm 2023 nhằm phát triển một cách bền vững và tăng tính cạnh tranh cho Công Ty. Định hướng mà Hội Đồng Quản Trị đề ra như sau:

- Tiếp tục triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng nhằm tăng cường các tỷ lệ an toàn về vốn, đồng thời bổ sung nguồn vốn ổn định cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư dài hạn của Công Ty. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm là 200.000.000 cổ phiếu thông qua các phương án phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu và/hoặc chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
- Phát hành 2.000 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu để bổ sung nguồn vốn trung, dài hạn cho Công Ty, đáp ứng các nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh như tự doanh, bảo lãnh phát hành, chào bán chứng quyền có bảo đảm, cơ cấu nợ...
- Triển khai hoạt động chào bán chứng quyền có bảo đảm, không ngừng đưa ra những chính sách, sản phẩm, dịch vụ mới nhằm nâng cao lợi ích cho khách hàng, nhà đầu tư.
- Phát triển hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ phù hợp với tình hình thanh khoản thị trường và nhu cầu tài chính của khách hàng nhằm gia tăng doanh thu cho Công Ty.
- Nâng cao chất lượng tư vấn và chăm sóc khách hàng nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ ngày càng cao của khách hàng để từ đó tạo ra động lực tăng trưởng doanh thu cho hoạt động môi giới chứng khoán.
- Bám sát xu thế vận hành của thị trường kết hợp với việc phân tích, dự báo tình hình kinh tế vĩ mô, vĩ mô để nâng cao hiệu quả trong hoạt động tự doanh, hoạt động đầu tư của Công Ty.
- Bên cạnh hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu vốn là thế mạnh, Công Ty sẽ phát triển thêm hoạt động tư vấn chào bán cổ phần; hoạt động M&A; hoạt động chào bán, cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước nhằm đa dạng hóa nguồn doanh thu.
- Chú trọng phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao trải nghiệm trực tuyến dành cho khách hàng với các sản phẩm, dịch vụ của Công Ty.
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, nhận diện sớm rủi ro và có những quyết sách kịp thời nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh trong các hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- Luôn tuân thủ quy định, nguyên tắc về quản trị rủi ro nhằm bảo đảm sự an toàn trong sản phẩm, hoạt động vận hành của Công Ty, từ đó an toàn cho chính khách hàng của Công Ty.
- Mở rộng hoạt động của Công Ty tại các tỉnh, thành phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công Ty.

Với cơ hội và thách thức trong năm 2023, Hội Đồng Quản Trị sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình để thực hiện nhiệm vụ một cách trách nhiệm, chuyên nghiệp, bảo đảm lợi ích của Công Ty và các cổ đông.

Trên đây là toàn bộ nội dung “**Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023**”.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

ĐỖ ANH TÚ

DỰ THẢO

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: BC-BKS/ĐHĐCĐTN2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2023**

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm Soát và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Căn cứ Kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2022;

Ban Kiểm Soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua “**Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023**” với các nội dung cụ thể như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

1. Hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2022

Ban Kiểm Soát gồm 03 (ba) thành viên, với tư cách là đại diện cổ đông thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại Công Ty. Trong năm 2022, hoạt động của Ban Kiểm Soát bao gồm:

- a. Tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và những người quản lý khác của Công Ty.
- b. Giám sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công Ty.
- c. Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị trong năm 2022.
- d. Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều Lệ, các quy chế, quy trình nội bộ của Công Ty cũng như tính hợp lý trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và phân bổ nguồn lực để triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công Ty.
- e. Giám sát các giao dịch giữa Công Ty với người liên quan của Công Ty theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- f. Giám sát việc chi trả lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của những người quản lý Công Ty phù hợp với kế hoạch đã được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022.

- g. Giám sát tình hình tài chính, kế toán của Công Ty, bao gồm việc kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, bán niên nhằm đánh giá tính hợp pháp, đầy đủ và trung thực của các số liệu tài chính.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm Soát năm 2022

Trong năm 2022, Ban Kiểm Soát đã thực hiện 02 cuộc họp Ban Kiểm Soát vào ngày 23/05/2022 và ngày 15/12/2022 với các nội dung sau:

- a. Thông qua phương án lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, bao gồm danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập trình lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng văn bản;
- b. Kiểm tra, đánh giá toàn diện tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2022.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty

- a. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công Ty

Các hoạt động của Công Ty trong năm 2022 được thực hiện theo kế hoạch hoạt động đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022, phù hợp với kế hoạch trung, dài hạn và định hướng phát triển ổn định, bền vững của Công Ty.

Năm 2022, mặc dù doanh thu của Công Ty tăng trưởng mạnh đạt 138% so với kế hoạch, nhưng do ảnh hưởng của tình hình thị trường khó khăn chung và do chi phí của Công Ty tăng cao 138% so với kế hoạch, Công Ty chỉ đạt 35% kế hoạch lợi nhuận đề ra. Chiếm tỷ trọng cao nhất trong doanh thu của Công Ty là doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán, đây đồng thời cũng là mảng hoạt động kinh doanh có sự tăng trưởng vượt bậc trong năm 2022 khi doanh thu đạt 654 tỷ đồng, tăng 261% so với năm 2021. Tiếp đến là hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (margin) cũng ghi nhận sự tăng trưởng tích cực khi doanh thu đạt 172 tỷ đồng, tăng gần 118% so với năm 2021.

- b. Kết quả giám sát tình hình tuân thủ quy định pháp luật, Điều Lệ và Quy chế nội bộ quản trị của Công Ty

Ban Kiểm Soát đánh giá thấy Công Ty đã thực hiện và tuân thủ đầy đủ quy định về công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ; và tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

Trong năm 2022, Hội Đồng Quản Trị miễn nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc và Người đại diện pháp luật của Công Ty đối với ông Trần Sơn Hải; và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc và Người đại diện pháp luật của Công Ty đối với Bà Bùi Thị Thanh Trà. Đồng thời trong năm, Hội Đồng Quản Trị cũng đã miễn nhiệm chức danh Kế Toán Trưởng của Công Ty đối với Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa và bổ nhiệm chức danh Kế Toán Trưởng của Công Ty đối với Bà Nguyễn Thanh Tuyền. Việc miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức danh người quản lý Công Ty nêu trên được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và những người quản lý Công Ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình, tuân thủ Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan.

Vào ngày 20/09/2022, Công Ty nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 691/QĐ-XPHC ngày 16/09/2022 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) xử phạt hành chính đối với Công Ty về việc:

- Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ tư vấn trong hồ sơ tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ của công ty cổ phần chưa đại chúng năm 2022, cụ thể là nội dung Hợp đồng tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu ký kết giữa Công Ty và khách hàng không có thỏa thuận về đối tượng được chào bán trái phiếu; và
- Vi phạm quy định cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của một số khách hàng.

Công Ty đã ghi nhận nội dung vi phạm và tăng cường giám sát, kiểm soát nội bộ đối với các hoạt động của Công Ty, tránh vi phạm lần sau.

c. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công Ty

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% thực hiện năm 2022 / Kế hoạch năm 2022	% thực hiện năm 2022 / Thực hiện năm 2021
Tổng doanh thu	1.359.595	1.981.000	2.732.978	137,9%	201,0%
Doanh thu hoạt động	1.346.028	-	2.720.792	-	202,1%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.380	-	1.599	-	115,9%
Thu nhập khác	12.187	-	10.587	-	86,9%
Tổng chi phí	1.088.298	1.481.000	2.556.784	138,1%	234,9%
Chi phí hoạt động	781.091	-	2.045.230	-	261,8%
Chi phí quản lý	121.849	-	165.168	-	135,6%
Chi phí dự phòng tài sản tài chính	-	-	-	-	-
Chi phí lãi vay	178.859	-	345.248	-	193,0%
Chi phí khác	6.499	-	1.138	-	-
Lợi nhuận trước thuế	103.710	500.000	176.193	35,2%	169,9%

(Nguồn: Báo cáo tài chính TPS)

Công Ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành trong công tác hạch toán, kế toán của Công Ty. Ban Kiểm Soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong các báo cáo, tờ trình được trình cho Đại Hội Đồng Cổ Đông đã thể hiện trung thực tình hình tài chính của Công Ty, phù hợp với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính năm 2022 của Công Ty.

d. Kết quả giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết/quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2022, Công Ty đã triển khai các nghị quyết/quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị trọng yếu như sau:

- (i) Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty: Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) được lựa chọn là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2022 của Công Ty.
- (ii) Thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công Ty: Do tình hình tài chính và thị trường chứng khoán không thuận lợi trong năm 2022, kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công Ty từ 2.000 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng đã được tạm hoãn.
- (iii) Phát hành trái phiếu: Trong năm 2022, theo kế hoạch được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thì Công Ty dự kiến phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu, tuy nhiên theo nhu cầu vốn thực tế của Công Ty, Công Ty chỉ phát hành 1.000 tỷ đồng trái phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ.
- (iv) Thực hiện phân phối lợi nhuận: Công Ty đã thực hiện theo chủ trương đã được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 là không phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, dùng lợi nhuận để sử dụng cho kế hoạch phát triển của Công Ty.

2. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác của Công Ty và những người có liên quan của đối tượng này; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác của Công Ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Các giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng nêu trên được phê duyệt/thông qua theo quy định của Điều Lệ và được công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Các giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng nêu trên được liệt kê và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết (năm 2022) của Công Ty.

3. Kết quả giám sát đối với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác

Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác đã quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo đúng mục tiêu, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022. Ban Kiểm Soát chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý, điều hành Công Ty.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc

Trong năm 2022, Ban Kiểm Soát thường xuyên được tạo điều kiện thuận lợi từ Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và những người quản lý khác của Công Ty để thực hiện vai trò, nhiệm vụ giám sát của mình, thông qua việc được cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình quản trị Công Ty, các hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công Ty nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ và các nghị quyết/quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.

Ban Kiểm Soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý Công Ty, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ quy định của pháp luật hiện hành.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công Ty, Ban Kiểm Soát xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm năm 2023 như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công Ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động của Công Ty.
- Rà soát các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người liên quan của Công Ty để đưa ra khuyến nghị về việc phê duyệt, thông qua các hợp đồng, giao dịch này theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- Giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và những người quản lý, điều hành khác của Công Ty.
- Thực hiện vai trò, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát theo quy định của Điều Lệ và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Trên đây là toàn bộ nội dung “**Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023**”.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

TRẦN THANH HƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: 01/2023/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y);

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y), được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và được đăng tải trên website của Công Ty: www.tpbs.com.vn. Một số chỉ số quan trọng trong Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ số	Số liệu trong Báo cáo tài chính năm	
		Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng tài sản	4.764.070.036.075	6.706.708.866.907
2	Doanh thu	1.359.595.840.740	2.732.979.169.408
3	Lợi nhuận trước thuế	271.347.363.696	176.193.705.806
4	Lợi nhuận sau thuế	210.684.062.435	135.674.849.362
5	Lợi nhuận lũy kế	171.200.078.393	289.754.919.915
6	Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	154.080.070.553	289.754.919.915

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

ĐỖ ANH TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: 02/2023/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty;
- Căn cứ thực tế chi trả thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát năm 2022;

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua báo cáo chi trả thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát năm 2022 và kế hoạch thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát năm 2023:

1. Thù lao Hội Đồng Quản Trị

Đối tượng nhận thù lao	Năm 2022		Năm 2023
	Kế hoạch (VND)	Thực tế (VND)	Kế hoạch (VND)
Hội Đồng Quản Trị	740.000.000	600.000.000	600.000.000

Chi tiết thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị trong năm 2022:

- (i) Ông Đỗ Anh Tú - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị: 40.000.000 VND;
- (ii) Bà Trương Thị Hoàng Lan - Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị: 40.000.000 VND;
- (iii) Ông Trần Sơn Hải - Thành viên Hội Đồng Quản Trị: 520.000.000 VND.

2. Thù lao Ban Kiểm Soát

Đối tượng nhận thù lao	Năm 2022		Năm 2023
	Kế hoạch (VND)	Thực tế (VND)	Kế hoạch (VND)
Ban Kiểm Soát	160.000.000	152.634.783	156.000.000

Chi tiết thù lao của từng thành viên Ban Kiểm Soát trong năm 2022:

- (i) Bà Trần Thanh Hương - Trưởng Ban Kiểm Soát: 60.000.000 VND;
- (ii) Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm - Thành viên Ban Kiểm Soát: 48.000.000 VND;

- (iii) Bà Ngô Thị Lệ Thanh - Thành viên Ban Kiểm Soát (*bổ nhiệm từ ngày 11 tháng 03 năm 2022*): 38.200.000 VND;
- (iv) Bà Võ Thị Xuân Lan - Thành viên Ban Kiểm Soát (*miễn nhiệm từ ngày 11 tháng 03 năm 2022*): 6.434.783 VND.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

ĐỖ ANH TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: 03/2023/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y);
- Căn cứ kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công Ty;

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công Ty với các nội dung như sau:

1. Thông qua báo cáo về việc trích lập các quỹ, dự phòng năm 2022

Trên cơ sở Công Ty có lợi nhuận sau thuế năm 2022, việc trích lập các quỹ, dự phòng năm 2022 được thực hiện như sau:

(ĐVT: đồng)

Chỉ số		Năm 2022	
		Kế hoạch	Thực tế
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	400.000.000.000	135.674.849.362
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	554.080.070.553	289.754.919.915
3	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% LNST)	27.704.003.528	0
4	Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (5% LNST)	27.704.003.528	0
5	Lợi nhuận giữ lại sau trích các quỹ, dự phòng (5) = (2) - [(3) + (4)]	498.672.063.498	289.754.919.915

2. Thông qua việc không phân phối lợi nhuận giữ lại năm 2022

Công Ty đáp ứng các điều kiện được thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, lợi nhuận giữ lại năm 2022 của Công Ty dự kiến được sử dụng cho kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh của Công Ty trong năm 2023; do vậy, Công Ty không phân phối lợi nhuận giữ lại năm 2022.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

ĐỖ ANH TÚ

DỰ THẢO

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: 04/2023/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu năm 2023 với tổng giá trị mệnh giá phát hành dự kiến là 2.000 tỷ đồng)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty;

Nhằm bảo đảm nhu cầu vốn cho kế hoạch hoạt động của Công Ty trong năm 2023, Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu của Công Ty với các nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG QUA KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH/CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

Tổ chức phát hành	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.
Loại Trái Phiếu	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có hoặc không có bảo đảm (“ Trái Phiếu ”).
Mệnh giá Trái Phiếu	100.000.000 VND/Trái Phiếu (một trăm triệu đồng một trái phiếu) hoặc bội số của 100.000.000 VND (một trăm triệu đồng).
Giá phát hành Trái Phiếu	Theo mệnh giá Trái Phiếu.
Đồng tiền phát hành và thanh toán Trái Phiếu	Đồng Việt Nam.
Tổng giá trị mệnh giá Trái Phiếu phát hành	Dự kiến 2.000.000.000.000 VND (hai nghìn tỷ đồng), được phát hành thông qua một hoặc chia thành nhiều đợt phát hành (mỗi đợt phát hành được gọi là “ Đợt Phát Hành ”). Hội Đồng Quản Trị quyết định tổng giá trị mệnh giá Trái Phiếu phát hành trong từng Đợt Phát Hành tùy thuộc vào nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
Tài sản bảo đảm (nếu có)	Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn các tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Công Ty và/hoặc bên thứ ba và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác được pháp luật cho phép nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.

Kỳ hạn của Trái Phiếu	Tối đa 05 (năm) năm. Hội Đồng Quản Trị quyết định kỳ hạn của Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành phù hợp với nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm.
Lãi suất Trái Phiếu	Hội Đồng Quản Trị quyết định mức lãi suất và phương thức xác định lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành, bảo đảm việc huy động vốn của Công Ty hiệu quả, phù hợp với tình hình thị trường tại từng thời điểm.
Kỳ tính lãi của Trái Phiếu	Định kỳ 03 tháng/lần, 06 tháng/lần, 12 tháng/lần hoặc thanh toán một lần tại ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn của Trái Phiếu. Kỳ tính lãi của Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành sẽ được Hội Đồng Quản Trị quyết định phù hợp với nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm.
Phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu	Phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành hoặc phát hành đại chúng/chào bán ra công chúng. Phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu cụ thể của từng Đợt Phát Hành sẽ được Hội Đồng Quản Trị quyết định bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
Đối tượng phát hành	Các tổ chức kinh tế, định chế tài chính, tổ chức tín dụng, nhà đầu tư chứng khoán cá nhân/tổ chức có nhu cầu đầu tư Trái Phiếu bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
Thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu	Gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần tại ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn của Trái Phiếu. Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ theo kỳ tính lãi của Trái Phiếu.
Thời gian phát hành/chào bán Trái Phiếu	Thời gian thực hiện phát hành/chào bán Trái Phiếu cụ thể của từng Đợt Phát Hành sẽ được Hội Đồng Quản Trị quyết định bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
Mua lại Trái Phiếu trước hạn	Công Ty có thể mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu đã được phát hành trước ngày đáo hạn của Trái Phiếu. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể tại các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu có liên quan.
Mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu	Tùy thuộc vào phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, Công Ty có thể phát hành/chào bán Trái Phiếu cho một, một số hoặc tất cả các mục đích sau đây: (i) Nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn của Công Ty để thực hiện các nghiệp vụ tự doanh, tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán và/hoặc các nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của Công Ty; (ii) Huy động vốn nhằm thực hiện hoạt động đầu tư của Công Ty, bao gồm thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, góp vốn đầu tư, mua cổ phần/phần vốn góp hoặc thực hiện đầu

	<p>tư vốn dưới hình thức khác để phát triển quy mô hoạt động của Công Ty; và/hoặc</p> <p>(iii) Cơ cấu nợ của Công Ty.</p>
<p>Phương án sử dụng vốn thu được từ phát hành/chào bán Trái Phiếu</p>	<p>Việc sử dụng vốn thu được từ phát hành/chào bán Trái Phiếu phải bảo đảm đúng mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu theo phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư.</p> <p>Hội Đồng Quản Trị căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công Ty để cân đối việc sử dụng vốn thu được từ phát hành/chào bán Trái Phiếu phù hợp với quy định nêu trên, bảo đảm việc sử dụng vốn tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với kế hoạch hoạt động của Công Ty.</p>
<p>Nguồn thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu</p>	<p>Gốc và lãi Trái Phiếu sẽ được thanh toán từ:</p> <p>(i) Nguồn tiền mặt của Công Ty tại thời điểm thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu;</p> <p>(ii) Dòng tiền thu được từ hoạt động của Công Ty;</p> <p>(iii) Các tài sản và nguồn tiền hợp pháp khác của Công Ty.</p>

II. THÔNG QUA NỘI DUNG VỀ QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phù hợp với kế hoạch phát hành/chào bán Trái Phiếu nêu trên, trong phạm vi thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan, Hội Đồng Quản Trị có quyền hạn, trách nhiệm triển khai, phê duyệt, thông qua, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc phát hành/chào bán Trái Phiếu, cụ thể:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - a. Quyết định phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành: phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành hoặc phát hành đại chúng/chào bán ra công chúng;
 - b. Quyết định các điều khoản, điều kiện cụ thể của Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành phù hợp với phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu, loại Trái Phiếu, mệnh giá Trái Phiếu, lãi suất Trái Phiếu và phương thức xác định lãi suất Trái Phiếu, kỳ hạn Trái Phiếu, thời điểm phát hành Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành, số lượng Trái Phiếu phát hành của từng Đợt Phát Hành;
 - c. Quyết định lựa chọn tiêu chí, danh sách đối tượng phát hành, nhà đầu tư tham gia từng Đợt Phát Hành, giao dịch mua bán Trái Phiếu;
 - d. Các khoản chi phí liên quan đến việc phát hành/chào bán Trái Phiếu.
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng vốn thu được từ phát hành/chào bán Trái Phiếu trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật và phù hợp với kế hoạch hoạt động của Công Ty.
3. Quyết định các vấn đề liên quan đến việc tạo lập biện pháp bảo đảm cho Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn: hình thức của biện pháp bảo đảm (cầm cố, thế chấp và/hoặc bảo lãnh thanh toán của bên thứ ba); chủng loại, số lượng, giá trị tài sản bảo

đảm; việc thay đổi biện pháp bảo đảm và/hoặc tài sản bảo đảm tại từng thời điểm (nếu có, kể cả việc bên thứ ba dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu); các điều khoản, điều kiện, cam kết liên quan đến các tài liệu của biện pháp bảo đảm; các tài liệu liên quan đến tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, định giá tài sản bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, thứ tự thanh toán của nhà đầu tư khi xử lý tài sản bảo đảm và các tài liệu sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh có liên quan; các thủ tục nhằm hoàn tất việc tạo lập biện pháp bảo đảm cho Trái Phiếu.

4. Quyết định việc đàm phán, ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc phát hành/chào bán Trái Phiếu.
5. Quyết định, hoàn chỉnh chi tiết nội dung phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành và/hoặc sửa đổi, bổ sung phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu chi tiết khi cần thiết để bảo đảm việc phát hành/chào bán Trái Phiếu tuân thủ quy định của pháp luật tại từng thời điểm, phù hợp với tình hình thị trường và bảo đảm việc huy động vốn của Công Ty hiệu quả.
6. Quyết định nội dung toàn bộ hồ sơ, tài liệu để thực hiện thủ tục phát hành/chào bán Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và/hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
7. Quyết định và thực hiện công việc liên quan đến đăng ký giao dịch, lưu ký, niêm yết đối với Trái Phiếu (nếu cần thiết theo quy định của pháp luật và/hoặc theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị), bao gồm nhưng không giới hạn: số lượng Trái Phiếu và thời hạn đăng ký giao dịch, lưu ký, niêm yết Trái Phiếu; các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đăng ký giao dịch, lưu ký, niêm yết Trái Phiếu; làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ, thủ tục đăng ký giao dịch, lưu ký, niêm yết và/hoặc bất kỳ vấn đề nào khác liên quan đến đăng ký giao dịch, lưu ký, niêm yết Trái Phiếu.
8. Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành/chào bán Trái Phiếu nhằm thực hiện kế hoạch phát hành/chào bán Trái Phiếu được thông qua như trên.

Trường hợp xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị sẽ giao/phân công/ủy quyền lại đối với một phần hoặc toàn bộ các nội dung công việc thuộc quyền hạn, trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị nêu trên.

Hội Đồng Quản Trị báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện phát hành/chào bán Trái Phiếu tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

ĐỖ ANH TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: 05/2023/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu năm 2023 để tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty;

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua “**Phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu năm 2023 để tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng**” với các nội dung cụ thể như sau:

A. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH/CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Tên tổ chức phát hành	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong
Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong
Mã chứng khoán	ORS (HOSE)
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 VND/cổ phiếu (mười nghìn đồng một cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000 (hai trăm triệu) cổ phiếu
Vốn điều lệ hiện hành	2.000.000.000.000 VND (hai nghìn tỷ đồng)
Số lượng cổ phiếu phát hành/chào bán thêm	Dự kiến 200.000.000 (hai trăm triệu) cổ phiếu
Tổng giá trị mệnh giá cổ phiếu phát hành/chào bán thêm	Dự kiến 2.000.000.000.000 VND (hai nghìn tỷ đồng)
Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi phát hành/chào bán thêm cổ phiếu	Dự kiến 400.000.000 (bốn trăm triệu) cổ phiếu
Vốn điều lệ sau khi phát hành/chào bán thêm cổ phiếu	Dự kiến 4.000.000.000.000 VND (bốn nghìn tỷ đồng)

Phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu	<p>Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong hai phương án hoặc cả hai phương án sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; và/hoặc 2. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ. <p><i>Chi tiết từng phương án phát hành/chào bán cổ phiếu được trình bày dưới đây.</i></p>
Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành/chào bán thêm cổ phiếu	<p>Phát hành/chào bán thêm cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ của Công Ty. Qua đó:</p> <ol style="list-style-type: none"> (i) Nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn của Công Ty để thực hiện các nghiệp vụ tự doanh, tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán và/hoặc các nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của Công Ty; (ii) Huy động vốn nhằm thực hiện hoạt động đầu tư của Công Ty, bao gồm thực hiện các chương trình, kế hoạch đầu tư, góp vốn đầu tư, mua cổ phần/phần vốn góp hoặc thực hiện đầu tư vốn dưới hình thức khác để phát triển quy mô hoạt động của Công Ty; và/hoặc (iii) Cơ cấu nợ của Công Ty.
Thời gian triển khai thực hiện phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu	<p>Dự kiến trong năm 2023 hoặc Quý 1/2024.</p> <p>Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định thứ tự, thời điểm cụ thể thực hiện (từng) phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn việc các phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu có thể được thực hiện đồng thời/cùng lúc phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).</p>

1. CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

Số lượng cổ phiếu phát hành/chào bán thêm do cổ đông thực hiện quyền mua	<p>Số lượng cổ phiếu phát hành/chào bán thêm được xác định bằng tỷ lệ thực hiện quyền quy định như dưới đây và số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công Ty tại thời điểm thực hiện phương án phát hành quyền mua.</p> <p>Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong hai tỷ lệ thực hiện quyền như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1: Dự kiến 100.000.000 (một trăm triệu) cổ phiếu. - Đối với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1: Dự kiến 200.000.000 (hai trăm triệu) cổ phiếu.
Tổng giá trị mệnh giá cổ phiếu phát hành/chào bán thêm do cổ đông thực hiện quyền mua	<p>Tổng giá trị mệnh giá cổ phiếu tương ứng với số lượng cổ phiếu phát hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1: Dự kiến tối đa 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ đồng).

	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1: Dự kiến tối đa 2.000.000.000.000 VND (hai nghìn tỷ đồng).
Giá phát hành/chào bán và nguyên tắc xác định giá	<p>Giá phát hành/chào bán dự kiến không thấp hơn mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu (mười nghìn đồng một cổ phiếu).</p> <p>Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định giá phát hành/chào bán cụ thể phù hợp với giá trị trường của cổ phiếu tại thời điểm phát hành/chào bán.</p>
Tỷ lệ thực hiện quyền	<p>Tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1 hoặc 1:1.</p> <p>Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định tỷ lệ thực hiện quyền cụ thể tại thời điểm phát hành/chào bán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1: Cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua. Cổ đông sở hữu 01 quyền mua được mua 01 cổ phiếu mới. - Đối với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1: Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua. Cổ đông sở hữu 01 quyền mua được mua 01 cổ phiếu mới.
Đối tượng tham gia đợt phát hành quyền mua	<p>Cổ đông hiện hữu của Công Ty theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành/chào bán thêm.</p> <p>Danh sách cổ đông do VSD cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.</p>
Chuyển nhượng quyền mua	<p>Cổ đông hiện hữu được phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành/chào bán thêm có thể chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng quyền mua 01 (một) lần duy nhất (người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu không được chuyển nhượng quyền mua cho người khác). Cổ đông hiện hữu và bên nhận chuyển nhượng quyền mua tự thỏa thuận về giá chuyển nhượng, thanh toán và tự chịu trách nhiệm thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mỗi bên liên quan đến giao dịch chuyển nhượng quyền mua.</p> <p><u>Ví dụ:</u> Vào ngày chốt danh sách, cổ đông hiện hữu A sở hữu 200 cổ phiếu, được phân bổ 200 quyền mua theo tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 50 quyền mua cho Nhà đầu tư B và chuyển nhượng 150 quyền mua cho Nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người khác.</p>
Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý quyền mua, cổ phiếu lẻ	<p>Áp dụng nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lượng quyền mua lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.</p> <p><u>Ví dụ:</u> Cổ đông hiện hữu A sở hữu 201 cổ phiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1: Cổ đông A được phân bổ 100,5 quyền mua. Do làm tròn đến hàng đơn vị nên cổ đông A thực tế được phân bổ 100 quyền mua và theo đó được mua 100 cổ phiếu phát hành/chào bán thêm; số lượng quyền mua lẻ là 0,5 quyền mua sẽ bị hủy bỏ.

	- Đối với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1: Không phát sinh số lượng quyền mua, cổ phiếu lẻ.
Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết	Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định phương án phân phối/chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết (do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, quyền mua lẻ bị hủy bỏ hoặc chưa phân phối hết vì bất kỳ lý do nào khác) cho nhà đầu tư khác và/hoặc các cổ đông hiện hữu khác, với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công Ty.
Hạn chế chuyển nhượng	Số cổ phiếu phát hành/chào bán thêm do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng. Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được phân bổ quyền mua. Số cổ phiếu mua thêm từ việc thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng. Trường hợp xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết, số cổ phiếu chưa phân phối hết khi được phân phối/chào bán cho cổ đông/nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành/chào bán.
Chào mua công khai	Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc chấp thuận cho cổ đông/nhà đầu tư khác khi thực hiện mua số cổ phiếu chưa phân phối hết theo phương án do Hội Đồng Quản Trị quyết định sẽ không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
Tỷ lệ phát hành/chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng.

2. CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Số lượng cổ phiếu phát hành/chào bán thêm	Dự kiến tối đa 200.000.000 (hai trăm triệu) cổ phiếu. Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định số lượng cổ phiếu phát hành/chào bán thêm cụ thể tại thời điểm phát hành/chào bán.
Tổng giá trị mệnh giá cổ phiếu phát hành/chào bán thêm	Dự kiến tối đa 2.000.000.000.000 VND (hai nghìn tỷ đồng) tùy vào số lượng cổ phiếu phát hành/chào bán thêm.
Giá phát hành/chào bán và nguyên tắc xác định giá	Giá phát hành/chào bán dự kiến không thấp hơn mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu (mười nghìn đồng một cổ phiếu). Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định giá phát hành/chào bán cụ thể phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành/chào bán.
Đối tượng và số lượng nhà đầu tư tham gia đợt phát	Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định đối tượng và số lượng nhà đầu tư tham gia đợt

hành/chào bán cổ phiếu	chào bán cổ phiếu riêng lẻ phù hợp với tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư quy định dưới đây.
Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư	Đáp ứng tiêu chí là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật. Đáp ứng các tiêu chí khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị và được quy định trong hồ sơ chào bán cổ phiếu (nếu có).
Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết	Số cổ phiếu chưa phân phối hết (do nhà đầu tư không nộp tiền mua hoặc chưa phân phối hết vì bất kỳ lý do nào khác) khi kết thúc đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ. Số cổ phiếu chào bán thành công được xác định là số cổ phiếu thực tế đã phân phối thành công cho nhà đầu tư trong đợt chào bán.
Hạn chế chuyển nhượng	Số cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
Tỷ lệ phát hành/chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng.

B. THÔNG QUA VIỆC THỰC HIỆN THỦ TỤC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VỀ NỘI DUNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Thông qua việc giao và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công Ty thực hiện các thủ tục và quyết định các vấn đề liên quan để đăng ký tăng/thay đổi vốn điều lệ của Công Ty, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với UBCKNN, Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật để ghi nhận/cập nhật mức vốn điều lệ mới của Công Ty sau khi hoàn thành từng đợt phát hành/chào bán thêm cổ phiếu.
- Thông qua việc mức vốn điều lệ ghi trong Điều Lệ sẽ được điều chỉnh tăng tương ứng với kết quả phát hành/chào bán thêm cổ phiếu và mức vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn thành phát hành/chào bán thêm cổ phiếu. Theo đó, sau khi hoàn thành phát hành/chào bán thêm cổ phiếu và thủ tục tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật, Người đại diện theo pháp luật của Công Ty được quyền ký ban hành bản Điều Lệ mới với nội dung duy nhất được sửa đổi khác so với bản Điều Lệ hiện hành là mức vốn điều lệ của Công Ty.

C. THÔNG QUA NỘI DUNG VỀ QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngoài các nội dung công việc được giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị chi tiết theo phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu nêu trên và các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Điều Lệ, quy định của pháp luật có liên quan, Hội Đồng Quản Trị có quyền hạn, trách nhiệm quyết định, triển khai, thực hiện tất cả các công việc cần thiết liên quan đến việc phát hành/chào bán thêm cổ phiếu, đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công Ty, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chi tiết phương án phát hành/chào bán khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công Ty

và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để bảo đảm đợt phát hành/chào bán thêm cổ phiếu được thực hiện tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm quyền lợi của cổ đông và Công Ty.

2. Quyết định giá phát hành/chào bán cụ thể, thời điểm cụ thể triển khai thực hiện và xác định số lượng cổ phiếu cụ thể phát hành/chào bán theo từng phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty và chấp thuận của UBCKNN.
3. Đánh giá, quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến mức độ pha loãng cổ phiếu và quyền biểu quyết của cổ đông sau khi hoàn thành đợt phát hành/chào bán thêm cổ phiếu phù hợp với tình hình thực tế tại thời điểm triển khai phương án phát hành/chào bán cổ phiếu.
4. Quyết định số lượng, tiêu chí nhà đầu tư tham gia đợt phát hành/chào bán thêm cổ phiếu; lựa chọn, đàm phán với nhà đầu tư về giá phát hành/chào bán và số lượng cổ phiếu phát hành/chào bán cho từng nhà đầu tư phù hợp với nội dung phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.
5. Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến thủ tục phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư theo từng phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu.
6. Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến việc phân bổ, cân đối và sử dụng vốn thu được từ từng đợt phát hành/chào bán thêm cổ phiếu phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty và mục đích, phương án sử dụng vốn đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.
7. Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến việc thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành/chào bán thêm thành công theo từng đợt phát hành/chào bán thêm cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật.
8. Quyết định nội dung hồ sơ, tài liệu phát hành/chào bán thêm cổ phiếu, hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung, hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và bất kỳ văn bản, hồ sơ, tài liệu, hợp đồng, thỏa thuận cần thiết khác liên quan đến và/hoặc phát sinh từ việc thực hiện phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu.
9. Quyết định các vấn đề chi tiết thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị liên quan đến thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty để ghi nhận/cập nhật mức vốn điều lệ mới của Công Ty sau khi hoàn thành từng đợt phát hành/chào thêm bán cổ phiếu.
10. Quyết định các khoản chi phí liên quan đến và/hoặc phát sinh từ việc Công Ty thực hiện phát hành/chào bán thêm cổ phiếu.
11. Quyết định tất cả các vấn đề và thực hiện tất cả các thủ tục, công việc cần thiết khác (nếu có) nhằm bảo đảm thực hiện đợt phát hành/chào bán theo phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như nội dung đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

Trường hợp xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị sẽ giao/phân công/ủy quyền lại đối với một phần hoặc toàn bộ các nội dung công việc thuộc quyền hạn, trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị nêu trên.

Hội Đồng Quản Trị báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về kết quả thực hiện phát hành/chào bán thêm cổ phiếu và kết quả tăng vốn điều lệ của Công Ty tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

ĐỖ ANH TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: 06/2022/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);

Xét rằng, Công Ty cơ bản có thể đáp ứng đầy đủ các điều kiện để chào bán chứng quyền có bảo đảm theo quy định của pháp luật có liên quan; và Công Ty có định hướng mở rộng hoạt động kinh doanh, cung cấp thêm cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ tài chính mới để qua đó tăng doanh thu cho Công Ty.

Vì vậy, Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm của Công Ty với các nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG QUA CHỦ TRƯỞNG CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Việc chào bán chứng quyền có bảo đảm của Công Ty sẽ được triển khai thực hiện theo chủ trương:

1. Quyền của người sở hữu chứng quyền: Thực hiện theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật liên quan (nếu có).
2. Hạn mức chào bán chứng quyền: Thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định, hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến chào bán chứng quyền có bảo đảm.
3. Phương án bảo đảm thanh toán: Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau đây:
 - a. Nguồn vốn lưu động bố trí cho việc thanh toán chứng quyền;
 - b. Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
 - c. Tài sản bảo đảm thanh toán được ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký;
 - d. Bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký; và/hoặc
 - e. Tài sản khác của Công Ty phù hợp với quy định của pháp luật (nếu có).
4. Nghĩa vụ của Công Ty đối với người sở hữu chứng quyền trong trường hợp Công Ty bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản: Người sở hữu chứng quyền được xem là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công Ty. Quyền, lợi ích của người

sở hữu chứng quyền khi xảy ra các trường hợp nêu trên được xử lý ngang bằng với (các) chủ nợ có bảo đảm một phần khác của Công Ty và bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn quy định về việc xử lý trường hợp đặc biệt theo Điều 15 của Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm và các văn bản, quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

II. THÔNG QUA NỘI DUNG VỀ QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phù hợp với chủ trương thực hiện việc chào bán chứng quyền có bảo đảm của Công Ty nêu trên, trong phạm vi thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan, Hội Đồng Quản Trị sẽ phê duyệt, thông qua, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc phát hành/chào bán chứng quyền có bảo đảm, cụ thể:

1. Quyết định chi tiết tất cả các nội dung liên quan đến từng đợt chào bán chứng quyền của Công Ty, bao gồm:
 - a. Kiểu chứng quyền, loại chứng quyền và phương thức thực hiện chứng quyền;
 - b. Chứng khoán cơ sở được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền;
 - c. Giá trị của đợt chào bán, giá chào bán, số lượng chứng quyền đăng ký chào bán;
 - d. Giá thực hiện (chỉ số thực hiện), giá đăng ký chào bán, tỷ lệ chuyển đổi, hệ số nhân (trường hợp chứng quyền dựa trên chỉ số chứng khoán);
 - e. Thời hạn của chứng quyền, ngày niêm yết dự kiến;
 - f. Các nội dung khác liên quan đến chứng quyền và/hoặc đợt chào bán chứng quyền của Công Ty.
2. Quyết định thời điểm thực hiện chào bán chứng quyền và hoàn tất thực hiện tất cả các thủ tục, ký các hồ sơ, giấy tờ cần thiết theo quy định của pháp luật để triển khai việc chào bán chứng quyền có bảo đảm của Công Ty.

Trường hợp xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị sẽ giao/phân công/ủy quyền lại đối với một phần hoặc toàn bộ các nội dung công việc thuộc quyền hạn, trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị nêu trên.

Hội Đồng Quản Trị báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện chào bán chứng quyền có bảo đảm của Công Ty tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

ĐỖ ANH TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: 07/2023/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công Ty)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công Ty cụ thể như sau:

1. Với chủ trương tích cực ứng dụng công nghệ kỹ thuật số vào hoạt động của Công Ty nói chung, cũng như sau quá trình triển khai các mô hình làm việc mới (làm việc tại nhà/từ xa kết nối trực tuyến...), Hội Đồng Quản Trị đã cân nhắc thêm việc điều chỉnh quy mô văn phòng/chỗ ngồi làm việc tại Công Ty, qua đó cân đối tiết giảm chi phí và bảo đảm các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của Công Ty được ổn định, nâng cao. Theo kế hoạch điều chỉnh quy mô văn phòng như trên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty được thay đổi như sau:

<i>Trước thay đổi</i>	<i>Sau thay đổi</i>
Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 7, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Phù hợp với thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công Ty nêu trên, Khoản 3 Điều 2 của Điều Lệ sẽ được sửa đổi tương ứng như sau:

“Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động

3. Trụ sở chính của Công Ty

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 39118014 Fax: (028) 39118015
- Email: tpbs@tpbs.com.vn Website: www.tpbs.com.vn”

3. Giao/ủy quyền cho Tổng Giám Đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công Ty theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn việc đăng ký

thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công Ty với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, đăng ký điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty để ghi nhận/cập nhật địa chỉ trụ sở chính của Công Ty.

Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám Đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công Ty được giao/phân công/ủy quyền lại đối với một phần hoặc toàn bộ các nội dung nêu trên.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

ĐỖ ANH TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: 08/2023/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 11 tháng 03 năm 2022 (“**Điều Lệ 2022**”);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 11 tháng 03 năm 2022 (“**Quy Chế Quản Trị 2022**”);

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét các nội dung sau đây:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ 2022 và ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động mới (“**Điều Lệ 2023**”).

Theo đó, các nội dung của Điều Lệ 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Điều Lệ 2023 nhằm bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tế hoạt động của Công Ty.

Dự thảo Điều Lệ 2023 và bảng so sánh nội dung sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ 2022 và Điều Lệ 2023 được đính kèm Tờ trình này và được đăng tải trên website của Công Ty: www.tpbs.com.vn.

Điều Lệ 2023 sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, thay thế Điều Lệ 2022.

2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy Chế Quản Trị 2022 và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty mới (“**Quy Chế Quản Trị 2023**”).

Theo đó, các nội dung của Quy Chế Quản Trị 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Quy Chế Quản Trị 2023 nhằm bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tế hoạt động của Công Ty, đồng bộ với việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ 2022 theo Mục 1 trên đây.

Dự thảo Quy Chế Quản Trị 2023 và bảng so sánh nội dung sửa đổi, bổ sung của Quy Chế Quản Trị 2022 và Quy Chế Quản Trị 2023 được đính kèm Tờ trình này và được đăng tải trên website của Công Ty: www.tpbs.com.vn.

Quy Chế Quản Trị 2023 sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, thay thế Quy Chế Quản Trị 2022.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

ĐỖ ANH TÚ

DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	3
Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công Ty	4
Điều 5. Dấu của Công Ty	4
CHƯƠNG III. PHẠM VI, MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG	5
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
Điều 7. Mục tiêu hoạt động	5
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty	5
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	7
Điều 9. Vốn Điều Lệ	7
Điều 10. Cơ cấu cổ phần	8
Điều 11. Cổ đông	9
Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông	9
Điều 13. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết	10
Điều 14. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức	11
Điều 15. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại	11
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 17. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	12
Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông	12
Điều 19. Cổ phiếu và các chứng chỉ chứng khoán khác	13
Điều 20. Điều chỉnh Vốn Điều Lệ	14
Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	15
Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần	15
Điều 23. Chào bán trái phiếu	16
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	16

Điều 24.	Nguyên tắc quản trị, điều hành.....	16
Điều 25.	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát quản lý	16
MỤC 1.	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
Điều 26.	Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	16
Điều 27.	Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	17
Điều 28.	Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông	18
Điều 29.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	19
Điều 30.	Chương trình và nội dung cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	20
Điều 31.	Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	21
Điều 32.	Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	21
Điều 33.	Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	22
Điều 34.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông	22
Điều 35.	Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông	24
Điều 36.	Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua.....	24
Điều 37.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông	25
Điều 38.	Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	26
Điều 39.	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	27
Điều 40.	Hiệu lực của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	27
MỤC 2.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 41.	Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị.....	27
Điều 42.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị	29
Điều 43.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	30
Điều 44.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị	31
Điều 45.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị	32
Điều 46.	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	33
Điều 47.	Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị	34
Điều 48.	Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị	35
Điều 49.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị	36
Điều 50.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị	37
Điều 51.	Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị.....	37
Điều 52.	Người phụ trách quản trị Công Ty.....	37

Điều 53.	Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị	38
Điều 54.	Quản trị rủi ro.....	39
MỤC 3.	BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 55.	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát.....	41
Điều 56.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát	43
Điều 57.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát.....	43
Điều 58.	Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban Kiểm Soát	44
Điều 59.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát.....	44
Điều 60.	Cuộc họp của Ban Kiểm Soát	45
Điều 61.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên.....	45
Điều 62.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên	46
MỤC 4.	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	46
Điều 63.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	46
Điều 64.	Người điều hành khác	47
Điều 65.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc.....	47
Điều 66.	Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc.....	48
Điều 67.	Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc	48
CHƯƠNG VI.	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	49
Điều 68.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Công Ty.....	49
Điều 69.	Công khai các lợi ích liên quan	50
Điều 70.	Giao dịch với người có liên quan	52
Điều 71.	Giao dịch với cổ đông, người quản lý Công Ty và người có liên quan của các đối tượng này.....	52
Điều 72.	Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	52
Điều 73.	Bảo đảm quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty	53
Điều 74.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	53
Điều 75.	Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc	54
Điều 76.	Công khai thông tin.....	54
CHƯƠNG VII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	55
Điều 77.	Công nhân viên và công đoàn.....	55
CHƯƠNG VIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ DỰ TRỮ	55

Điều 78.	Trả cổ tức.....	55
Điều 79.	Xử lý lỗ trong kinh doanh	56
Điều 80.	Trích lập các quỹ	56
CHƯƠNG IX.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	56
Điều 81.	Tài khoản ngân hàng	56
Điều 82.	Năm tài chính.....	57
Điều 83.	Chế độ kế toán	57
CHƯƠNG X.	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	57
Điều 84.	Trình báo cáo hàng năm của Hội Đồng Quản Trị.....	57
Điều 85.	Trình báo cáo hàng năm của Ban Kiểm Soát.....	58
Điều 86.	Chế độ báo cáo.....	59
Điều 87.	Công bố thông tin.....	59
Điều 88.	Tổ chức công bố thông tin.....	60
CHƯƠNG XI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	60
Điều 89.	Kiểm toán.....	60
CHƯƠNG XII.	TỔ CHỨC LẠI, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY.....	60
Điều 90.	Tổ chức lại Công Ty.....	60
Điều 91.	Tạm ngừng hoạt động	61
Điều 92.	Giải thể Công Ty.....	61
Điều 93.	Thanh lý tài sản.....	61
Điều 94.	Phá sản Công Ty.....	62
CHƯƠNG XIII.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	62
Điều 95.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	62
CHƯƠNG XIV.	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	63
Điều 96.	Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ.....	63
Điều 97.	Ngày hiệu lực	63
PHỤ LỤC 01 - VỐN ĐIỀU LỆ		64

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh Nghiệp số 03/2022/QH15 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022;
3. Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán;
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
5. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính Phủ quy định về quản lý và sử dụng con dấu;
6. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
7. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
8. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
9. Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp;
10. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán.

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong này (“**Điều Lệ**”) được thông qua theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐTN của Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên vào ngày 19 tháng 04 năm 2023.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều Lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “**Công Ty**” là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.
 - b. “**Giấy phép thành lập và hoạt động**” là Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 cho Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông (tên trước đây của Công Ty) và các giấy phép của Công Ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - c. “**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**” là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với mã số doanh nghiệp là 0304814339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - d. “**Vốn Điều Lệ**” là vốn điều lệ của Công Ty được quy định tại Điều 9 của Điều Lệ.
 - e. “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty¹.
 - f. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty².
 - g. “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác³.
 - h. “**Người quản lý Công Ty**” hoặc “**Người quản lý**” là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng⁴.
 - i. “**Người điều hành Công Ty**” hoặc “**Người điều hành**” là người điều hành Công Ty bao gồm Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều Lệ⁵ (nếu có).

¹ Khoản 3 Điều 4 LDN 2020

² Khoản 18 Điều 4 LCK 2019

³ Khoản 5 Điều 4 LDN 2020

⁴ Khoản 24 Điều 4 LDN 2020

⁵ Khoản 55 Điều 3 NĐ 155/2020/NĐ-CP

- j. **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công Ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.
- k. **“Người có quan hệ gia đình”** là người trong các mối quan hệ theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp.
- l. **“Tỷ lệ sở hữu nước ngoài”** là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tính trên Vốn Điều Lệ của Công Ty. Trong trường hợp này, nhà đầu tư nước ngoài được xác định bao gồm tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế đó.
- m. **“Luật Doanh Nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh Nghiệp số 03/2022/QH15 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.
- n. **“Luật Chứng Khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
2. Trong Điều Lệ này, việc tham chiếu đến bất kỳ văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản đó.
3. Các tiêu đề (Điểm, Khoản, Điều, Mục, Chương của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện theo dõi việc đọc hiểu và không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung, ý nghĩa của Điều Lệ này.
4. Trừ trường hợp Điều Lệ này có định nghĩa khác, các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Điều Lệ này sẽ có nghĩa tương tự như trong Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động

1. Tên Công Ty:
- Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG
 - Tên bằng tiếng Anh: TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION
 - Tên giao dịch: TP SECURITIES
 - Tên viết tắt: TPS
2. Công Ty là một công ty cổ phần, có đầy đủ tư cách pháp nhân phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
3. Trụ sở chính của Công Ty:
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 39118014 Fax: (028) 39118015
- Email: tpbs@tpbs.com.vn Website: www.tpbs.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động của Công Ty:

- a. Công Ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi quy định của pháp luật cho phép;
- b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị trực thuộc Công Ty và Công Ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
- c. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công Ty kèm theo cụm từ “chi nhánh”, “phòng giao dịch” hoặc “văn phòng đại diện” và tên riêng để phân biệt;
- d. Công Ty chỉ thực hiện các hoạt động kinh doanh tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch phù hợp với Giấy phép thành lập và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch tương ứng đã được cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

5. Thời hạn hoạt động của Công Ty bắt đầu từ ngày Công Ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi Công Ty chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật⁶

- 1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là cá nhân đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Công Ty có thể có 01 (một) hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Các trường hợp cụ thể như sau:
 - a. Trường hợp Công Ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật: Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc.
 - b. Trường hợp Công Ty có hơn 01 (một) người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của Công Ty. Công Ty lựa chọn đăng ký Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công Ty với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Người đại diện theo pháp luật đã đăng ký là người chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

⁶ Điều 12 LDN 2020 và Điều 182 NB 155/2020/NĐ-CP

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty tại từng thời điểm do Hội Đồng Quản Trị quyết định, trừ trường hợp pháp luật có quy định bất buộc khác.

3. Công Ty phải bảo đảm luôn có ít nhất 01 (một) người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại 01 (một) người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công Ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 3 nêu trên vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công Ty trở lại làm việc tại Công Ty hoặc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
5. Trường hợp Công Ty chỉ còn 01 (một) người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc trường hợp người đại diện theo pháp luật chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội Đồng Quản Trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công Ty⁷

1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công Ty;
 - b. Trung thành với lợi ích của Công Ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công Ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Dấu của Công Ty⁸

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cơ sở khắc dấu và/hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

⁷ Điều 13 LDN 2020

⁸ NB 99/2016/NĐ-CP

2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công Ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công Ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định bắt buộc khác.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý dấu của Công Ty, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công Ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công Ty theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. PHẠM VI, MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động⁹

1. Công Ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động theo các nghiệp vụ kinh doanh được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp phép bao gồm:
 - a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công Ty được cung cấp dịch vụ nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và các sản phẩm, dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật; đồng thời, có thể thực hiện hoạt động trong các ngành nghề kinh doanh khác (nếu có) theo sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (bao gồm Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước) tại từng thời điểm.

Điều 7. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công Ty là:

1. Cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán, tài chính có chất lượng.
2. Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường Việt Nam.
3. Tạo điều kiện, môi trường làm việc chuyên nghiệp cho các tài năng phát triển, nâng cao phúc lợi cho người lao động.
4. Tối đa hóa giá trị cổ phần, lợi ích cho cổ đông.
5. Góp phần phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty

1. Công Ty có tất cả các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp với điều kiện là quy định của Luật Doanh Nghiệp không mâu thuẫn với Luật Chứng Khoán cũng như quy định của pháp luật về chứng khoán.

⁹ Điều 72 LCK 2019

2. Bên cạnh các quyền theo quy định của Khoản 1 nêu trên, Công Ty có các quyền sau đây¹⁰:
- a. Tự do kinh doanh những ngành nghề, nghiệp vụ kinh doanh được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) chấp thuận tại từng thời điểm;
 - b. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ chứng khoán, tài chính cho khách hàng trong phạm vi ngành nghề, nghiệp vụ kinh doanh hợp pháp của Công Ty;
 - c. Thực hiện thu phí khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật;
 - d. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công Ty;
 - e. Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
3. Bên cạnh các nghĩa vụ theo quy định của Khoản 1 nêu trên, Công Ty phải bảo đảm tuân thủ các nghĩa vụ, nguyên tắc hoạt động sau đây:
- a. Tuân thủ các nguyên tắc quản trị Công Ty bao gồm¹¹:
 - (i) Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
 - (ii) Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, nâng cao trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát đối với Công Ty và cổ đông;
 - (iii) Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
 - (iv) Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công Ty;
 - (v) Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công Ty;
 - (vi) Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công Ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
 - b. Tuân thủ các nghĩa vụ của công ty chứng khoán theo quy định tại Điều 89 của Luật Chứng Khoán, bao gồm:
 - (i) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - (ii) Bảo đảm nhân viên làm việc tại Bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện;
 - (iii) Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công Ty;

¹⁰ Điều 7 LDN 2020

¹¹ Điều 40 LCK 2019

- (iv) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
 - (v) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công Ty;
 - (vi) Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công Ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó, trừ trường hợp khách hàng không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin nhưng không đầy đủ, chính xác;
 - (vii) Cập nhật, lưu giữ đầy đủ hồ sơ thông tin khách hàng, chứng từ và phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công Ty;
 - (viii) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
 - (ix) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật;
 - (x) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục;
 - (xi) Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ Tài Chính;
 - (xii) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Chứng Khoán.
- c. Tuân thủ quy định về hạn chế đối với công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - d. Tuân thủ nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - e. Bảo đảm các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - f. Chịu trách nhiệm về hoạt động của người hành nghề chứng khoán tại Công Ty;
 - g. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 9. Vốn Điều Lệ và tỷ lệ sở hữu nước ngoài

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán¹², phải được bảo đảm không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật. Mức Vốn Điều Lệ cụ thể của Công Ty tại từng thời điểm được ghi nhận tại Giấy phép thành lập và hoạt động và/hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty.
2. Công Ty có thể thay đổi tăng, giảm Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ¹³ (*tham khảo thông tin các lần tăng Vốn Điều Lệ của Công Ty được cập nhật tại Phụ Lục 01 - Vốn Điều Lệ đính kèm Điều Lệ*).

¹² Khoản 1 Điều 112 LDN 2020

¹³ Khoản 2 Điều 6 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

3. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị thông qua tùy từng trường hợp phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ.
4. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công Ty là 49% (bốn mươi chín phần trăm).

Điều 10. Cơ cấu cổ phần¹⁴

1. Các cổ phần của Công Ty chỉ có loại cổ phần phổ thông tại ngày thông qua Điều Lệ này. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
2. Tại từng thời điểm, ngoài cổ phần phổ thông, Công Ty có thể phát hành thêm các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông phù hợp với quy định của pháp luật. Cổ phần ưu đãi bao gồm các loại sau đây:
 - a. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - b. Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
 - c. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
 - d. Cổ phần ưu đãi khác: theo quy định tại phương án phát hành cổ phần ưu đãi được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Đặc điểm của các loại cổ phần ưu đãi:
 - a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số phiếu biểu quyết của cổ phần phổ thông; số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khi thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết¹⁵;
 - b. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công Ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức¹⁶;
 - c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công Ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và Điều Lệ (nếu có)¹⁷.
4. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khi thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần.
5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

¹⁴ Điều 114 LDN 2020

¹⁵ Khoản 1 Điều 116 LDN 2020

¹⁶ Khoản 1 Điều 117 LDN 2020

¹⁷ Khoản 1 Điều 118 LDN 2020

6. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
7. Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (nếu có) được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

Điều 11. Cổ đông¹⁸

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu trong Công Ty.
2. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công Ty và các cổ đông khác.
3. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên phải thông báo đầy đủ cho Công Ty trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi nhận được thông tin đối với các trường hợp sau:
 - a. Số cổ phần bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của Tòa án;
 - b. Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.
4. Công Ty phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông.
5. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên và người có liên quan của cổ đông đó không sở hữu trên 5% Vốn Điều Lệ của một công ty chứng khoán khác¹⁹.

Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông²⁰

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức biểu quyết khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có). Mỗi cổ phần phổ thông có 01 (một) phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công Ty phù hợp với phương án chào bán cổ phần và/hoặc phương án tăng Vốn Điều Lệ được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều Lệ và/hoặc theo các điều kiện được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng (nếu có);

¹⁸ Điều 6 TT 121/2020/TT-BTC

¹⁹ Điểm c Khoản 2 Điều 74 LCK 2019

²⁰ Điều 115 LDN 2020

- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ, Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - g. Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty;
 - h. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp;
 - d. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:
- a. Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
4. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát. Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát được thực hiện theo Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 13. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết²¹

- 1. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.

²¹ Điều 116 LDN 2020

2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

Điều 14. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức²²

1. Nhận cổ tức theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.
2. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty, sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công Ty giải thể hoặc phá sản.
3. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 dưới đây.
4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 15. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại²³

1. Được Công Ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.
2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 dưới đây.
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 114 và Khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông²⁴

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều Lệ; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

²² Điều 117 LDN 2020

²³ Điều 118 LDN 2020

²⁴ Điều 119 LDN 2020

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 17. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức²⁵

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản và nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức là cổ đông Công Ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông là tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
4. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công Ty và chỉ có hiệu lực đối với Công Ty kể từ ngày Công Ty nhận được văn bản. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh Nghiệp.
5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều 14 của Luật Doanh Nghiệp.
6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức²⁶:
 - a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại Hội Đồng Cổ Đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;
 - b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;
 - c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông²⁷

1. Công Ty phải lập và quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công Ty hoặc cả hai hình thức này.

²⁵ Điều 14 LDN 2020

²⁶ Điều 15 LDN 2020

²⁷ Điều 122 LDN 2020

2. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông phải bảo đảm có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh Nghiệp hoặc theo quy định của các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông.
3. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công Ty trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông trong giờ làm việc của Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Công Ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Cổ phiếu, các sản phẩm tài chính và chứng khoán khác

1. Cổ phiếu²⁸:
 - a. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công Ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
 - b. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
 - c. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - (i) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - (ii) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
2. Chứng quyền có bảo đảm:
 - a. Chứng quyền có bảo đảm là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công Ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công Ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện²⁹.

²⁸ Điều 121 LDN 2020

²⁹ Khoản 6 Điều 4 LCK 2019

- b. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công Ty và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc nhận chuyển giao chứng khoán cơ sở; quyền chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp...).
- 3. Các sản phẩm tài chính³⁰: Công Ty có thể thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan theo quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước tại từng thời điểm.
- 4. Chứng khoán khác: Chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công Ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Công Ty ủy quyền hợp lệ và dấu của Công Ty³¹.

Điều 20. Điều chỉnh Vốn Điều Lệ

- 1. Tăng Vốn Điều Lệ³²: Sau khi chính thức tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, theo sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty có thể tăng Vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây:
 - a. Chào bán thêm chứng khoán ra công chúng: chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng hoặc phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
 - b. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
 - c. Chào bán, phát hành cổ phiếu theo các hình thức khác dẫn đến tăng Vốn Điều Lệ: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền;
 - d. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- 2. Giảm Vốn Điều Lệ³³:
 - a. Theo sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty có thể giảm Vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây:
 - (i) Mua lại cổ phiếu để giảm Vốn Điều Lệ theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (ii) Mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều 21 của Điều Lệ;
 - (iii) Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động;

³⁰ Khoản 2 Điều 86 LCK 2019, Điều 202 NĐ 155/2020/NĐ-CP

³¹ Điều 8 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

³² Điều 187 NĐ 155/2020/NĐ-CP

³³ Khoản 5 Điều 112 LDN 2020, Điều 36 LCK 2019 và Điều 188 NĐ 155/2020/NĐ-CP

- (iv) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- b. Công Ty thực hiện giảm Vốn Điều Lệ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và đáp ứng các điều kiện sau:
 - (i) Vốn chủ sở hữu sau khi giảm không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
 - (ii) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi giảm vốn đạt tối thiểu là 180%;
 - (iii) Các đợt giảm vốn phải cách nhau tối thiểu 12 (mười hai) tháng;
 - (iv) Đáp ứng điều kiện mua lại cổ phiếu của chính mình quy định tại Điều 36 Luật Chứng Khoán;
 - (v) Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 3. Trình tự, thủ tục tăng, giảm Vốn Điều Lệ trong từng trường hợp được thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 4. Sau khi hoàn tất việc tăng, giảm Vốn Điều Lệ, Công Ty thực hiện thủ tục điều chỉnh (i) Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và (ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông³⁴

Khi đáp ứng đầy đủ các tỷ lệ, điều kiện, hình thức, thủ tục mua lại cổ phần... theo quy định của pháp luật có liên quan, việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông có thể được Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản này.
2. Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong trường hợp nêu trên với giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần³⁵

1. Cổ phần của Công Ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ và/hoặc được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

³⁴ Điều 132 LDN 2020

³⁵ Điều 127 LDN 2020

- Việc chuyển nhượng cổ phần của Công Ty được thực hiện bằng hình thức giao dịch trên thị trường chứng khoán với trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 23. Chào bán trái phiếu³⁶

- Công Ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo hình thức phát hành riêng lẻ hoặc phát hành ra công chúng theo quy định của pháp luật.
- Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt.
- Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền phải được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt, nhưng phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 24. Nguyên tắc quản trị, điều hành³⁷

- Công Ty phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
- Công Ty có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng.
- Công Ty phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc phù hợp với Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.
- Các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 25. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát quản lý³⁸

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

- Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Hội Đồng Quản Trị.
- Ban Kiểm Soát.
- Tổng Giám Đốc.

MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông³⁹

- Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.

³⁶ Khoản 2 Điều 13 NĐ 153/2020/NĐ-CP

³⁷ Điều 3 TT 121/2020/TT-BTC

³⁸ Điều 137 LDN 2020 và Điều 11 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

³⁹ Điều 138 LDN 2020

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;
 - Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 - Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;
 - Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty; Quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị; Quy chế hoạt động và Quy trình kiểm soát của Ban Kiểm Soát;
 - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi nhiệm, miễn nhiệm kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ (nếu có).

Điều 27. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁴⁰

- Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên được tổ chức 01 lần/năm (mỗi năm một lần). Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được tổ chức đồng thời tại nhiều địa điểm. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được trong thời hạn nêu trên, Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định gia hạn tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Công Ty phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong thời hạn 02 (hai) tháng tiếp theo⁴¹.
- Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

⁴⁰ Điều 139 LDN 2020

⁴¹ Khoản 2 Điều 7 TT 121/2020/TT-BTC

- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.
4. Các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trước đó chưa được thực hiện, Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện⁴².

Điều 28. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁴³

1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích Công Ty;
 - b. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;
 - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều này.
3. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập

⁴² Khoản 2 Điều 272 NB 155/2020/NB-CP

⁴³ Điều 140 LDN 2020

họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều này.

4. Trường họp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp, hình thức tổ chức cuộc họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
6. Thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát phải tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường họp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát⁴⁴.
7. Trường họp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của Công Ty⁴⁵.
8. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại trên cơ sở các chứng từ hợp lệ, đầy đủ. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi trả khi tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 29. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁴⁶

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông của Công Ty. Công Ty phải công bố thông tin về việc

⁴⁴ Khoản 4 Điều 273 NB 155/2020/NB-CP

⁴⁵ Khoản 4 Điều 273 NB 155/2020/NB-CP

⁴⁶ Điều 141 LDN 2020

lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng⁴⁷. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Người quản lý Công Ty phải cung cấp kịp thời thông tin Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Điều Lệ.

Điều 30. Chương trình và nội dung cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁴⁸

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
4. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.

⁴⁷ Điểm b Khoản 4 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC

⁴⁸ Điều 142 LDN 2020

Điều 31. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁴⁹

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết, đăng ký giao dịch; trường hợp Công Ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết.
4. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 32. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵⁰

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và phải lập thành văn bản, trong đó phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).
3. Cổ đông được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến;
 - d. Tham gia biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử;

⁴⁹ Điều 143 LDN 2020

⁵⁰ Điều 144 LDN 2020

- e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 33. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵¹

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại Hội Đồng Cổ Đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều 30 của Điều Lệ.

Điều 34. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵²

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành như sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được quy định như sau đây:
 - a. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm Soát điều hành đề Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều hành đề Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
 - d. Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

⁵¹ Điều 145 LDN 2020

⁵² Điều 146 LDN 2020

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
5. Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa phân công công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Bên cạnh việc tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo hình thức truyền thống phù hợp với quy định của Điều Lệ này, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được tổ chức theo hình thức trực tuyến tùy theo quyết định của người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh, dữ liệu thông qua mạng Internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của cuộc họp, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các thủ tục, công việc liên quan đến việc tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty có liên quan.

Điều 35. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵³

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp các vấn đề cụ thể phải được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được quy định tại Khoản 3 Điều 37 của Điều Lệ.
2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Điều Lệ.

Điều 36. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua⁵⁴

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều này:
 - a. Thay đổi Vốn Điều Lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty quy định tại Điều 25 của Điều Lệ;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 - f. Thông qua hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 3 Điều 72 của Điều Lệ.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:
 - a. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
 - b. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ;
 - c. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa

⁵³ Điều 147 LDN 2020

⁵⁴ Điều 148 LDN 2020; Khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung LDN

chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và 6 Điều này.
5. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
6. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵⁵

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ.
2. Hội Đồng Quản Trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 29 của Điều Lệ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Điều Lệ.
3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 3 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bỏ phiếu điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

⁵⁵ Điều 149 LDN 2020

- c. Trường hợp gửi ý kiến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo quy định về bỏ phiếu điện tử được Công Ty áp dụng tại từng thời điểm;
 - d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 5 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.
- Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 38. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵⁶

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 150 của Luật Doanh Nghiệp.
- Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

⁵⁶ Điều 150 LDN 2020

5. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
6. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵⁷

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi đến cổ đông hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 40 của Điều Lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

Điều 40. Hiệu lực của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵⁸

1. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 39 của Điều Lệ, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị⁵⁹

1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý của Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

⁵⁷ Điều 151 LDN 2020

⁵⁸ Điều 152 LDN 2020

⁵⁹ Điều 153 LDN 2020

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán, giá mua lại cổ phần và trái phiếu của Công Ty;
- e. Quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng trong trường hợp mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty⁶⁰;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn/hạn chế đầu tư của Công Ty theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng của Công Ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định;
- m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;
- p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

⁶⁰ Khoản 1 Điều 133 LDN 2020

3. Hội Đồng Quản Trị đồng thời có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau đây⁶¹:
- a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công Ty;
 - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty;
 - c. Bảo đảm hoạt động của Công Ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy định nội bộ của Công Ty;
 - d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty;
 - e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công Ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo quy định của pháp luật;
 - g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty;
 - h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công Ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty;
 - i. Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật.
4. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ quy định. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.
5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.

Điều 42. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị⁶²

1. Hội Đồng Quản Trị có từ 03 (ba) đến 07 (bảy) thành viên. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị trong mỗi nhiệm kỳ. Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị cần bảo đảm⁶³:
- a. Tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành;

⁶¹ Điều 278 NB 155/2020/NB-CP

⁶² Điều 154 LDN 2020

⁶³ Điều 276 NB 155/2020/NB-CP

- b. Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên hoặc tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 05 (năm) năm; có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị⁶⁴

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty;
 - c. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc/Giám đốc của công ty chứng khoán khác⁶⁵;
 - d. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác⁶⁶.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành là thành viên Hội Đồng Quản Trị không phải là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng của Công Ty⁶⁷.
3. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định;

⁶⁴ Điều 155 LDN 2020

⁶⁵ Khoản 1 Điều 8 TT 121/2020/TT-BTC

⁶⁶ Khoản 3 Điều 275 NĐ 155/2020/NĐ-CP

⁶⁷ Khoản 56 Điều 3 NĐ 155/2020/NĐ-CP

- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công Ty; là người quản lý của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát của Công Ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;
 - f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải thông báo với Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội Đồng Quản Trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có liên quan.
5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ tương tự như thành viên Hội Đồng Quản Trị khác.

Điều 44. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị⁶⁸

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên được công bố phải bao gồm các thông tin tối thiểu sau đây:
- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Các lợi ích liên quan đến Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty (nếu có).

⁶⁸ Điều 274 NB 155/2020/NĐ-CP

Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến Công Ty của ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 của Điều Lệ có quyền đề cử ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị cần phải biểu quyết bầu, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Việc Hội Đồng Quản Trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị⁶⁹

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện như sau⁷⁰:
 - a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám Đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty;
 - b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, ngoài ra phải bảo đảm các trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội Đồng Quản Trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội Đồng Quản Trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

⁶⁹ Điều 277 NB 155/2020/NĐ-CP

⁷⁰ Điều 159 LDN 2020

- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.
- 3. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị⁷¹.

Điều 46. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị⁷²

- 1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị bầu 01 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.
- 2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không được kiêm Tổng Giám Đốc của Công Ty⁷³.
- 3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
- 4. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.
- 5. Khi xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công Ty. Thư ký Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

⁷¹ Khoản 3 Điều 277 NB 155/2020/NB-CP

⁷² Điều 156 LDN 2020

⁷³ Khoản 2 Điều 275 NB 155/2020/NB-CP

- c. Hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
- d. Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo phân công của Hội Đồng Quản Trị tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 47. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị⁷⁴

1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
2. Hội Đồng Quản Trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Việc tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều Lệ. Hội Đồng Quản Trị họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị. Địa điểm cuộc họp Hội Đồng Quản Trị là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.
3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.
5. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do không triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều này; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời

⁷⁴ Điều 157 LDN 2020 và Khoản 1 Điều 279 NB 155/2020/NĐ-CP

họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.
9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua fax, thư điện tử, phiếu biểu quyết phải được gửi đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải được giữ bí mật đến thời điểm biểu quyết.
11. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Điều 48. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị⁷⁵

1. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 158

⁷⁵ Điều 158 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 279 NB 155/2020/NĐ-CP

của Luật Doanh Nghiệp. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan⁷⁶.
3. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, thể hiện được đầy đủ nội dung cuộc họp. Trường hợp cần thiết theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, nội dung một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được lập thành nhiều biên bản với điều kiện tất cả các biên bản phải thể hiện được đầy đủ toàn bộ nội dung của cuộc họp đó. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.
4. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua⁷⁷. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị⁷⁸

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 43 của Điều Lệ;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

⁷⁶ Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung LDN

⁷⁷ Khoản 2 Điều 279 NB 155/2020/NB-CP

⁷⁸ Điều 160 LDN 2020

4. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng theo quy định tại Điều 4342 của Điều Lệ. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 43 của Điều Lệ;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị⁷⁹

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được hưởng thù lao và thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được yêu cầu thanh toán chi phí đi lại, ăn, ở và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 51. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị⁸⁰

1. Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người, bao gồm thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

Điều 52. Người phụ trách quản trị Công Ty⁸¹

1. Hội Đồng Quản Trị phải bổ nhiệm/tuyển dụng ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công Ty. Người phụ trách

⁷⁹ Điều 163 LDN 2020

⁸⁰ Điều 31 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

⁸¹ Điều 281 NĐ 155/2020/NĐ-CP

quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 46 của Điều Lệ. Người phụ trách quản trị Công Ty đảm nhận và thực hiện công việc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ mới bổ nhiệm/tuyển dụng người khác thay thế và/hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với Hợp đồng lao động ký kết với Công Ty.

2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.
3. Người phụ trách quản trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 53. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị⁸²

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị thiết lập phải bảo đảm thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ quy định dưới đây:
 - a. Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều Lệ, các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật, kiểm soát các biện pháp bảo đảm an toàn tài sản;

⁸² Khoản 2, 3 và 4 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC

- f. Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính, thông qua quá trình kinh doanh;
 - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công Ty;
 - l. Thực hiện kiểm toán nội bộ của Công Ty và các công ty con của Công Ty (nếu có);
 - m. Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực và bảo mật theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:
- a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 (năm) năm gần nhất tính đến năm được bổ nhiệm;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, phẩm chất để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc và (các) Giám Đốc Chi Nhánh trong Công Ty;
 - d. Có chứng chỉ Chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty.

Điều 54. Quản trị rủi ro⁸³

1. Hội Đồng Quản Trị phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo nguyên tắc sau đây:
- a. Hệ thống tổ chức quản trị rủi ro tối thiểu phải quy định các nội dung:
 - (i) Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc quản trị rủi ro;
 - (ii) Trách nhiệm của Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc quản trị rủi ro;
 - (iii) Trách nhiệm của Bộ phận Quản trị rủi ro và các trưởng Bộ phận nghiệp vụ trong việc quản trị rủi ro;

⁸³ Điều 11 TT 121/2020/TT-BTC

- (iv) Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội Đồng Quản Trị thông qua;
 - (v) Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;
 - (vi) Công tác quản lý kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng Giám Đốc;
 - (vii) Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.
- b. Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải bảo đảm Công Ty có khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.
- c. Hệ thống quản trị rủi ro phải được xây dựng để bảo đảm công tác quản trị rủi ro được thực hiện độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất.
- d. Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải bảo đảm các Bộ phận nghiệp vụ và Bộ phận Quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau và người phụ trách Bộ phận nghiệp vụ không đồng thời phụ trách Bộ phận Quản trị rủi ro và ngược lại.
2. Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro trong Công Ty phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:
- a. Hệ thống quản trị rủi ro trong Công Ty phải được vận hành dựa trên các quy trình, quy chế nội bộ bằng văn bản.
- b. Các quy trình, quy chế nội bộ phải được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể, chi tiết về quy trình, quy chế quản trị rủi ro liên quan. Công Ty phải thường xuyên rà soát và cập nhật lại các quy trình, quy chế nội bộ này.
- c. Các quy trình, quy chế nội bộ phải bảo đảm cơ quan quản lý Nhà nước, Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ, Ban Kiểm Soát hiệu được hoạt động quản trị rủi ro của Công Ty.
- d. Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro phải có tối thiểu các nội dung sau đây:
- (i) Cơ cấu tổ chức và mô tả chức năng nhiệm vụ, cơ chế phân cấp thẩm quyền quyết định và trách nhiệm;
 - (ii) Chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo trao đổi thông tin về rủi ro và xử lý rủi ro;
 - (iii) Các quy tắc phải bảo đảm nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật.
3. Công Ty phải xây dựng hệ thống quy trình quản trị rủi ro bao gồm các nội dung: xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, giám sát rủi ro và xử lý rủi ro.
4. Xây dựng kế hoạch dự phòng:

- a. Công Ty phải xây dựng kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp xảy ra nhằm bảo đảm tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Công Ty.
 - b. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát thường xuyên kế hoạch dự phòng. Kế hoạch dự phòng phải được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
5. Nguyên tắc lưu trữ hồ sơ, tài liệu:
- a. Tất cả hồ sơ, tài liệu, báo cáo, biên bản họp, nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo về rủi ro, các quyết định của Tổng Giám Đốc và các tài liệu khác liên quan đến quản trị rủi ro phải được lưu trữ đầy đủ và sẵn sàng cung cấp cho cơ quan quản lý Nhà nước khi có yêu cầu.
 - b. Thời gian lưu trữ các tài liệu quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này được thực hiện theo quy định pháp luật.

MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát

1. Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây⁸⁴:
 - a. Thực hiện giám sát tình hình tài chính của Công Ty, giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác trong việc quản lý, điều hành Công Ty và việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động, quản lý, điều hành; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ can trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và bán niên của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công Ty;
 - e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công Ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;
 - f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ, Ban Kiểm Soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại Khoản

⁸⁴ Điều 170 LDN 2020 và Điều 288 NĐ 155/2020/NĐ-CP

này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

- g. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty. Bảo đảm phối hợp hoạt động với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và cổ đông Công Ty;
 - h. Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác của Công Ty vi phạm pháp luật, Điều Lệ thì Ban Kiểm Soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc vi phạm pháp luật, Điều Lệ dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công Ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm Soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định và/hoặc triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật nêu trên, Ban Kiểm Soát phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm⁸⁵;
 - i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của Công Ty;
 - j. Sử dụng tư vấn độc lập, Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - k. Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - l. Đề xuất, kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Xây dựng Quy chế hoạt động, Quy trình kiểm soát của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - n. Tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, báo cáo về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát, Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây⁸⁶:
- a. Triệu tập các cuộc họp Ban Kiểm Soát;

⁸⁵ Điểm d Khoản 1 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC

⁸⁶ Khoản 2 Điều 38 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

- b. Yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 56. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát⁸⁷

- 1. Ban Kiểm Soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) Kiểm Soát Viên, nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định số lượng thành viên của Ban Kiểm Soát trong mỗi nhiệm kỳ.
- 2. Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số các Kiểm Soát Viên theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát được quy định tại Khoản 2 Điều 55 của Điều Lệ này. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số Kiểm Soát Viên thường trú ở Việt Nam.
- 3. Trường hợp Kiểm Soát Viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm Soát Viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 4. Trường hợp có Kiểm Soát Viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Kiểm Soát Viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm Soát.

Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát⁸⁸

- 1. Thành viên Ban Kiểm Soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công Ty;
 - e. Không thuộc các trường hợp sau⁸⁹:
 - (i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
 - (ii) Là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

⁸⁷ Điều 168 LDN 2020

⁸⁸ Điều 169 LDN 2020

⁸⁹ Khoản 2 Điều 286 NB 155/2020/NĐ-CP

- f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
- 2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Trưởng Ban Kiểm Soát phải có thêm tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty⁹⁰;
 - b. Không được đồng thời là thành viên ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác⁹¹.

Điều 58. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban Kiểm Soát⁹²

- 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 44 của Điều Lệ.
- 2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Ban Kiểm Soát cần phải biểu quyết bầu, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.
- 3. Việc bầu thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự quy định tại Khoản 3 Điều 36 của Điều Lệ⁹³.

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát⁹⁴

- 1. Thành viên Ban Kiểm Soát có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công Ty. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm Soát được thực hiện như sau⁹⁵:
 - a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm Soát Viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, bao gồm: (i) thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị và tài liệu kèm theo; (ii) nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; (iii) báo cáo của Tổng Giám Đốc trình Hội Đồng Quản Trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành;
 - b. Kiểm Soát Viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc;
 - c. Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về

⁹⁰ Khoản 3 Điều 286 NB 155/2020/NĐ-CP

⁹¹ Điểm a Khoản 1 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC

⁹² Điều 285 NB 155/2020/NĐ-CP

⁹³ Khoản 3 Điều 148 LDN 2020

⁹⁴ Điều 173 LDN 2020 và Điều 287 NB 155/2020/NĐ-CP

⁹⁵ Điều 171 LDN 2020

công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của Kiểm Soát Viên hoặc Ban Kiểm Soát.

2. Kiểm Soát Viên có trách nhiệm sau đây:
 - a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ (nếu có).
3. Trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác thì Kiểm Soát Viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm Soát Viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công Ty.
4. Trường hợp phát hiện có Kiểm Soát Viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm Soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 60. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát⁹⁶

1. Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm Soát. Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm Soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm Soát.
2. Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên⁹⁷

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm Kiểm Soát Viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm Soát Viên theo quy định tại Điều 57 của Điều Lệ;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm Kiểm Soát Viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

⁹⁶ Điều 289 NB 155/2020/NĐ-CP

⁹⁷ Điều 174 LDN 2020

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 62. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên⁹⁸

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm Soát Viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm Soát.
2. Kiểm Soát Viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty.

MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 63. Tổ chức bộ máy quản lý⁹⁹

1. Hệ thống quản lý của Công Ty phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty.
2. Ban Tổng Giám Đốc của Công Ty bao gồm có 01 (một) Tổng Giám Đốc và (các) Phó Tổng Giám Đốc (nếu có).
3. Ban Tổng Giám Đốc của Công Ty phải xây dựng các quy định làm việc của Ban Tổng Giám Đốc và phải được Hội Đồng Quản Trị thông qua. Quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây¹⁰⁰:
 - a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám Đốc;
 - b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp Ban Tổng Giám Đốc;
 - c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc đối với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.

⁹⁸ Điều 172 LDN 2020

⁹⁹ Điều 33 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹⁰⁰ Khoản 4 Điều 10 TT 121/2020/TT-BTC

Điều 64. Người điều hành khác¹⁰¹

1. Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được bổ nhiệm, tuyển dụng (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng với số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị của Công Ty phù hợp với cơ cấu tổ chức Công Ty được Hội Đồng Quản Trị thông qua. Những người điều hành Công Ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ các hoạt động và tổ chức của Công Ty nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Công Ty trả lương cho những người điều hành Công Ty theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Tiền lương của những người điều hành Công Ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty, phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc¹⁰²

1. Công Ty có 01 (một) Tổng Giám Đốc. Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị; chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc¹⁰³:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - c. Có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc tại Bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
 - d. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
 - e. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn theo quy định của pháp luật;
 - f. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;
 - g. Không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

¹⁰¹ Điều 34 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹⁰² Khoản 1 và Khoản 2 Điều 162 LDN 2020

¹⁰³ Khoản 5 Điều 74 LCK 2019 và Khoản 2 Điều 10 TT 121/2020/TT-BTC

- h. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 66. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc¹⁰⁴

1. Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
 - e. Tuyển dụng lao động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Công Ty, trừ các chức danh Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;
 - f. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc;
 - g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị (nếu có).
2. Tổng Giám Đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.

Điều 67. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc¹⁰⁵

1. Công Ty phải thiết lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công Ty nhằm bảo đảm mục tiêu:
 - a. Hoạt động của Công Ty tuân thủ quy định của Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - b. Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
 - c. Hoạt động của Công Ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - d. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công Ty.

¹⁰⁴ Khoản 3, Khoản 4 Điều 162 LDN 2020 và Khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹⁰⁵ Điều 12 TT 121/2020/TT-BTC

2. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công Ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công Ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công Ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công Ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công Ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định bảo đảm an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ được Tổng Giám Đốc giao.
3. Yêu cầu nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a. Bố trí tối thiểu 01 (một) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh trong Công Ty;
 - d. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty.

CHƯƠNG VI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 68. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Công Ty¹⁰⁶

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

¹⁰⁶ Điều 291 NB 155/2020/NĐ-CP

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác và những người liên quan của các đối tượng này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.
3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Ngoài các trách nhiệm nêu trên, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát trong các trường hợp sau đây¹⁰⁷:
 - a. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - b. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 69. Công khai các lợi ích liên quan¹⁰⁸

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công Ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp, Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp.
3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

¹⁰⁷ Điều 299 NB 155/2020/NB-CP

¹⁰⁸ Điều 164 LDN 2020

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau đây:
- a. Công Ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nêu trên tại (các) chi nhánh của Công Ty;
 - c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai tại trụ sở chính của Công Ty trong giờ làm việc;
 - d. Công Ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điểm c Khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công Ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong việc thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau đây:
 - (i) Người có yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan gửi văn bản đề nghị đến Công Ty tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện việc xem xét, trích lục, sao chép;
 - (ii) Công Ty chỉ cung cấp bản gốc hoặc tập dữ liệu điện tử các nội dung được yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép tại trụ sở chính của Công Ty. Việc xem xét, trích lục và sao chép các nội dung này phải được thực hiện dưới sự chứng kiến của tối thiểu 01 (một) nhân viên của Công Ty được người quản lý phân công;
 - (iii) Công Ty không gửi bản chính, bản sao, tập dữ liệu điện tử hoặc dưới bất kỳ hình thức nào của các thông tin, dữ liệu cho người yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép dưới bất kỳ phương thức nào, dù là chuyển phát nhanh, fax hoặc email;
 - (iv) Trường hợp người có quyền yêu cầu nêu trên ủy quyền cho người khác thực hiện xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan thì việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Điều 70. Giao dịch với người có liên quan¹⁰⁹

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công Ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
2. Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công Ty.

Điều 71. Giao dịch với cổ đông, người quản lý Công Ty và người có liên quan của các đối tượng này¹¹⁰

1. Trừ trường hợp được phép thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức và không được dùng tiền, tài sản của Công Ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.
2. Công Ty không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với cổ đông lớn, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng và người có liên quan của họ.

Điều 72. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan¹¹¹

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp.
2. Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

¹⁰⁹ Điều 292 NĐ 155/2020/NĐ-CP

¹¹⁰ Điều 27 TT 121/2020/TT-BTC

¹¹¹ Điều 167 LDN 2020 và Khoản 4, Khoản 5 Điều 293 NĐ 155/2020/NĐ-CP

- a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;
 - b. Giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;
 - c. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 36 của Điều Lệ.
 5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định này Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
 6. Công ty phải công khai/công bố thông tin hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 73. Bảo đảm quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty¹¹²

1. Công Ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công Ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều Lệ.
2. Công Ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Điều 74. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường¹¹³

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm

¹¹² Điều 294 NB 155/2020/NĐ-CP

¹¹³ Điều 48 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

vụ theo ủy quyền của Công Ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để hạn chế những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 75. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc¹¹⁴

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:
 - a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công Ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công Ty sẽ tính vào chi phí của Công Ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 76. Công khai thông tin¹¹⁵

1. Công Ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.
2. Công Ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:
 - a. Điều Lệ của Công Ty;
 - b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc;
 - c. Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

¹¹⁴ Điều 166 LDN 2020

¹¹⁵ Điều 176 LDN 2020

- d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.
3. Công Ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG VII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 77. Công nhân viên và công đoàn¹¹⁶

1. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua theo quy định của Điều Lệ đối với các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công Ty.
2. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua theo quy định của Điều Lệ đối với các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định của Điều Lệ, các quy chế của Công Ty và quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ DỰ TRỮ

Điều 78. Trả cổ tức¹¹⁷

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty. Công Ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Đã trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều Lệ. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua việc trả cổ tức, cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Trình tự, thủ tục trả cổ tức được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

¹¹⁶ Điều 50 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹¹⁷ Điều 135 LDN 2020

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.
6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công Ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 123, Điều 124 và Điều 125 Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải đăng ký tăng Vốn Điều Lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 79. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công Ty kinh doanh có lãi theo quy định của pháp luật.

Điều 80. Trích lập các quỹ¹¹⁸

1. Công Ty phải trích lập các quỹ, dự phòng bắt buộc theo quy định của pháp luật bao gồm:
 - a. Quỹ dự phòng tổn thất các khoản đầu tư;
 - b. Quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi;
 - c. Các quỹ, dự phòng bắt buộc khác theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm (nếu có).

Nguyên tắc trích lập, mức trích lập và việc sử dụng các quỹ, dự phòng bắt buộc nêu tại Khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các quỹ, dự phòng bắt buộc nêu trên, theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty có thể trích lập các quỹ, dự phòng sau đây:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - c. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư hoặc mua bảo hiểm nghề nghiệp;
 - d. Quỹ khen thưởng phúc lợi và dự phòng trợ cấp mất việc;
 - e. Các quỹ, dự phòng khác (nếu có).

Nguyên tắc trích lập, mức trích lập và việc sử dụng các quỹ, dự phòng nêu tại Khoản này được thực hiện theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

**CHƯƠNG IX. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH,
CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Điều 81. Tài khoản ngân hàng¹¹⁹

1. Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

¹¹⁸ Điều 3, Điều 5, Điều 6 TT 48/2019/TT-BTC

¹¹⁹ Điều 52 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

2. Theo sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 82. Năm tài chính¹²⁰

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 83. Chế độ kế toán¹²¹

1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định của pháp luật có liên quan. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
3. Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG X. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 84. Trình báo cáo hàng năm của Hội Đồng Quản Trị¹²²

1. Kết thúc năm tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, thông qua.
3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm Soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.
4. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ ở trụ sở chính của Công Ty chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Cỗ

¹²⁰ Điều 53 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹²¹ Điều 54 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹²² Điều 175 LDN 2020

đồng sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này.

5. Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên phải bảo đảm có các nội dung sau¹²³:
- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và các quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
 - e. Hoạt động của các tiểu ban khác trực thuộc Hội Đồng Quản Trị (nếu có);
 - f. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám Đốc và người điều hành khác;
 - g. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 85. Trình báo cáo hàng năm của Ban Kiểm Soát¹²⁴

- 1. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được thực hiện theo quy định tại Điểm d, Điểm e Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ.
- 2. Bên cạnh trách nhiệm báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều này, báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên phải bảo đảm có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm Soát và từng thành viên Ban Kiểm Soát;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm Soát;
 - c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty;
 - d. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác của Công Ty và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác của Công Ty là thành

¹²³ Điều 280 NB 155/2020/NĐ-CP

¹²⁴ Điều 290 NB 155/2020/NĐ-CP

viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- e. Kết quả giám sát đối với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác;
- f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và các cổ đông.

Điều 86. Chế độ báo cáo¹²⁵

1. Việc báo cáo của Công Ty phải đầy đủ, kịp thời và phản ánh chính xác tình hình thực tế của Công Ty.
2. Công Ty phải gửi báo cáo định kỳ bằng tệp dữ liệu điện tử cho và/hoặc theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước với thời hạn, nội dung báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 89 của Điều Lệ này. Trước ngày 31 tháng 03 của năm tiếp theo, Công Ty phải gửi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước báo cáo tài chính năm và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán được chấp thuận.
4. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công Ty.
5. Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 87. Công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin¹²⁶:
 - a. Công Ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công Ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
 - b. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.
2. Công Ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến Công Ty theo quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm:

¹²⁵ Điều 29 TT 121/2020/TT-BTC và Điều 55 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹²⁶ Điều 295 NB 155/2020/NĐ-CP

- a. Báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định thay đổi¹²⁷;
- b. Báo cáo về tình hình quản trị Công Ty tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và công bố thông tin trong báo cáo thường niên của Công Ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin¹²⁸;
- c. Báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị Công Ty định kỳ 06 (sáu) tháng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán¹²⁹.

Điều 88. Tổ chức công bố thông tin¹³⁰

1. Công Ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công Ty theo Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công Ty có trách nhiệm sau đây:
 - a. Công bố các thông tin của Công Ty đến công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 89. Kiểm toán¹³¹

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông (i) quyết định một công ty kiểm toán độc lập trong số các công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận theo quy định của pháp luật; hoặc (ii) phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán độc lập được phê duyệt đó để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên các điều khoản và điều kiện thỏa thuận dịch vụ với Hội Đồng Quản Trị.
2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công Ty được tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, được quyền nhận các thông báo, thông tin khác liên quan đến Đại Hội Đồng Cổ Đông, được phát biểu ý kiến tại Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty.

CHƯƠNG XII. TỔ CHỨC LẠI, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 90. Tổ chức lại Công Ty¹³²

¹²⁷ Điều 296 NĐ 155/2020/NĐ-CP

¹²⁸ Khoản 1 Điều 297 NĐ 155/2020/NĐ-CP

¹²⁹ Khoản 2 Điều 297 NĐ 155/2020/NĐ-CP

¹³⁰ Điều 300 NĐ 155/2020/NĐ-CP

¹³¹ Điều 57 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹³² Điều 206 NĐ 155/2020/NĐ-CP

1. Công Ty thực hiện tổ chức lại, phương án tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp) theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 91. Tạm ngừng hoạt động¹³³

1. Công Ty tạm ngừng hoạt động theo sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
2. Điều kiện tạm ngừng hoạt động Công Ty:
 - a. Việc tạm ngừng hoạt động không được ảnh hưởng đến quyền lợi khách hàng của Công Ty;
 - b. Thời gian tạm ngừng hoạt động tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch của Công Ty không quá 90 (chín mươi) ngày;
 - c. Có phương án tạm ngừng hoạt động, phương án xử lý các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực đã được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
3. Trình tự, thủ tục tạm ngừng hoạt động được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 92. Giải thể Công Ty¹³⁴

1. Công Ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty mà không có quyết định gia hạn. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công Ty (nếu có);
 - b. Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - c. Công Ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Công Ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công Ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
3. Trình tự, thủ tục giải thể Công Ty được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 93. Thanh lý tài sản¹³⁵

¹³³ Điều 208 NĐ 155/2020/NĐ-CP

¹³⁴ Điều 207 LDN 2020

¹³⁵ Điều 61 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý tài sản Công Ty gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định bất kỳ và 01 (một) thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một Công Ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý tài sản Công Ty trước Tòa án và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Công Ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công Ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm d nêu trên được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 94. Phá sản Công Ty

Trình tự, thủ tục phá sản Công Ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 95. Giải quyết tranh chấp nội bộ¹³⁶

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và quy định của pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công Ty;
 - b. Cổ đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hoặc người điều hành khác.

Các bên liên quan trước hết giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm

¹³⁶ Điều 62 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) chỉ định 01 (một) chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được thương lượng hoặc quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan đến thủ tục thương lượng, hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 96. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.
2. Trong trường hợp có các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có các quy định mới của pháp luật khác với các điều khoản trong Điều Lệ này dẫn đến việc vi phạm quy định mới của pháp luật thì các quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

Điều 97. Ngày hiệu lực

1. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua tại cuộc họp thường niên ngày 19 tháng 04 năm 2023.
2. Điều Lệ này được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị pháp lý như nhau.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc của Công Ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2023

Người đại diện theo pháp luật của Công Ty

BÙI THỊ THANH TRÀ

Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 01 - VỐN ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Điều Lệ của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 19 tháng 04 năm 2023)

STT	Thời điểm	Vốn Điều Lệ (VND)	Ghi chú
1	29/12/2006	60.000.000.000	Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/12/2006
2	06/09/2007	120.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 06/09/2007
3	28/12/2007	240.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28/12/2007
4	24/04/2019	400.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 24/04/2019
5	30/03/2020	439.600.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 30/03/2020
6	29/10/2020	1.000.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/10/2020
7	06/08/2021	2.000.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 06/08/2021

Để làm rõ, thông tin các lần tăng Vốn Điều Lệ và mức Vốn Điều Lệ của Công Ty theo Phụ Lục 01 này là được cập nhật đến ngày 19 tháng 04 năm 2023. Mức Vốn Điều Lệ cụ thể của Công Ty tại từng thời điểm được ghi nhận tại và xác định theo Giấy phép thành lập và hoạt động và/hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty.

SO SÁNH ĐIỀU LỆ 2022 VÀ ĐIỀU LỆ 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

STT	Điều khoản	Nội dung		Ghi chú
		Điều Lệ 2022	Điều Lệ 2023	
1	Điều 2.3	“Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4 và Tầng 7, Tòa nhà Ruby , số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh”.	“Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Doji , số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh”.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công Ty.
2	Điều 3.2	Chưa được quy định.	“Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty tại từng thời điểm do Hội Đồng Quản Trị quyết định, trừ trường hợp pháp luật có quy định bắt buộc khác”.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty và Điều 182 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP.
3	Điều 5.2	“ Hội Đồng Quản Trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công Ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công Ty phù hợp với theo quy định của pháp luật”.	“ Người đại diện theo pháp luật của Công Ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công Ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công Ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định bắt buộc khác”.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.
4	Điều 12.4	“Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp”.	“Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền ”.	Điều chỉnh phù hợp với Điều 115 Luật Doanh Nghiệp.
5	Điều 27.3.g	“3. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: ...	“3. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: ...	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.

		g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông”.	g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ”.	
6	Điều 36.1.c	“Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty”.	“Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty quy định tại Điều 25 của Điều Lệ ”.	Điều chỉnh phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp.
7	Điều 37.1	“Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty”.	“Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ ”.	Điều chỉnh phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp.
8	Điều 38.1	Chưa được quy định.	“Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp”.	Bổ sung phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp.
9	Điều 39	“Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông ...”	“Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi đến cổ đông hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty , cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông...”	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.
10	Điều 40.2	“Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua	“Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ”.	Điều chỉnh phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

		ngợi quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ”.		
11	Điều 41.2.e	<p>“2. Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>...</p> <p>e. Quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định”.</p>	<p>“2. Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>...</p> <p>e. Quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng trong trường hợp mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty”.</p>	Điều chỉnh phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp.
12	Điều 44.1	<p>“Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty...”</p>	<p>“Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trên trang thông tin điện tử của Công Ty...”</p>	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
13	Điều 52.1	<p>“...Người phụ trách quản trị Công Ty đảm nhận và thực hiện công việc theo thời hạn của Hợp đồng lao động ký kết với Công Ty và cho đến khi Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ mới bổ nhiệm/tuyển dụng người khác thay thế”.</p>	<p>“...Người phụ trách quản trị Công Ty đảm nhận và thực hiện công việc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ mới bổ nhiệm/tuyển dụng người khác thay thế và/hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với Hợp đồng lao động ký kết với Công Ty”.</p>	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.
14	Điều 78.6	<p>“Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công Ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần...”</p>	<p>“Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công Ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 123, Điều 124 và Điều 125 Luật Doanh Nghiệp...”</p>	Điều chỉnh phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp.

Ghi chú: Ngoài các nội dung được liệt kê như trên, các sửa đổi, bổ sung khác về cách thức bố trí, cấu trúc, câu từ và dẫn chiếu trong Điều Lệ 2023 chỉ nhằm mục đích bảo đảm rõ ràng, thống nhất về hình thức toàn bộ văn bản, không thay đổi nội dung, ý nghĩa so với Điều Lệ 2022.



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2.	Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 3.	Nguyên tắc quản trị.....	2
Điều 4.	Cơ cấu tổ chức, quản trị	3
CHƯƠNG II.	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 5.	Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông	3
Điều 6.	Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	4
Điều 7.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	5
Điều 8.	Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	6
Điều 9.	Cách thức biểu quyết	6
Điều 10.	Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu.....	7
Điều 11.	Cách thức phản đối nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	8
Điều 12.	Lập biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	8
Điều 13.	Hiệu lực các nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	9
Điều 14.	Thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	9
CHƯƠNG III.	ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 15.	Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị	11
Điều 16.	Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	12
Điều 17.	Cách thức bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	13
Điều 18.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	14
Điều 19.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị....	14
CHƯƠNG IV.	TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.	15
Điều 20.	Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị.....	15
Điều 21.	Điều kiện tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị.....	16
Điều 22.	Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.....	16
Điều 23.	Cách thức thông qua nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị.....	17
Điều 24.	Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị	17
Điều 25.	Thông báo nghị quyết Hội Đồng Quản Trị.....	18
CHƯƠNG V.	ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN.....	18
Điều 26.	Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát	18

Điều 27.	Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban Kiểm Soát	19
Điều 28.	Cách thức bầu Kiểm Soát Viên	19
Điều 29.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên.....	19
Điều 30.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát.....	20
Điều 31.	Cuộc họp Ban Kiểm Soát	20
CHƯƠNG VI.	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
Điều 32.	Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị.....	20
Điều 33.	Cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên và trách nhiệm của các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị.....	21
CHƯƠNG VII.	LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	21
Điều 34.	Các tiêu chuẩn và điều kiện của người điều hành Công Ty	21
Điều 35.	Bổ nhiệm người điều hành Công Ty	22
Điều 36.	Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công Ty.....	22
Điều 37.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công Ty.....	22
Điều 38.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công Ty.....	22
CHƯƠNG VIII.	PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	23
Điều 39.	Cuộc họp giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc.....	23
Điều 40.	Thông báo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị	23
Điều 41.	Đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị của Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát	23
Điều 42.	Báo cáo của Tổng Giám Đốc với Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát	24
Điều 43.	Các vấn đề Tổng Giám Đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát	25
Điều 44.	Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám Đốc.....	25
CHƯƠNG IX.	NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	25
Điều 45.	Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công Ty.....	25
Điều 46.	Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty.....	25
Điều 47.	Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công Ty.....	26
Điều 48.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty...26	
Điều 49.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty	26
CHƯƠNG X.	KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT.....	27
Điều 50.	Khen thưởng và kỷ luật	27
Điều 51.	Tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động.....	27

<i>Điều 52. Tiêu chí khen thưởng.....</i>	<i>28</i>
<i>Điều 53. Xử lý kỷ luật</i>	<i>28</i>
<i>Điều 54. Điều chỉnh quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật</i>	<i>29</i>
CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	29
<i>Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Quy Chế Quản Trị.....</i>	<i>29</i>
<i>Điều 56. Ngày hiệu lực</i>	<i>29</i>

DỰ THẢO

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh Nghiệp số 03/2022/QH15 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022;
3. Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán;
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
5. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
6. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
7. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
8. Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp;
9. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Quy Chế Nội Bộ Về Quản Trị Công Ty Của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong này (“**Quy Chế Quản Trị**”) được thông qua theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐTN của Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên vào ngày 19 tháng 04 năm 2023.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy Chế Quản Trị này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc; trình tự, thủ tục họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều Lệ và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.
- Quy Chế Quản Trị này được áp dụng đối với cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Trong Quy Chế Quản Trị này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - “**Công Ty**” là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.
 - “**Giấy phép thành lập và hoạt động**” là Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 cho Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông (tên trước đây của Công Ty) và các giấy phép của Công Ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - “**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**” là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với mã số doanh nghiệp là 0304814339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - “**Điều Lệ**” là Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty.
 - “**Vốn Điều Lệ**” là vốn điều lệ của Công Ty được quy định cụ thể tại Điều Lệ.
 - “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty¹.
 - “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty².
 - “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác³.

¹ Khoản 3 Điều 4 LDN 2020

² Khoản 18 Điều 4 LCK 2019

³ Khoản 5 Điều 4 LDN 2020

- i. **“Người quản lý Công Ty”** hoặc **“Người quản lý”** là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng⁴.
 - j. **“Người điều hành Công Ty”** hoặc **“Người điều hành”** là người điều hành Công Ty bao gồm Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều Lệ⁵ (nếu có).
 - k. **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công Ty được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.
 - l. **“Người có quan hệ gia đình”** là người trong các mối quan hệ theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp.
 - m. **“Luật Doanh Nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh Nghiệp số 03/2022/QH15 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.
 - n. **“Luật Chứng Khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - o. **“Việt Nam”** có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- 2. Trong Quy Chế Quản Trị này, việc tham chiếu đến bất kỳ văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản đó.
 - 3. Các tiêu đề (Điểm, Khoản, Điều, Mục, Chương của Quy Chế Quản Trị này) được sử dụng nhằm thuận tiện theo dõi việc đọc hiểu và không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung, ý nghĩa của Quy Chế Quản Trị này.
 - 4. Trừ trường hợp Quy Chế Quản Trị này có định nghĩa khác, các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Quy Chế Quản Trị này sẽ có nghĩa tương tự như trong Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị⁶

Quy Chế Quản Trị này được xây dựng dựa trên cơ sở các nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

- 1. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
- 2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý.
- 3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và (Ban) Tổng Giám Đốc.

⁴ Khoản 24 Điều 4 LDN 2020

⁵ Khoản 55 Điều 3 NĐ 155/2020/NĐ-CP

⁶ Điều 3 TT 121/2020/TT-BTC

4. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và (Ban) Tổng Giám Đốc phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ.
5. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
6. Đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông.
7. Giám sát và ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty và trong giao dịch với người có liên quan.
8. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công Ty.
9. Các nguyên tắc quản trị khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, quản trị⁷

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Hội Đồng Quản Trị.
3. Ban Kiểm Soát.
4. Tổng Giám Đốc.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông⁸

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;

⁷ Điều 137 LDN 2020 và Điều 11 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

⁸ Điều 138 LDN 2020

- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;
- k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty; Quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị; Quy chế hoạt động và Quy trình kiểm soát của Ban Kiểm Soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi nhiệm, miễn nhiệm kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ (nếu có).

Điều 6. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁹

1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích Công Ty;
 - b. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều Lệ;
 - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều này.
3. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều này.
4. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

⁹ Điều 140 LDN 2020

5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;
 - Xác định thời gian và địa điểm họp, hình thức tổ chức cuộc họp;
 - Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
 - Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
6. Thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát phải tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát¹⁰.
7. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của Công Ty¹¹.
8. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại trên cơ sở các chứng từ hợp lệ, đầy đủ. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi trả khi tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông¹²

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông của Công Ty. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng¹³. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã

¹⁰ Khoản 4 Điều 273 NB 155/2020/NĐ-CP

¹¹ Khoản 4 Điều 273 NB 155/2020/NĐ-CP

¹² Điều 141 LDN 2020

¹³ Điểm b Khoản 4 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC

số doanh nghiệp hoặc sổ giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Người quản lý Công Ty phải cung cấp kịp thời thông tin Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Điều Lệ.

Điều 8. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông¹⁴

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và phải lập thành văn bản, trong đó phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).
3. Cổ đông được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến;
 - d. Tham gia biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 9. Cách thức biểu quyết

1. Sau khi một hoặc một số vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã được thảo luận chi tiết, Chủ tọa cuộc họp sẽ tiến hành cho các cổ đông biểu quyết từng vấn đề.
2. Cổ đông hoặc đại diện được cổ đông ủy quyền dự họp thực hiện việc biểu quyết bằng cách lựa chọn phương án tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến cho từng nội dung được lấy ý kiến. Việc biểu quyết có thể được thực hiện bằng cách thức bỏ phiếu

¹⁴ Điều 144 LDN 2020

biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp (bỏ phiếu truyền thống) và/hoặc bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử phù hợp với quy định về bỏ phiếu điện tử được Công Ty áp dụng tại từng thời điểm (nếu có).

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định của Điều Lệ.
4. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua khi đáp ứng các tỷ lệ biểu quyết tán thành được quy định của Điều Lệ theo từng trường hợp cụ thể.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh bỏ phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau khoảng thời gian bỏ phiếu nhất định theo quy định, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Cổ đông hoặc đại diện được cổ đông ủy quyền dự họp tiến hành bỏ phiếu vào thùng phiếu tương ứng. Sau khi kết thúc bỏ phiếu, thùng phiếu sẽ được niêm phong trước sự chứng kiến của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Ban Kiểm Phiếu thực hiện kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Ban Kiểm Phiếu thực hiện kiểm phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại Hội Đồng Cổ Đông.
3. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay khi việc bỏ phiếu và niêm phong thùng phiếu kết thúc.
4. Ban Kiểm Phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau:
 - a. Ban Kiểm Phiếu làm việc trong phòng riêng dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty;
 - b. Ban Kiểm Phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
 - c. Kiểm tra tính hợp lệ của phiếu biểu quyết;
 - d. Kiểm tra lần lượt từng phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
 - e. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm Phiếu niêm phong toàn bộ phiếu biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.
5. Lập và công bố Biên bản kết quả kiểm phiếu:
 - a. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm Phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu.
 - b. Nội dung Biên bản kết quả kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - Thành viên Ban Kiểm Phiếu;
 - Tổng số phiếu phát ra, thu vào;
 - Tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ;
 - Số và tỷ lệ số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông;

- Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị/Ban Kiểm Soát.

- c. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm Phiếu.
6. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa phân công sẽ công bố kết quả kiểm phiếu ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.
 7. Trường hợp thực hiện bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) hoặc của đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hợp pháp theo quy định của pháp luật, kết quả bỏ phiếu sẽ do VSD hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ thống kê và cung cấp phù hợp với quy định nội bộ của Công Ty về bỏ phiếu điện tử (nếu có).

Điều 11. Cách thức không thông qua, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Khi đáp ứng đầy đủ các tỷ lệ, điều kiện, hình thức, thủ tục mua lại cổ phần... theo quy định của pháp luật có liên quan, việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông có thể được Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại và gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết về các vấn đề nêu trên. Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông với giá mua lại theo giá trị trường¹⁵. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
2. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi đến cổ đông hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây¹⁶:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp khác quy định tại của Điều Lệ.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

Điều 12. Lập biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông¹⁷

¹⁵ Điều 132 LDN 2020

¹⁶ Điều 151 LDN 2020

¹⁷ Điều 150 LDN 2020

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 150 của Luật Doanh Nghiệp.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
5. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
6. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 13. Hiệu lực các nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông¹⁸

1. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Điều Lệ, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 14. Thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản¹⁹

1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty, trừ trường hợp

¹⁸ Điều 152 LDN 2020

¹⁹ Điều 149 LDN 2020

các vấn đề phải được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được quy định tại Điều Lệ.

2. Hội Đồng Quản Trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 3 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bỏ phiếu điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Trường hợp gửi ý kiến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo quy định về bỏ phiếu điện tử được Công Ty áp dụng tại từng thời điểm;
 - d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 5 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
9. Trường hợp thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản và biểu quyết điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) hoặc của đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hợp pháp theo quy định của pháp luật, kết quả lấy ý kiến/bỏ phiếu sẽ do VSD hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ thống kê và

cung cấp phù hợp với quy định về bỏ phiếu điện tử được Công Ty áp dụng tại từng thời điểm (nếu có).

CHƯƠNG III. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị²⁰

1. Hội Đồng Quản Trị có từ 03 (ba) đến 07 (bảy) thành viên. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị trong mỗi nhiệm kỳ.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết là cổ đông của Công Ty;
 - c. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc/Giám đốc của công ty chứng khoán khác²¹;
 - d. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác²².
3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành là thành viên Hội Đồng Quản Trị không phải là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng của Công Ty²³.
4. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định của Điều Lệ;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công Ty; là người quản lý của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;

²⁰ Điều 155 LDN 2020

²¹ Khoản 1 Điều 8 TT 121/2020/TT-BTC

²² Khoản 3 Điều 275 NĐ 155/2020/NĐ-CP

²³ Khoản 56 Điều 3 NĐ 155/2020/NĐ-CP

- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát của Công Ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;
 - f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải thông báo với Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội Đồng Quản Trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có liên quan.
 6. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ tương tự như thành viên Hội Đồng Quản Trị khác.

Điều 16. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị²⁴

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị được công bố phải bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Các lợi ích liên quan đến Công Ty và các bên liên quan của Công Ty (nếu có).

Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến Công Ty của ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định của Điều Lệ có quyền đề cử ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Điều Lệ.

²⁴ Điều 274 NB 155/2020/NĐ-CP

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị cần phải biểu quyết bầu, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ và Quy Chế Quản Trị. Việc Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều Lệ. Cụ thể²⁵:
 - a. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
 - b. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ;
 - c. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Điều Lệ.
2. Phiếu bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị được Ban tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông in sẵn và được đóng dấu treo của Công Ty. Phiếu bầu có ghi tên cổ đông/người đại diện cổ đông, mã số thẻ, tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết, số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị cần bầu, tổng số phiếu bầu (đã được xác định bằng cách nhân tổng số cổ phần có quyền biểu quyết với số thành viên được bầu vào Hội Đồng Quản Trị), danh sách các ứng cử viên được đề cử/ứng cử vào Hội Đồng Quản Trị (được sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt).
3. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Phiếu bầu không phải do Ban tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông phát ra (không theo mẫu và không có dấu treo của Công Ty);
 - b. Phiếu bầu không có đầy đủ thông tin, chữ ký của cổ đông/người đại diện hợp pháp của cổ đông;
 - c. Phiếu bầu bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
 - d. Phiếu bầu ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - e. Phiếu bầu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
 - f. Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;

²⁵ Khoản 3 Điều 148 LDN 2020

- g. Phiếu bầu nộp cho Ban Kiểm Phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong;
- h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị²⁶

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị bị Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 15 của Quy Chế Quản Trị;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị bị Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
4. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng theo quy định của Điều Lệ. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Điều Lệ.
 - c. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị²⁷

1. Công Ty phải thực hiện việc công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện

²⁶ Điều 160 LDN 2020

²⁷ Điểm 1 Khoản 1 Điều 11, Điều 15 và Điều 23 TT 96/2020/TT-BTC

tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày có thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị.

2. Công Ty gửi cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Công Ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị²⁸

1. Hội Đồng Quản Trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ và Quy Chế Quản Trị này. Việc tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều Lệ. Hội Đồng Quản Trị họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị.
2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
3. Đề nghị quy định tại Khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.
4. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do không triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều này; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
5. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.
6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

²⁸ Điều 157 LDN 2020

Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 21. Điều kiện tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị

1. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp²⁹.
2. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.

Việc thảo luận giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được xem là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng biên bản có chữ ký của tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp này.

Điều 22. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị³⁰

1. Hội Đồng Quản Trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 3 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua fax, thư điện tử, phiếu biểu quyết phải được gửi đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải được giữ bí mật đến thời điểm biểu quyết.

²⁹ Khoản 8 Điều 157 LDN 2020

³⁰ Khoản 9, Khoản 10 và Khoản 11 Điều 157 LDN 2020

3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị

Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị³¹.

Điều 24. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị³²

1. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan³³.

³¹ Khoản 12 Điều 157 LDN 2020

³² Điều 158 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

³³ Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung LDN

3. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, thể hiện được đầy đủ nội dung cuộc họp. Trường hợp cần thiết theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, nội dung một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được lập thành nhiều biên bản với điều kiện tất cả các biên bản phải thể hiện được đầy đủ toàn bộ nội dung của cuộc họp đó. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.
4. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua³⁴. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 25. Thông báo nghị quyết Hội Đồng Quản Trị

1. Các bản sao hoặc trích sao biên bản các nghị quyết Hội Đồng Quản Trị do Chủ tịch hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị được ủy quyền ký, đóng dấu và chỉ lưu hành trong nội bộ Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 dưới đây hoặc trường hợp Hội Đồng Quản Trị có quyết định cụ thể khác hoặc phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin. Đồng thời, bản gốc các nghị quyết này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
2. Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị về việc thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công Ty được công bố thông tin cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty đúng theo quy định pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán³⁵.

CHƯƠNG V. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát³⁶

1. Ban Kiểm Soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) Kiểm Soát Viên, nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định số lượng thành viên của Ban Kiểm Soát trong mỗi nhiệm kỳ.
2. Thành viên Ban Kiểm Soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công Ty;

³⁴ Khoản 2 Điều 279 NB 155/2020/NB-CP

³⁵ Điểm i Khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC

³⁶ Điều 168 và Điều 169 LDN 2020

- e. Không thuộc các trường hợp sau³⁷:
 - (i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
 - (ii) Là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
 - f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
3. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này, Trưởng Ban Kiểm Soát phải có thêm tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty³⁸;
 - b. Không được đồng thời là thành viên ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác³⁹.

Điều 27. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban Kiểm Soát⁴⁰

- 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm Soát Viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 16 của Quy Chế Quản Trị này.
- 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Ban Kiểm Soát cần phải biểu quyết bầu, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Điều Lệ. Việc Ban Kiểm Soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Cách thức bầu Kiểm Soát Viên⁴¹

Việc bầu thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự như cách thức bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị được quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Quy Chế Quản Trị này.

Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên⁴²

- 1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm Kiểm Soát Viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm Soát Viên theo quy định của Điều Lệ;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

³⁷ Khoản 2 Điều 286 NB 155/2020/NĐ-CP

³⁸ Khoản 3 Điều 286 NB 155/2020/NĐ-CP

³⁹ Điểm a Khoản 1 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC

⁴⁰ Điều 285 NB 155/2020/NĐ-CP

⁴¹ Khoản 3 Điều 148 LDN 2020

⁴² Điều 174 LDN 2020

- c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
- 2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm Kiểm Soát Viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát⁴³

- 1. Công Ty phải thực hiện việc công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày Công Ty bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm Soát.
- 2. Công Ty gửi cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Công Ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát⁴⁴

- 1. Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm Soát. Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm Soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm Soát.
- 2. Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG VI. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị⁴⁵

- 1. Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
- 2. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị:
 - a. Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, của các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ;

⁴³ Điểm 1 Khoản 1 Điều 11, Điều 15 và Điều 23 TT 96/2020/TT-BTC

⁴⁴ Điều 289 NB 155/2020/NB-CP

⁴⁵ Điều 31 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

- b. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban;
- c. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 33. Cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên và trách nhiệm của các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị⁴⁶

1. Hội Đồng Quản Trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, từng thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị/thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người, bao gồm thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên bên ngoài.
3. Trưởng ban của mỗi tiểu ban sẽ được bổ nhiệm theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

CHƯƠNG VII. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 34. Các tiêu chuẩn và điều kiện của người điều hành Công Ty

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc⁴⁷:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - c. Có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc tại Bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
 - d. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
 - e. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn theo quy định của pháp luật;
 - f. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;
 - g. Không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - h. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của những người điều hành Công Ty khác: phù hợp với quy định của pháp luật và cơ cấu Công Ty do Hội Đồng Quản Trị quy định.

⁴⁶ Điều 31 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

⁴⁷ Khoản 5 Điều 74 LCK 2019 và Khoản 2 Điều 10 TT 121/2020/TT-BTC

Điều 35. Bổ nhiệm người điều hành Công Ty⁴⁸

1. Công Ty có 01 (một) Tổng Giám Đốc. Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị; chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được bổ nhiệm, tuyển dụng (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng với số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện phù hợp với quy định của Điều Lệ, quy định của pháp luật và cơ cấu tổ chức Công Ty được Hội Đồng Quản Trị thông qua⁴⁹.
4. Những người điều hành Công Ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ các hoạt động và tổ chức của Công Ty nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công Ty

1. Công Ty trả lương cho những người điều hành Công Ty theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Tiền lương của những người điều hành Công Ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty, phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên⁵⁰.
2. Các vấn đề liên quan trong hợp đồng lao động với những người điều hành Công Ty do Hội Đồng Quản Trị quyết định trên cơ sở thỏa thuận với những người đó, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công Ty có liên quan.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công Ty

1. Người điều hành Công Ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm người điều hành Công Ty;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
2. Người điều hành Công Ty có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công Ty⁵¹

1. Công Ty phải thực hiện việc công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công Ty cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày có thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công Ty.

⁴⁸ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 162 LDN 2020

⁴⁹ Khoản 2 Điều 34 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

⁵⁰ Khoản 4 Điều 34 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

⁵¹ Điểm 1 Khoản 1 Điều 11, Điều 15 và Điều 23 TT 96/2020/TT-BTC

2. Công Ty gửi cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Công Ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Cuộc họp giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc

1. Tại các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị và có thể mời thành viên Ban Tổng Giám Đốc tham dự để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Ban Tổng Giám Đốc, Kiểm Soát Viên được mời tham dự cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết⁵².
2. Tại các cuộc họp Ban Kiểm Soát, Trưởng Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc tham dự để trả lời các vấn đề cần được làm rõ và/hoặc thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc được mời tham dự cuộc họp Ban Kiểm Soát có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết⁵³.
3. Tại các cuộc họp Ban Tổng Giám Đốc, Tổng Giám Đốc có thể mời thành viên Hội Đồng Quản Trị, các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị và/hoặc Ban Kiểm Soát tham dự để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát được mời tham dự cuộc họp Ban Tổng Giám Đốc có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.
4. Thông báo mời họp phải được gửi chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên⁵⁴.

Điều 40. Thông báo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị⁵⁵

Bản sao các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội Đồng Quản Trị ban hành được gửi đến Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Điều 41. Đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị của Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát⁵⁶

1. Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát có quyền đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

⁵² Khoản 7 Điều 157 LDN 2020

⁵³ Điều 289 NĐ 155/2020/NĐ-CP

⁵⁴ Khoản 6 Điều 157 LDN 2020

⁵⁵ Khoản 1 Điều 171 LDN 2020

⁵⁶ Điều 157 LDN 2020 và Khoản 1 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị của Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do không triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều này; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 20 của Quy Chế Quản Trị.

Điều 42. Báo cáo của Tổng Giám Đốc với Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát

1. Tổng Giám Đốc có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Tổng Giám Đốc hoặc với những người có liên quan của Tổng Giám Đốc theo quy định của pháp luật và Điều Lệ⁵⁷.
2. Ngoài các trách nhiệm nêu tại Khoản 1 Điều này, Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát trong các trường hợp sau⁵⁸:
 - a. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty mà Tổng Giám Đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - b. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó người có liên quan của Tổng Giám Đốc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc cổ đông lớn.
3. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
4. Khi phát sinh những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của Công Ty, Tổng Giám Đốc cần báo cáo với Hội Đồng Quản Trị để được chỉ đạo xử lý kịp thời.
5. Tổng Giám đốc có quyền không thi hành hoặc bảo lưu ý kiến của mình đối với các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị trái quy định của pháp luật, vi phạm Điều Lệ và báo cáo với Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát bằng văn bản để xử lý kịp thời. Hội Đồng Quản Trị có quyền đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Tổng Giám Đốc trái quy định của pháp luật, vi phạm Điều Lệ, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, Đại Hội Đồng Cổ Đông.
6. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng Giám Đốc và những người điều hành Công Ty khác báo cáo về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
7. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh của Công Ty thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong từng thời kỳ, Tổng Giám Đốc phải báo cáo và có kế hoạch khắc phục trình Hội Đồng Quản Trị phê duyệt.

⁵⁷ Khoản 3 Điều 291 NB 155/2020/NĐ-CP

⁵⁸ Điều 299 NB 155/2020/NĐ-CP

Điều 43. Các vấn đề Tổng Giám Đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát

1. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty và/hoặc các nội dung khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc gửi đề xuất cho Hội Đồng Quản Trị ít nhất 07 (bảy) trước ngày biện pháp và/hoặc nội dung đó cần được phê duyệt.
2. Trong trường hợp cần thiết, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám Đốc, người điều hành khác của Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về hoạt động của Công Ty. Ban Tổng Giám Đốc, người điều hành khác của Công Ty phải cung cấp các thông tin, tài liệu trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát. Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp, không được sử dụng các thông tin, tài liệu chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác.

Điều 44. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám Đốc

1. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và thành viên Ban Tổng Giám Đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin với nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của các thành viên phù hợp với quy định tại Điều Lệ và quy định của pháp luật.
2. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và Điều Lệ; Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện đó.
3. Trường hợp phát sinh các vấn đề khẩn cấp, các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và thành viên Ban Tổng Giám Đốc có thể trao đổi bằng cách gặp gỡ trực tiếp, trao đổi thông qua điện thoại hoặc email để được giải quyết vấn đề một cách kịp thời, hiệu quả.

CHƯƠNG IX. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY⁵⁹

Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công Ty

Người phụ trách quản trị Công Ty cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.
2. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và quyết định của Hội Đồng Quản Trị tại từng thời điểm (nếu có).

Điều 46. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty

1. Hội Đồng Quản Trị phải bổ nhiệm/tuyển dụng ít nhất một 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định của Điều Lệ.

⁵⁹ Điều 281 NB 155/2020/NĐ-CP

2. Người phụ trách quản trị Công Ty đảm nhận và thực hiện công việc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ mới bổ nhiệm/tuyển dụng người khác thay thế và/hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với Hợp đồng lao động ký kết với Công Ty.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công Ty

Người phụ trách quản trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông.
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát.
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
4. Tham dự các cuộc họp.
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên.
7. Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty.
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ.
10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty

1. Người phụ trách quản trị Công Ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị Công Ty;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
2. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với Hợp đồng lao động ký kết với Công Ty.

Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty⁶⁰

1. Công Ty phải thực hiện việc công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày có thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty.

⁶⁰ Điểm 1 Khoản 1 Điều 11, Điều 15 và Điều 23 TT 96/2020/TT-BTC

2. Công Ty gửi cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Công Ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 50. Khen thưởng và kỷ luật

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông có thẩm quyền đánh giá hoạt động, ra quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát. Hội Đồng Quản Trị có thẩm quyền đánh giá hoạt động, ra quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các cá nhân giữ chức danh điều hành Công Ty do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.
2. Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được phân công, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và những người điều hành khác của Công Ty phải tự lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm và trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá.
3. Căn cứ vào kế hoạch đề ra của mỗi năm, Hội Đồng Quản Trị xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị; Ban Kiểm Soát xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban Kiểm Soát và Hội Đồng Quản Trị xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban Tổng Giám Đốc và những người điều hành khác của Công Ty do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.
4. Việc đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật phải được thực hiện một cách khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng người. Kết quả đánh giá của lần trước phải được lưu giữ và làm cơ sở cho lần đánh giá tiếp theo.
5. Phương thức đánh giá: Tùy thuộc vào quyết định của cấp có thẩm quyền tương ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều này, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và những người điều hành khác của Công Ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:
 - a. Tự nhận xét, đánh giá;
 - b. Tổ chức lấy ý kiến nhận xét và/hoặc phiếu tín nhiệm;
 - c. Phương thức khác do cấp có thẩm quyền quyết định tại từng thời điểm.

Điều 51. Tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động

Tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và những người điều hành khác của Công Ty tối thiểu gồm các tiêu chí sau đây:

1. Đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát:
 - a. Số lần tham dự các cuộc họp thường niên, định kỳ và bất thường;
 - b. Mức độ hoàn thành công việc được giao;
 - c. Số lần vi phạm trong việc thực hiện các công việc được giao.
2. Đối với thành viên Ban Tổng Giám Đốc và những người điều hành khác của Công Ty:

- a. Khả năng điều hành và quản trị;
 - b. Hiệu quả trong việc thực hiện các công việc được giao;
 - c. Số lần vi phạm trong việc thực hiện các công việc được giao.
3. Các tiêu chí khác theo quy định của Công Ty tại từng thời điểm.

Điều 52. Tiêu chí khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng:
 - a. Bằng khen;
 - b. Tiền;
 - c. Cổ phiếu;
 - d. Các hình thức khen thưởng khác.
2. Nguồn khen thưởng:
 - a. Trích từ Quỹ khen thưởng Công Ty hoặc nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua để chi thưởng.
3. Mức khen thưởng: Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế hàng năm của Công Ty và kết quả hoạt động của từng cá nhân để xem xét, quyết định mức khen thưởng hợp lý.

Điều 53. Xử lý kỷ luật

1. Nguyên tắc xử lý kỷ luật: Căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động, mức độ vi phạm để xác định mức độ và hình thức kỷ luật phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ, Quy Chế Quản Trị, Nội quy lao động của Công Ty và các thỏa thuận trong Hợp đồng lao động (nếu có). Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và những người điều hành khác của Công Ty không hoàn thành nhiệm vụ của mình do thiếu cẩn trọng, thiếu miễn cưỡng và/hoặc thiếu năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do mình gây ra.
2. Vi phạm bị xử lý kỷ luật bao gồm:
 - a. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và trách nhiệm của mình;
 - b. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn đưa ra quyết định vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Công Ty;
 - c. Vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ, Quy Chế Quản Trị, các quy chế, nội quy khác của Công Ty (nếu có).
3. Các hình thức xử lý kỷ luật:
 - a. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, sa thải, chấm dứt Hợp đồng lao động;

- b. Các hình thức khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ, Quy Chế Quản Trị, các quy chế, nội quy khác của Công Ty (nếu có).
4. Bên cạnh các hình thức xử lý kỷ luật nêu trên, các thành viên bị xử lý kỷ luật phải hoàn trả lại khoản lợi ích mà thành viên đó hưởng lợi và/hoặc bồi thường các khoản thiệt hại cho Công Ty phát sinh từ các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này và/hoặc hành vi vi phạm pháp luật gây ra.

Điều 54. Điều chỉnh quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật

Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị sẽ điều chỉnh, bổ sung quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và những người điều hành khác của Công Ty.

CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Quy Chế Quản Trị

- Việc bổ sung, sửa đổi Quy Chế Quản Trị sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và quyết định.
- Trong trường hợp các điều khoản trong Quy Chế Quản Trị này mâu thuẫn với quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan thì các quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật được ưu tiên áp dụng và điều chỉnh các vấn đề liên quan đến quản trị nội bộ Công Ty.

Điều 56. Ngày hiệu lực

- Bản Quy Chế Quản Trị này có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua tại cuộc họp thường niên ngày 19 tháng 04 năm 2023.
- Quy Chế Quản Trị này được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị pháp lý như nhau.
- Các bản sao hoặc trích lục Quy Chế Quản Trị này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc của Công Ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2023

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐỖ ANH TÚ

SO SÁNH QUY CHẾ QUẢN TRỊ 2022 VÀ QUY CHẾ QUẢN TRỊ 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

STT	Điều khoản	Nội dung		Ghi chú
		Quy Chế Quản Trị 2022	Quy Chế Quản Trị 2023	
1	Điều 10.5.b	<p>“b. Nội dung Biên bản kết quả kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu; - Thành viên Ban Kiểm Phiếu; - Tổng số cổ đông tham gia dự họp; - Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; - Số và tỷ lệ phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử không hợp lệ; <p>...”</p>	<p>“b. Nội dung Biên bản kết quả kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu; - Thành viên Ban Kiểm Phiếu; - Tổng số phiếu phát ra, thu vào; - Tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ; <p>...”</p>	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.
2	Điều 11.2	<p>“Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông...”</p>	<p>“Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi đến cổ đông hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông...”</p>	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.
3	Điều 12.1	Chưa có.	<p>“Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự</p>	Bổ sung phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp.

			hợp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản hợp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản hợp”.	
4	Điều 13.2	“Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ”.	“Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ”.	Điều chỉnh phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
5	Điều 14.1	“Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty”.	“Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty, trừ trường hợp các vấn đề phải được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được quy định tại Điều Lệ ”.	Điều chỉnh phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp.
6	Điều 17.2	“Phiếu bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị được Ban tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông in sẵn với danh sách các ứng cử viên sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt và được đóng dấu Công Ty. Phiếu bầu có ghi tên cổ đông/người đại diện cổ đông, tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết, số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu vào Hội Đồng Quản Trị, danh sách các ứng cử viên được đề cử/ứng cử vào Hội Đồng Quản Trị; và có đóng dấu treo của Công Ty”.	“Phiếu bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị được Ban tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông in sẵn và được đóng dấu treo của Công Ty. Phiếu bầu có ghi tên cổ đông/người đại diện cổ đông, mã số thẻ , tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết, số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị cần bầu, tổng số phiếu bầu (đã được xác định bằng cách nhân tổng số cổ phần có quyền biểu quyết với số thành viên được bầu vào Hội Đồng Quản Trị) , danh sách các ứng cử viên được đề cử/ứng cử vào Hội Đồng Quản Trị (được sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt)”.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.
7	Điều 17.3	Chưa được quy định.	“b. Phiếu bầu không có đầy đủ thông tin, chữ ký của cổ đông/người đại diện hợp pháp của cổ đông”.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.

8	Điều 21.2	“...Việc thảo luận giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được xem là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp ”.	“...Việc thảo luận giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được xem là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp ”.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.
9	Điều 25.1	“Các bản sao hoặc trích sao biên bản các nghị quyết Hội Đồng Quản Trị do Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền ký, đóng dấu và chỉ lưu hành trong nội bộ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 dưới đây hoặc trường hợp Hội Đồng Quản Trị có quyết định cụ thể khác...”	“Các bản sao hoặc trích sao biên bản các nghị quyết Hội Đồng Quản Trị do Chủ tịch hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị được ủy quyền ký, đóng dấu và chỉ lưu hành trong nội bộ Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 dưới đây hoặc trường hợp Hội Đồng Quản Trị có quyết định cụ thể khác hoặc phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin... ”	Điều chỉnh phù hợp với quy định của Thông Tư 96/2020/TT-BTC.
10	Điều 42.1	“Tổng Giám Đốc có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật và Điều Lệ”.	“Tổng Giám Đốc có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Tổng Giám Đốc hoặc với những người có liên quan của Tổng Giám Đốc theo quy định của pháp luật và Điều Lệ”.	Điều chỉnh phù hợp với quy định của Nghị Định 155/2020/NĐ-CP.

11	Điều 42.2	<p>“2. ..., Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>b. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó người có liên quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc cổ đông lớn”.</p>	<p>“2. ..., Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty mà Tổng Giám Đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>b. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó người có liên quan của Tổng Giám Đốc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc cổ đông lớn”.</p>	Điều chỉnh phù hợp với quy định của Nghị Định 155/2020/NĐ-CP.
12	Điều 46.2	<p>“Người phụ trách quản trị Công Ty đảm nhận và thực hiện công việc theo thời hạn của Hợp đồng lao động ký kết với Công Ty và cho đến khi Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ mới bổ nhiệm/tuyển dụng người khác thay thế”.</p>	<p>“Người phụ trách quản trị Công Ty đảm nhận và thực hiện công việc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ mới bổ nhiệm/tuyển dụng người khác thay thế và/hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với Hợp đồng lao động ký kết với Công Ty”.</p>	Điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tế của Công Ty.

Ghi chú: Ngoài các nội dung được liệt kê như trên, các sửa đổi, bổ sung khác về cách thức bố trí, cấu trúc, câu từ và dẫn chiếu trong Quy Chế Quản Trị 2023 chỉ nhằm mục đích bảo đảm rõ ràng, thống nhất về hình thức toàn bộ văn bản, không thay đổi nội dung, ý nghĩa so với Quy Chế Quản Trị 2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: 01/2023/TTr-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán trong năm tài chính 2023)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty;

Ban Kiểm Soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua phương án lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, báo cáo tình hình sử dụng vốn và/hoặc các báo cáo cần kiểm toán khác của Công Ty trong năm tài chính 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập bao gồm:
 - (i) Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Dịch Vụ Tin Học TP. Hồ Chí Minh (AISC);
 - (ii) Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn A&C;
 - (iii) Công Ty TNHH PKF Việt Nam;
 - (iv) Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y);
 - (v) Công Ty TNHH PWC Việt Nam.
2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán thuộc danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán trong năm tài chính 2023 của Công Ty.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

TRẦN THANH HƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: QCBC/ĐHĐCĐTN/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

**QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Điều Lệ**");
- Căn cứ nhu cầu bầu cử bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 ("**Đại hội**") của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**") tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo Quy Chế Bầu Cử Thành Viên Hội Đồng Quản Trị Và Thành Viên Ban Kiểm Soát này ("**Quy Chế**") với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1. Nguyên tắc bầu cử:
 - a. Việc bầu cử tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Điều Lệ và Quy Chế này nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
 - b. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.
2. Đối tượng được quyền tham gia bầu cử: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty (theo Danh sách người sở hữu chứng khoán có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do VSD chốt tại **ngày 14 tháng 03 năm 2023**) hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền dự họp có mặt tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ("**Đại biểu**").

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát bầu bổ sung

1. Bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị
 - a. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị bầu bổ sung: 01 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026.
 - b. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị:

- (i) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
- (ii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
- (iii) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc/Giám đốc của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 (năm) công ty khác;
- (iv) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty (nếu có).

2. Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát

- a. Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát bầu bổ sung: 01 (một) thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026.
- b. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát:
 - (i) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
 - (ii) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc nghiệp vụ kinh doanh của Công Ty;
 - (iii) Không được giữ các chức vụ quản lý Công Ty, không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty và không phải là thành viên hoặc nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - (iv) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - (v) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát

1. Đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát:

- a. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền cùng nhau lập thành nhóm cổ đông để đề cử ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và phải thông báo về việc lập nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội.
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử từ 01 (một) ứng cử viên đến 03 (ba) ứng cử viên vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.

- c. Người được đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Điều 2 của Quy Chế này.
2. Ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát: Người ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Điều 2 của Quy Chế này.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông, người ứng cử đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 của Quy Chế này có nhu cầu đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát gửi hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát về Ban Tổ chức Đại hội trước 17h00 ngày 12 tháng 04 năm 2023 theo thông tin liên hệ sau đây:

Ban Tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 - Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

Điện thoại: (028) 39118014 - Số nội bộ: 232 (Chị Tâm)

Fax: (028) 39118015

Email: tpbs@tpbs.com.vn

Sau thời hạn nêu trên, mọi hồ sơ đề cử, ứng cử gửi về Ban Tổ chức Đại hội sẽ không được xem xét giải quyết.

4. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát bao gồm:
- a. Thư đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát;
 - b. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai;
 - c. Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau của ứng cử viên: Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu; Hộ khẩu thường trú/Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương; Các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
 - d. Tài liệu chứng minh/xác nhận số cổ phiếu sở hữu hoặc đại diện sở hữu tính đến ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội (*ngày đăng ký cuối cùng là ngày 14 tháng 03 năm 2023*);
 - e. Văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cổ đông đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát trong trường hợp cổ đông thành lập nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên.
5. Chỉ các hồ sơ đề cử, ứng cử đáp ứng đầy đủ điều kiện đề cử, ứng cử và các ứng cử viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 3 của Quy Chế này mới được đưa vào danh sách ứng cử viên chính thức.
6. Người đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực và chính xác của nội dung hồ sơ đề cử, ứng cử.

Điều 4. Thẻ thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông sở hữu nhân với số thành viên được bầu bổ sung của Hội Đồng Quản Trị/Ban Kiểm Soát.
2. Cổ đông có quyền dồn toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 5. Hình thức tiến hành bầu cử

1. Thẻ bầu cử: Mỗi Đại biểu sẽ được nhận 01 (một) “**Thẻ bầu cử**” trên đó có ghi tên cổ đông/người đại diện của cổ đông, mã số thẻ bầu cử, tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết, số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị/thành viên Ban Kiểm Soát được bầu bổ sung, tổng số phiếu bầu (đã được xác định bằng cách nhân tổng số cổ phần có quyền biểu quyết với số thành viên được bầu bổ sung vào Hội Đồng Quản Trị/Ban Kiểm Soát), danh sách các ứng cử viên được đề cử/ứng cử vào Hội Đồng Quản Trị/Ban Kiểm Soát (được sắp xếp theo bảng chữ cái tiếng Việt); và có đóng dấu treo của Công Ty.
2. Cách ghi Thẻ bầu cử:
 - a. Cổ đông ghi tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đánh dấu “X” vào ô tương ứng có tên của ứng cử viên trên Phiếu bầu trong trường hợp dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 (một) ứng cử viên;
 - b. Cổ đông ghi số phiếu bầu cụ thể cho từng ứng cử viên vào ô tương ứng có tên của ứng cử viên đó trên Phiếu bầu trong trường hợp dồn một phần số phiếu bầu của mình để bầu cho từng ứng cử viên;
 - c. Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu hoặc Ban Tổ chức Đại hội hỗ trợ đổi Thẻ bầu cử khác để ghi lại (chỉ đổi khi chưa bỏ Thẻ bầu cử vào thùng phiếu).
3. Quy định về Thẻ bầu cử:
 - a. Thẻ bầu cử hợp lệ là Thẻ bầu cử đáp ứng được tất cả các điều kiện sau:
 - (i) Thẻ bầu cử do Ban Tổ chức Đại hội phát ra (theo mẫu và có dấu Công Ty);
 - (ii) Thẻ bầu cử có đầy đủ thông tin, chữ ký của Đại biểu;
 - (iii) Thẻ bầu cử không bị rách, gach, tẩy xóa, chỉnh sửa nội dung; không viết thêm nội dung/ký hiệu nào khác so với mẫu Thẻ bầu cử do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;
 - (iv) Thẻ bầu cử có tổng số phiếu bầu cho (những) ứng cử viên bằng hoặc thấp hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông.
 - b. Thẻ bầu cử không hợp lệ là Thẻ bầu cử thuộc một trong các trường hợp sau:
 - (i) Thẻ bầu cử không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điểm a nêu trên;
 - (ii) Thẻ bầu cử nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong.

- c. Thẻ bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

Điều 6. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh bỏ phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu hoặc sau khoảng thời gian bỏ phiếu nhất định được hướng dẫn bởi Ban Tổ chức Đại hội, tùy thuộc thời điểm nào đến trước.
2. Sau khi kết thúc bỏ phiếu, thùng phiếu sẽ được niêm phong trước sự chứng kiến của Đại hội.
3. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu và niêm phong thùng phiếu kết thúc.
4. Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty.
5. Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.
6. Trường hợp thực hiện bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) hoặc của đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hợp pháp theo quy định của pháp luật, kết quả bỏ phiếu sẽ do VSD hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ thống kê và cung cấp phù hợp với quy định nội bộ của Công Ty về bỏ phiếu điện tử (nếu có).

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử

1. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát cần bầu bổ sung.
2. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt số phiếu bầu ngang nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị/Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kết thúc việc kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu bằng văn bản.
2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa phân công công bố trước Đại hội trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội.

Điều 9. Khiếu nại và xử lý khiếu nại

Những khiếu nại phát sinh tại cuộc họp về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Đại biểu tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy Chế này. Đại biểu vi phạm Quy Chế này thì tùy theo mức độ vi phạm cụ thể, Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

2. Quy Chế này gồm 10 (mười) Điều và có hiệu lực thi hành ngay khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết thông qua tại Đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐỖ ANH TÚ

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc miễn nhiệm, danh sách ứng cử viên và bầu bổ sung thành viên Hội
Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ Đơn từ nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2023 của Ông Trần Sơn Hải - thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2023 của Bà Trần Thanh Hương - thành viên Ban Kiểm Soát;
- Căn cứ Quy chế Bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 (“**Quy Chế Bầu Cử**”);

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội Đồng Quản Trị đối với Ông Trần Sơn Hải và miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm Soát đối với Bà Trần Thanh Hương.
2. Thông qua danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 gồm có:
 - a. Danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị:
 - (i)
 - (ii)
 - b. Danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát:
 - (i)
 - (ii)

Thông tin về các ứng cử viên nêu trên được cung cấp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 và/hoặc đăng tải trên website của Công Ty: www.tpbs.com.vn.

3. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 theo Quy Chế Bầu Cử.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

ĐỖ ANH TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: 01/2023/NQ-ĐHĐCĐTN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“**Điều Lệ**”);

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG (“Công Ty” hoặc “TPS”)

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo của Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát bao gồm:

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công Ty.

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực tế năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tăng/giảm
Doanh thu	2.733	2.831	3,59%
Chi phí	2.557	2.601	1,72%
Lợi nhuận trước thuế	176	230	30,68%

2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023.
3. Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (theo Tờ trình số 01/2023/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2023).

Một số chỉ số quan trọng trong Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ số	Số liệu trong Báo cáo tài chính năm	
		Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng tài sản	4.764.070.036.075	6.706.708.866.907
2	Doanh thu	1.359.595.840.740	2.732.979.169.408
3	Lợi nhuận trước thuế	271.347.363.696	176.193.705.806
4	Lợi nhuận sau thuế	210.684.062.435	135.674.849.362
5	Lợi nhuận lũy kế	171.200.078.393	289.754.919.915

6	Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	154.080.070.553	289.754.919.915
---	---------------------------------	-----------------	-----------------

Điều 3. Thông qua thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát (theo Tờ trình số 02/2023/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2023).

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (theo Tờ trình số 03/2023/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2023).

1. Trích lập các quỹ, dự phòng năm 2022:

(ĐVT: đồng)

Chỉ số		Năm 2022	
		Kế hoạch	Thực tế
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	400.000.000.000	135.674.849.362
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	554.080.070.553	289.754.919.915
3	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% LNST)	27.704.003.528	0
4	Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (5% LNST)	27.704.003.528	0
5	Lợi nhuận giữ lại sau trích các quỹ, dự phòng (5) = (2) - [(3) + (4)]	498.672.063.498	289.754.919.915

2. Phân phối lợi nhuận giữ lại năm 2022: Lợi nhuận giữ lại năm 2022 dự kiến được sử dụng cho kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh của Công Ty trong năm 2023; do vậy, Công Ty không phân phối lợi nhuận giữ lại năm 2022.

Điều 5. Thông qua kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu năm 2023 với tổng giá trị mệnh giá phát hành dự kiến là 2.000 tỷ đồng (theo Tờ trình số 04/2023/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2023) với các nội dung chính như sau:

Tổ chức phát hành	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.
Loại Trái Phiếu	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có hoặc không có bảo đảm (“ Trái Phiếu ”).
Mệnh giá Trái Phiếu	100.000.000 VND/Trái Phiếu (một trăm triệu đồng một trái phiếu) hoặc bội số của 100.000.000 VND (một trăm triệu đồng).
Giá phát hành Trái Phiếu	Theo mệnh giá Trái Phiếu.
Đồng tiền phát hành và thanh toán Trái Phiếu	Đồng Việt Nam.
Tổng giá trị mệnh giá Trái Phiếu phát hành	Dự kiến 2.000.000.000.000 VND (hai nghìn tỷ đồng), được phát hành thông qua một hoặc chia thành nhiều đợt phát hành (mỗi đợt phát hành được gọi là “ Đợt Phát Hành ”). Hội Đồng Quản Trị quyết định tổng giá trị mệnh giá Trái Phiếu phát hành trong từng Đợt Phát Hành tùy thuộc vào nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Tài sản bảo đảm (nếu có)	Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn các tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Công Ty và/hoặc bên thứ ba và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác được pháp luật cho phép nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.
Kỳ hạn của Trái Phiếu	Tối đa 05 (năm) năm. Hội Đồng Quản Trị quyết định kỳ hạn của Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành phù hợp với nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm.
Lãi suất Trái Phiếu	Hội Đồng Quản Trị quyết định mức lãi suất và phương thức xác định lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành, bảo đảm việc huy động vốn của Công Ty hiệu quả, phù hợp với tình hình thị trường tại từng thời điểm.
Kỳ tính lãi của Trái Phiếu	Định kỳ 03 tháng/lần, 06 tháng/lần, 12 tháng/lần hoặc thanh toán một lần tại ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn của Trái Phiếu. Kỳ tính lãi của Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành sẽ được Hội Đồng Quản Trị quyết định phù hợp với nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm.
Phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu	Phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành hoặc phát hành đại chúng/chào bán ra công chúng. Phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu cụ thể của từng Đợt Phát Hành sẽ được Hội Đồng Quản Trị quyết định bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
Đối tượng phát hành	Các tổ chức kinh tế, định chế tài chính, tổ chức tín dụng, nhà đầu tư chứng khoán cá nhân/tổ chức có nhu cầu đầu tư Trái Phiếu bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
Thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu	Gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần tại ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn của Trái Phiếu. Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ theo kỳ tính lãi của Trái Phiếu.
Thời gian phát hành/chào bán Trái Phiếu	Thời gian thực hiện phát hành/chào bán Trái Phiếu cụ thể của từng Đợt Phát Hành sẽ được Hội Đồng Quản Trị quyết định bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
Mua lại Trái Phiếu trước hạn	Công Ty có thể mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu đã được phát hành trước ngày đáo hạn của Trái Phiếu. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể tại các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu có liên quan.
Mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu	Tùy thuộc vào phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, Công Ty có thể phát hành/chào bán Trái Phiếu cho một, một số hoặc tất cả các mục đích sau đây: (i) Nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn của Công Ty để thực hiện các nghiệp vụ tự doanh, tư vấn, bảo lãnh

	<p>phát hành chứng khoán và/hoặc các nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của Công Ty;</p> <p>(ii) Huy động vốn nhằm thực hiện hoạt động đầu tư của Công Ty, bao gồm thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, góp vốn đầu tư, mua cổ phần/phần vốn góp hoặc thực hiện đầu tư vốn dưới hình thức khác để phát triển quy mô hoạt động của Công Ty; và/hoặc</p> <p>(iii) Cơ cấu nợ của Công Ty.</p>
Phương án sử dụng vốn thu được từ phát hành/chào bán Trái Phiếu	<p>Việc sử dụng vốn thu được từ phát hành/chào bán Trái Phiếu phải bảo đảm đúng mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu theo phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư.</p> <p>Hội Đồng Quản Trị căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công Ty để cân đối việc sử dụng vốn thu được từ phát hành/chào bán Trái Phiếu phù hợp với quy định nêu trên, bảo đảm việc sử dụng vốn tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với kế hoạch hoạt động của Công Ty.</p>
Nguồn thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu	<p>Gốc và lãi Trái Phiếu sẽ được thanh toán từ:</p> <p>(i) Nguồn tiền mặt của Công Ty tại thời điểm thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu;</p> <p>(ii) Dòng tiền thu được từ hoạt động của Công Ty;</p> <p>(iii) Các tài sản và nguồn tiền hợp pháp khác của Công Ty.</p>

Điều 6. Thông qua phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu năm 2023 để tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng (theo Tờ trình số 05/2023/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2023) với các nội dung chính như sau:

Tên tổ chức phát hành	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong
Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong
Mã chứng khoán	ORS (HOSE)
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 VND/cổ phiếu (<i>mười nghìn đồng một cổ phiếu</i>)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000 (<i>hai trăm triệu</i>) cổ phiếu
Vốn điều lệ hiện hành	2.000.000.000.000 VND (<i>hai nghìn tỷ đồng</i>)
Số lượng cổ phiếu phát hành/chào bán thêm	Dự kiến 200.000.000 (<i>hai trăm triệu</i>) cổ phiếu
Tổng giá trị mệnh giá cổ phiếu phát hành/chào bán thêm	Dự kiến 2.000.000.000.000 VND (<i>hai nghìn tỷ đồng</i>)
Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi phát hành/chào bán thêm cổ phiếu	Dự kiến 400.000.000 (<i>bốn trăm triệu</i>) cổ phiếu
Vốn điều lệ sau khi phát	Dự kiến 4.000.000.000.000 VND (<i>bốn nghìn tỷ đồng</i>)

hành/chào bán thêm cổ phiếu	
Phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu	<p>Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong hai phương án hoặc cả hai phương án sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; và/hoặc 2. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ. <p><i>Chi tiết từng phương án phát hành/chào bán cổ phiếu được trình bày tại Tờ trình số 05/2023/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2023.</i></p>
Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành/chào bán thêm cổ phiếu	<p>Phát hành/chào bán thêm cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ của Công Ty. Qua đó:</p> <ol style="list-style-type: none"> (i) Nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn của Công Ty để thực hiện các nghiệp vụ tự doanh, tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán và/hoặc các nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của Công Ty; (ii) Huy động vốn nhằm thực hiện hoạt động đầu tư của Công Ty, bao gồm thực hiện các chương trình, kế hoạch đầu tư, góp vốn đầu tư, mua cổ phần/phần vốn góp hoặc thực hiện đầu tư vốn dưới hình thức khác để phát triển quy mô hoạt động của Công Ty; và/hoặc (iii) Cơ cấu nợ của Công Ty.
Thời gian triển khai thực hiện phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu	<p>Dự kiến trong năm 2023 hoặc Quý 1/2024.</p> <p>Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định thứ tự, thời điểm cụ thể thực hiện (từng) phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn việc các phương án phát hành/chào bán thêm cổ phiếu có thể được thực hiện đồng thời/cùng lúc phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).</p>

Điều 7. Thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm (theo Tờ trình số 06/2023/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2023).

Điều 8. Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công Ty (theo Tờ trình số 07/2023/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2023).

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty (theo Tờ trình số 08/2023/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2023). Theo đó, thông qua việc ban hành Điều lệ mới và Quy chế nội bộ về quản trị mới như dự thảo đính kèm Tờ trình.

Điều 10. Thông qua phương án lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, báo cáo tình hình sử dụng vốn và/hoặc các báo cáo cần kiểm toán khác của Công Ty trong năm tài chính 2023 (theo Tờ trình số 01/2023/TTr-BKS ngày 19 tháng 04 năm 2023).

Điều 11. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2023.

Điều 12. Thông qua kết quả bầu bổ sung 01 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026:

1. Ông/Bà trúng cử làm thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026.
2. Ông/Bà trúng cử làm thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 13. Nghị Quyết này được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2023 ngày 19 tháng 04 năm 2023.

Nghị Quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc của Công Ty chịu trách nhiệm triển khai thi hành Nghị Quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VT.

ĐỖ ANH TÚ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 3 x 4

**SƠ YẾU LÝ LỊCH ỨNG CỬ VIÊN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT**

Chức danh đề cử, ứng cử:

☐ Thành viên Hội Đồng Quản Trị

☐ Thành viên Ban Kiểm Soát

- 1 Họ và tên: Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
- 2 Ngày sinh: Nơi sinh:
- 3 Quốc tịch:
- 4 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
- 5 Ngày cấp: Nơi cấp:
- 6 Hộ khẩu thường trú:
- 7 Chỗ ở hiện nay:
- 8 Số cổ phiếu sở hữu: cổ phiếu (MCK: ORS)
- 9 Trình độ văn hóa: Trình độ chuyên môn:
- 10 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc

- 11 Các chức danh quản lý đang nắm giữ tại các công ty/tổ chức khác (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty/tổ chức):
- 12 Lợi ích có liên quan đến Công Ty và người có liên quan của Công Ty (nếu có):

Ứng cử viên thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

- a. Các thông tin được cung cấp, xác nhận trên đây đầy đủ, chính xác và trung thực. Công Ty được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp, xác nhận trên đây nhằm

mục đích cho việc tổ chức bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và nhằm mục đích thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

- b. Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của Công Ty và quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát;
- d. Ứng cử viên hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có thông tin sai lệch, thiếu sót và/hoặc chậm trễ, không cập nhật thông tin cho Công Ty.

TP. HCM, ngày tháng năm 2023

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- Mẫu này dành cho ứng cử viên được đề cử, ứng cử làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 của Công Ty;
- Mẫu này cùng hồ sơ đề cử, ứng cử theo quy định được gửi về Ban Tổ chức Đại hội trước **17h00 ngày 17 tháng 04 năm 2023** theo liên hệ dưới đây:

Ban Tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 - Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

Điện thoại: (028) 39118014 - Số nội bộ: 232 (Chị Tâm)

Fax: (028) 39118015

Email: tpbs@tpbs.com.vn

- Ảnh mới chụp không quá 06 tháng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

VĂN BẢN THỎA THUẬN THÀNH LẬP NHÓM CỔ ĐÔNG

ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

Chúng tôi là những cổ đông cùng nhau nắm giữ/sở hữu cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty, cụ thể như sau:

STT	Tên cổ đông	Mã số cổ đông	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN	Số lượng cổ phần sở hữu	Ký tên
1					
...					
Tổng cộng:					

Sau khi tiến hành họp nhóm cổ đông vào ngày tháng năm, chúng tôi thống nhất đề cử Ông/Bà, số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, làm đại diện nhóm cổ đông chúng tôi để quyết định các vấn đề và thực hiện các thủ tục liên quan đến đề cử ứng cử viên cho việc bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2023 của Công Ty.

Nội dung và thông tin về người được chúng tôi đề cử là ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát được nêu cụ thể tại Thư đề cử gửi kèm theo Văn Bản Thỏa Thuận Thành Lập Nhóm Cổ Đông này.

Chúng tôi cam kết là các thông tin được cung cấp trên đây đầy đủ, trung thực và chính xác. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc lập nhóm cổ đông này, cam kết liên đới chịu trách nhiệm đối với việc cử người đại diện nhóm cổ đông thực hiện các công việc được quy định tại Văn Bản Thỏa Thuận Thành Lập Nhóm Cổ Đông này; và cam kết tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, quy định của Công Ty liên quan đến việc đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát.

TP. HCM, ngày tháng năm 2023

Đại diện nhóm cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/2023/TPS-TB

TP. HCM, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

(V/v: Đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát)

Kính gửi: Quý cổ đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“**Điều Lệ**”);

Hội Đồng Quản Trị Công Ty trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 (“**Đại hội**”) của Công Ty như sau:

I. LÝ DO BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị thay cho ông Trần Sơn Hải - thành viên Hội Đồng Quản Trị do có Đơn từ nhiệm ngày 16/03/2023.
2. Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát thay cho bà Trần Thanh Hương - thành viên Ban Kiểm Soát do có Đơn từ nhiệm ngày 16/03/2023.

II. SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT BẦU BỔ SUNG

1. Bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị
 - a. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị bầu bổ sung: 01 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026.
 - b. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị:

- (i) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
- (ii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
- (iii) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc/Giám đốc của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 (năm) công ty khác;
- (iv) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty (nếu có).

2. Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm Soát

- a. Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát bầu bổ sung: 01 (một) thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026.
- b. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát:
 - (i) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
 - (ii) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc nghiệp vụ kinh doanh của Công Ty;
 - (iii) Không được giữ các chức vụ quản lý Công Ty, không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty và không phải là thành viên hoặc nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - (iv) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - (v) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

III. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát:

- a. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền cùng nhau lập thành nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và phải thông báo về việc lập nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội.

- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử từ 01 (một) ứng cử viên đến 03 (ba) ứng cử viên vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.
 - c. Người được đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Mục II của Thông báo này.
2. Ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát: Người ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Mục II của Thông báo này.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông, người ứng cử đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Mục III của Thông báo này có nhu cầu đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát gửi hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát về Ban Tổ chức Đại hội trước 17h00 ngày 17 tháng 04 năm 2023 theo thông tin liên hệ sau đây:

Ban Tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 - Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

Điện thoại: (028) 39118014 - Số nội bộ: 232 (Chị Tâm) Fax: (028) 39118015

Email: tpbs@tpbs.com.vn

Sau thời hạn nêu trên, mọi hồ sơ đề cử, ứng cử gửi về Ban Tổ chức Đại hội sẽ không được xem xét giải quyết.

4. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát bao gồm:
- a. Thư đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát (*mẫu đính kèm*);
 - b. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (*mẫu đính kèm*);
 - c. Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau của ứng cử viên: Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu; Hộ khẩu thường trú/Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương; Các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
 - d. Tài liệu chứng minh/xác nhận số cổ phiếu sở hữu hoặc đại diện sở hữu tính đến ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội (*ngày đăng ký cuối cùng 14/03/2023*);
 - e. Văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cổ đông đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát trong trường hợp cổ đông thành lập nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên (*mẫu đính kèm*).

5. Chỉ các hồ sơ đề cử, ứng cử đáp ứng đầy đủ điều kiện đề cử, ứng cử và các ứng cử viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Mục III của Thông báo này mới được đưa vào danh sách ứng cử viên chính thức.
6. Người đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực và chính xác của nội dung hồ sơ đề cử, ứng cử.

IV. BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Trường hợp số ứng cử viên thông qua đề cử, ứng cử không đủ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát cần phải bầu bổ sung, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên trước khi tiến hành bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát tại Đại hội.
2. Quy chế bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Danh sách ứng cử viên chính thức sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.
3. Đại hội sẽ tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát theo Quy chế bầu cử và Danh sách ứng cử viên chính thức được thông qua tại Đại hội.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

(đã ký)

ĐỖ ANH TÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

THƯ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

Tên cổ đông: **Mã số cổ đông:**

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN:

Ngày cấp: **Nơi cấp:**

Địa chỉ: **Điện thoại:**

Người đại diện theo pháp luật (cổ đông là tổ chức):

Là cổ đông/đại diện nhóm cổ đông sở hữu cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty (đính kèm văn bản thành lập nhóm cổ đông, nếu có).

Căn cứ Thông báo số/2023/TPS-TB ngày tháng năm 2023 về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, nay, tôi/chúng tôi thực hiện việc đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát như sau:

Hạng mục đề cử, ứng cử	Tên người được đề cử/ứng cử
Đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị	
<input type="checkbox"/> Đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị
<input type="checkbox"/> Ứng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị
Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát	
<input type="checkbox"/> Đề cử thành viên Ban Kiểm Soát
<input type="checkbox"/> Ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát

TP. HCM, ngày tháng năm 2023

Người được đề cử
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đề cử, ứng cử
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên tự khai (*theo mẫu*);
2. Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau của ứng cử viên: Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu; Hộ khẩu thường trú/Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương; Các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
3. Tài liệu chứng minh/xác nhận số cổ phiếu sở hữu hoặc đại diện sở hữu tính đến ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023;
4. Văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cổ đông (nếu cổ đông thành lập nhóm cổ đông đề cử, nếu có) (*theo mẫu*).